

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG SÓC TRĂNG**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Sóc Trăng, tháng 3 - 2025

BẢNG CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
CĐCĐ	Cao đẳng Cộng đồng
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLGD	Chất lượng giáo dục
CNTT	Công nghệ thông tin
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CT	Chương trình
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐDDH	Đồ dùng dạy học
ĐT	Đào tạo
GDMN	Giáo dục Mầm non
GV	Giáo viên
GVMN	Giáo viên mầm non
HSSV	Học sinh, sinh viên
K.SP	Khoa Sư phạm
KTĐG	Kiểm tra, đánh giá
MN	Mầm non
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NH	Người học
P.ĐT	Phòng Đào tạo
P.QT	Phòng Quản trị
PP	Phương pháp

QT	Quản trị
SP	Sư phạm
SV	Sinh viên
TN	Tốt nghiệp
TTNN	Thực tập nghề nghiệp
TTSP	Thực tập sư phạm
TTTN	Thực tập tốt nghiệp
VC	Viên chức

PHẦN 1.

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG SÓC TRĂNG, KHOA SƯ PHẠM VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

1. Thông tin chung về trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng

1.1. Tên trường: Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng

1.2. Tên tiếng Anh: Soctrang Community College

1.3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng

1.4. Địa chỉ trường:

- Trụ sở chính: số 139, tỉnh lộ 934, ấp Hòa Mỹ, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Địa điểm đào tạo ngành Dược và Điều dưỡng: số 137 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

1.5. Số điện thoại: 0299.3827028

1.6. Fax: 0299.3827028

1.7. Email: cdcdst@vnn.vn

1.8. Website: www.stcc.edu.vn

1.9. Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1997 (Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh Sóc Trăng)

- Năm thành lập Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng: 2006 (Quyết định số 2917/QĐ-BGD&ĐT ngày 08/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Đến năm 2020, sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật Sóc Trăng, Trường Trung cấp Y tế Sóc Trăng, Trường Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng và đi vào hoạt động cho đến nay (theo Quyết định số 1251/QĐ-LĐTBXH ngày 06/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

1.10. Loại hình trường đào tạo: Công lập

2. Khái quát về lịch sử phát triển; chức năng, nhiệm vụ; mục tiêu, sứ mạng và phương châm của Trường CĐCD Sóc Trăng

2.1. Khái quát về lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Cộng đồng (CĐCĐ) Sóc Trăng được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Sóc Trăng theo Quyết định số 2917/QĐ-BGD&ĐT ngày 08/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Trường CĐCĐ Sóc Trăng là một cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; chịu sự quản lý nhà nước về GDNN của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH); cơ quan chủ quản trực tiếp là Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 06/9/2019, Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH có Quyết định số 1251/QĐ-LĐTBXH về việc sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật Sóc Trăng, Trường Trung cấp Y tế Sóc Trăng, Trường Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng vào Trường CĐCĐ Sóc Trăng.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, Trường có nhiều thay đổi cơ cấu tổ chức, bộ máy do chủ trương sáp nhập các trường theo Đề án số 07/ĐA-UBND ngày 20/5/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng. Đến nay, Trường CĐCĐ Sóc Trăng cơ bản đã hoàn thiện về cơ cấu bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và là đơn vị có lực lượng trí thức có trình độ cao trên địa bàn Tỉnh. Cơ sở vật chất của Trường về cơ bản đã đáp ứng khá tốt nhu cầu quản lý, giảng dạy và học tập.

2.2. Chức năng và nhiệm vụ

a) Chức năng

Đào tạo, bồi dưỡng và liên kết đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn;

Nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tham gia giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương theo các lĩnh vực hoạt động của nhà trường;

Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng nhân lực các ngành kinh tế, xã hội - nhân văn, sư phạm, y tế, văn hóa - du lịch và một số ngành nghề khác theo hệ thống mã ngành giáo dục nghề nghiệp theo nhu cầu thị trường lao động và nhu cầu đòi hỏi của quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng và tiến tới mở rộng cung ứng dịch vụ đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực ở các trình độ cao đẳng, trung cấp và trình độ khác cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đúng quy định pháp luật.

b) Nhiệm vụ: Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Giáo dục đại học 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một

số điều của Luật giáo dục đại học 2018; Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014; Luật Giáo dục 2019 và các quy định pháp luật có liên quan đối với các hoạt động sau:

Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên. Liên kết đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo;

Tổ chức biên soạn, xây dựng hoặc lựa chọn, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo, học liệu đối với từng ngành, nghề đào tạo;

Xây dựng Quy chế tuyển sinh, đào tạo, kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh;

Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; in phôi, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo. Tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và đào tạo các ngành, nghề đặc thù theo quy định của Chính phủ;

Quản lý người học, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ và các hoạt động giáo dục toàn diện khác cho người học;

Tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp, việc làm cho người học và tổ chức hoạt động hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp;

Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với lao động nông thôn, lao động nữ, người khuyết tật và các chính sách khác;

Tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của trường bảo đảm đủ về số lượng, phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo;

Cử hoặc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của trường học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp; tổ chức cho đội ngũ nhà giáo, người học tham quan, thực tập tại doanh nghiệp và hỗ trợ giải quyết việc làm cho người học;

Phối hợp với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên để tuyên truyền, hướng nghiệp, phân luồng học sinh vào học các trình độ của giáo dục nghề nghiệp;

Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về giáo dục nghề nghiệp, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương;

Thực hiện dân chủ, công khai theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn giảng dạy, tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp cho người học. Có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường;

Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính, tài sản của trường theo quy định của pháp luật;

Cung cấp dữ liệu về tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp của trường để xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định;

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Sứ mạng, mục tiêu và phương châm

Sứ mạng: Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng là cơ sở đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà và khu vực.

Mục tiêu: Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp theo hướng đào tạo đa ngành, nghề, đa lĩnh vực, nhằm đáp ứng nhu cầu cung ứng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng theo nhu cầu thị trường lao động và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đến năm 2025 và phấn đấu trở thành trường chất lượng cao, có uy tín về đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ của tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030.

Phương châm: Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng “Vì cộng đồng - phục vụ cộng đồng”.

3. Về cơ cấu tổ chức và nhân sự của Nhà trường:

3.1. Cơ cấu tổ chức

Công tác tổ chức, xây dựng bộ máy của Nhà trường ngày càng hoàn thiện với các đơn vị như sau:

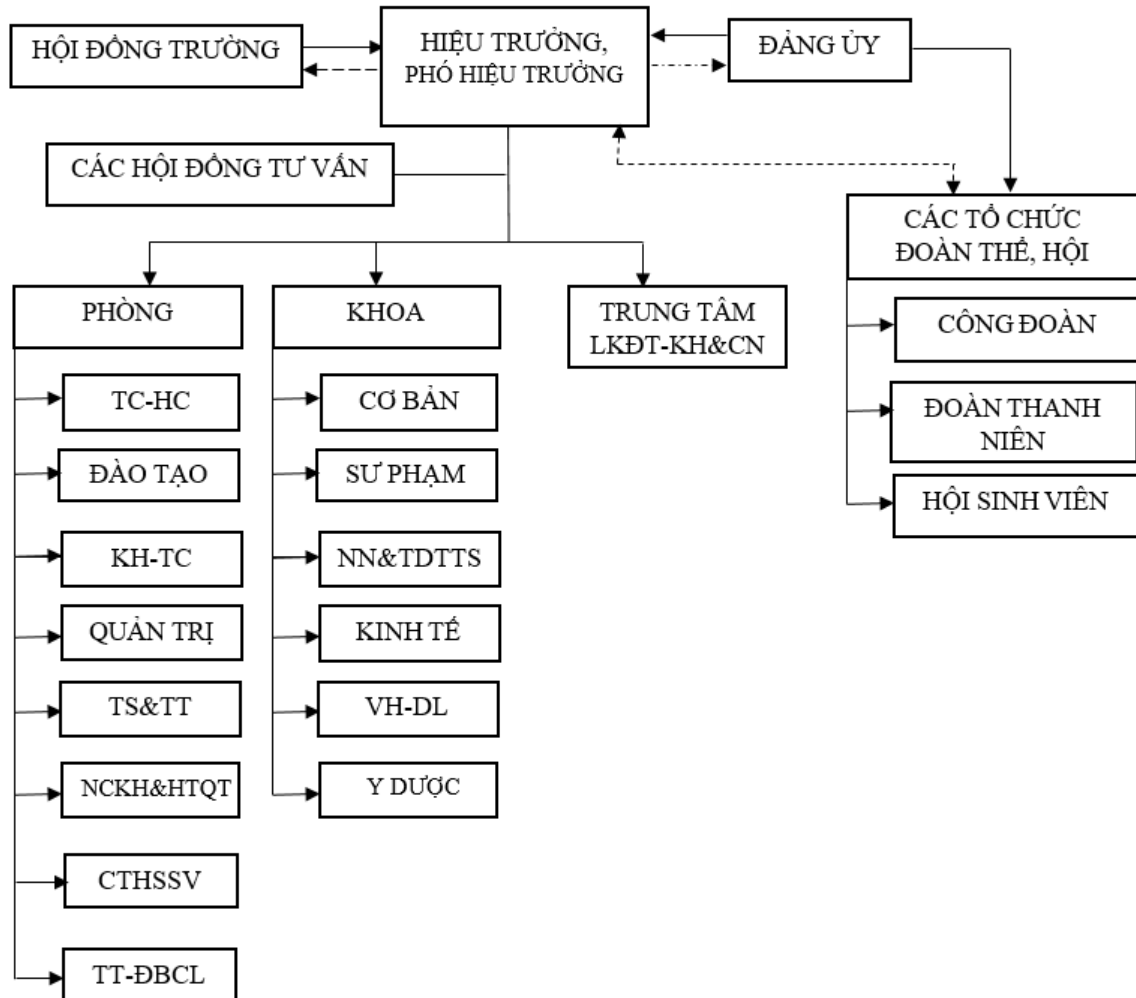
- 08 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC), Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch - Tài chính (KH-TC), Phòng Quản trị, Phòng Tuyển sinh và Truyền thông (TS&TT), Phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế (NCKH&HTQT), Phòng Công tác học sinh, sinh viên (CTHSSV), Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng (TT-ĐBCL).

- 06 khoa: Khoa Cơ bản, Khoa Sư phạm, Khoa Ngoại ngữ và Tiếng Dân tộc thiểu số (NN&TDTTS), Khoa Kinh tế, Khoa Văn hóa - Du lịch (VH-DL), Khoa Y-Dược và các bộ môn thuộc khoa.

- 01 trung tâm: Trung tâm Liên kết đào tạo - Khoa học và Công nghệ (LKĐT-KH&CN)

- Các hội đồng tư vấn cấp trường, cấp khoa.

- Tổ chức Đảng và các đoàn thể



Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường CĐCD Sóc Trăng

3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
-------------	-----------	----------	--------	--------------------

1. Lãnh đạo Trường	Đinh Thị Thái Hà	1972	ThS. Văn học Việt Nam	Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Tâm	1973	ThS. Lý luận và Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên				
Đảng bộ	Đinh Thị Thái Hà	1972	ThS. Văn học Việt Nam	Bí thư
Công đoàn	Đinh Thị Thái Hà	1972	ThS. Văn học Việt Nam	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Lê Văn Hiếu	1986	ThS. Giáo dục thể chất	Bí thư
Hội Sinh viên				Chủ tịch
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng TC-HC	Trương Tấn Minh	1975	Cử nhân Tin học	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Võ Thanh Sang	1976	ThS. Quản trị kinh doanh	Trưởng phòng
Phòng KH-TC	Quách Hồng Duyên	1984	ThS. Quản trị kinh doanh	Trưởng phòng
Phòng Quản trị	Nguyễn Trần Hoàng Vũ	1984	ThS. Kỹ thuật điện	P. Trưởng phòng phụ trách
Phòng TS&TT	Nguyễn Thị Thuở	1981	TS. Khoa học cây trồng	Trưởng phòng
Phòng NCKH&HTQT	Nguyễn Tuyết Lan	1983	ThS. Lý luận và Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	Trưởng phòng

Phòng CTHSSV	Diệp Anh Huy	1976	ThS. Triết học	Trưởng phòng
Phòng TT-ĐBCL	Điền Huỳnh Ngọc Tuyết	1968	ThS. Vi sinh học	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa				
Khoa Cơ bản	Chương Ngọc Duy Hưng	1976	TS. Toán ứng dụng	P. Trưởng khoa phụ trách
Khoa Sư phạm	Trịnh Thanh Hà	1969	ThS. Triết học	Trưởng khoa
Khoa NN&TDTTS	Lâm Ngọc Trang	1972	ThS. Lý luận và PPDH bộ môn Tiếng Anh	P. Trưởng khoa phụ trách
Khoa Kinh tế	Trương Ngọc Phụng	1976	ThS. Khoa học máy tính	P. Trưởng khoa phụ trách
Khoa VH-DL	Võ Văn Sự	1972	ThS. Văn hóa học	Trưởng khoa
Khoa Y - Dược	Lê Thị Bá Hồng	1974	Bác sĩ chuyên khoa II Nhi Khoa	Trưởng khoa
5. Giám đốc Trung tâm				
Trung tâm LKĐT-KH&CN	Bùi Chí Dũng	1979	ThS. Toán giải tích	Giám đốc

3.3. Tổng số cán bộ, giảng viên và người lao động trong toàn trường

- Tổng số: 169 người (Nam: 77, Nữ: 92). Trong đó:

- + Tiến sĩ: 7 người
- + Thạc sĩ: 98 người
- + Đại học: 46 người
- + Chuyên khoa II: 1 người
- + Chuyên khoa I: 2 người

+ Cao đẳng trở xuống: 15 người

- Số lượng giảng viên: 93 giảng viên, chiếm tỷ lệ 55,03%.

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	2	2	4
Chuyên khoa II	1	1	2
Thạc sĩ	25	40	65
Chuyên khoa I	1	1	2
Đại học	11	9	20
Tổng số	40	53	93

4. Giới thiệu chung về Khoa Sư phạm

Khoa Sư phạm là đơn vị trực tiếp thực hiện chương trình đào tạo ngành GDMN trình độ cao đẳng. Khoa Sư phạm với 14 cán bộ quản lý, giảng viên và viên chức, trong đó bao gồm: 01 trưởng khoa, 01 phó trưởng khoa, 02 trưởng bộ môn, 10 giảng viên cơ hữu (với tổng số 11 thạc sĩ). Khoa Sư phạm được cơ cấu thành 2 bộ môn Nghiệp vụ và Cơ sở.

Khoa Sư phạm với một đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu, có nhiều kinh nghiệm đào tạo giáo viên và đặc biệt là tâm huyết với nghề. Thêm vào đó, với 100% giảng viên có chuyên ngành Giáo dục học và Giáo dục mầm non đạt trình độ thạc sĩ trở lên và giảng viên trình độ cao thuộc các ngành Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Toán, ... đang trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non.

4.1. Về công tác đào tạo, đảm bảo chất lượng giáo dục mầm non:

Hiện nay, Khoa Sư phạm có chức năng đào tạo bậc cao đẳng, ngành GDMN hệ chính quy, đang đào tạo 01 chuyên ngành GDMN. Nhà trường có thế mạnh trong công tác đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên mầm non. Thêm vào đó, Khoa Sư phạm có mối liên hệ gắn bó chặt chẽ với Trường Thực hành sư phạm và mạng lưới các trường mầm non có chất lượng trên địa bàn thành phố Sóc Trăng, điều đó tạo ra sự thuận lợi và đảm bảo cho công tác thực tập sư phạm, thực tập nghề nghiệp của sinh viên ngành GDMN được tiến hành đúng kế hoạch, thường xuyên và đảm bảo hiệu quả và chất lượng. Thêm vào đó, việc tổ chức các phong trào đoàn thể được đặt mục tiêu xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, nhân văn, hiệu quả và chất lượng. Khoa Sư phạm quản lý các hoạt động học tập, rèn luyện phẩm chất nhà giáo và phong trào

Đoàn, Hội của sinh viên nhằm thúc đẩy quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp theo chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GDMN.

Sinh viên ngành GDMN của Nhà trường sau khi tốt nghiệp đã được các cơ sở GDMN trong và ngoài tỉnh Sóc Trăng tiếp nhận sử dụng đến 100% và họ đã đánh giá cao sản phẩm đào tạo của Nhà trường. Sinh viên ngành GDMN ra trường có việc làm và làm đúng ngành nghề đào tạo đạt tỷ lệ 100% liên tiếp trong những năm gần đây.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, đồng thời theo các Thông tư ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các công văn, văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng. Trường CĐCD tiến hành công tác tự đánh giá CTĐT ngành GDMN giai đoạn 2020-2024. Triển khai các hoạt động tự đánh giá CTĐT theo đúng quy trình và quy định. Thành lập Hội đồng tự đánh giá, các nhóm công tác chuyên trách, nhóm thư ký giúp việc Hội đồng, tiến hành thu thập minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Sau khi hoàn thiện báo cáo, Nhà trường thực hiện công khai, báo cáo cơ quan chủ quản để thẩm định báo cáo và đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT ngành GDMN.

Về hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế của Trường CĐCD được coi trọng. Trong đó hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung, nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non nói riêng góp phần không nhỏ trong chất lượng và hiệu quả hoạt động NCKH của Nhà trường. Bên cạnh đó, việc hợp tác quốc tế về đổi mới phương pháp giảng dạy cho giảng viên và phương pháp học tập cho sinh viên trong lĩnh vực khoa học GDMN ngày càng được quan tâm.

Trong 5 năm, từ 2020 đến 2024, giảng viên Khoa Sư phạm đã thực hiện hơn 20 đề tài cấp cơ sở thuộc lĩnh vực GDMN, trong đó có một số đề tài thuộc lĩnh vực GDMN có tầm ảnh hưởng cấp tỉnh. Bên cạnh đó, các sáng kiến kinh nghiệm/ giải pháp công tác thuộc chuyên ngành GDMN có tầm ảnh hưởng trong và ngoài nhà trường. Thêm vào đó, hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu học tập nhằm phục vụ cơ bản cho ngành đào tạo GDMN và ngày càng được chú trọng, được đầu tư và mở rộng cả về số lượng cũng như chất lượng. Bên cạnh đó, giảng viên tích cực tham gia trong việc viết các báo khoa học giáo dục và tạp chí khoa học chuyên ngành. Ngoài ra, Khoa Sư phạm tăng cường tổ chức hoạt động NCKH cho sinh viên trong việc làm khóa luận tốt nghiệp.

4.2. Về công tác cơ sở vật chất, trang thiết bị

Nhà trường đã trang bị cho Khoa Sư phạm đầy đủ cơ sở vật chất, phương tiện dạy học bao gồm phòng thực hành giảng dạy, thư viện, giáo trình, tài liệu, thiết bị, phương tiện dạy học, ... có thể đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng và hiệu quả đào tạo trình độ cao đẳng ngành GDMN. Ngoài những cơ sở vật chất dùng chung của Nhà trường, Khoa Sư phạm có riêng 02 phòng chức năng thuận lợi cho các hoạt động dạy học thực hành.

4.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện CTĐT của Khoa Sư phạm

Khoa Sư phạm đã gặp nhiều biến động trong những lần tách nhập bởi những yếu tố tác động khách quan và chủ quan, cụ thể như: sự tác động bởi sự thay đổi của luật giáo dục đối với bậc học phổ thông; năm 2020 có sự thay đổi bởi chủ thể quản lý nhà nước từ Bộ GD&ĐT sang Bộ LĐ TB&XH đối với trường CĐCD trong hệ thống chung của hệ thống các trường cao đẳng trên cả nước; sự thay đổi về chức năng đào tạo giáo viên phổ thông của khoa Sư phạm dần bị thu hẹp và đến năm 2021 là không còn. Bên cạnh đó, việc sắp xếp lại cơ cấu lãnh đạo và đội ngũ giảng viên của Khoa Sư phạm được tiến hành cho phù hợp với điều kiện biến đổi khách quan.

Những yếu tố nêu trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự tồn tại và phát triển của Khoa Sư phạm hiện nay của trường CĐCD. Trong đó, ảnh hưởng về mặt tìm kiếm và phục hồi minh chứng về các văn bản chỉ đạo cụ thể dành cho Chương trình đào tạo ngành GDMN của trường CĐCD là rất khó khăn. Sau khi được thành lập Khoa Sư phạm vào ngày 19/5/2020 thì Khoa Sư phạm đã xác định đây là một thời điểm cần thiết phải rà soát, đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT ngành GDMN để từ đó cải tiến chất lượng của Chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu mới đặt ra. Do vậy, trường CĐCD tiến hành đăng ký đánh giá CTĐT ngành GDMN theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc tự đánh giá CTĐT ngành GDMN sẽ giúp Nhà trường và Khoa Sư phạm tự xem xét, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu đang còn tồn tại để xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non trong hiện tại và cho giai đoạn tiếp theo.

4.4. Giới thiệu chương trình đào tạo ngành GDMN

*Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CĐCD ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng*

I. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: Giáo dục Mầm non
- Tên tiếng Anh: Early Childhood Education

2. Mã ngành đào tạo: 51140201

3. Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung

4. Tên văn bằng: Bằng Tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Giáo dục Mầm non

5. Thời gian đào tạo: 2,5 năm

6. Đối tượng tuyển sinh: Công dân đã tốt nghiệp THPT

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu giáo dục

Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có đạo đức, tri thức và kỹ năng nghề nghiệp phục vụ nhu cầu cộng đồng; hợp tác chặt chẽ với các cơ sở giáo dục, đào tạo, trong nước và ngoài nước, đào tạo, bồi dưỡng góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng được xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới của Giáo dục mầm non, có đủ phẩm chất, năng lực và sức khỏe để đảm bảo thực hiện tốt chương trình Giáo dục mầm non, có khả năng đáp ứng được sự phát triển của của xã hội thời kỳ hội nhập quốc tế, có tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động và có khả năng tự bồi dưỡng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Kiến thức

PO1.1. Có khả năng nhận thức và vận dụng những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng và pháp luật của nhà nước vào cuộc sống và quá trình công tác; vận dụng được những kiến thức về an ninh, quốc phòng trong bảo vệ Tổ quốc, an toàn xã hội nơi công tác và trong cộng đồng dân cư.

PO1.2. Vận dụng kiến thức cơ bản về tâm lý - giáo dục lứa tuổi mầm non; kiến thức khoa học và các kiến thức chuyên ngành; kiến thức về phương pháp tổ chức giáo dục để áp dụng vào quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non.

PO2. Kỹ năng

PO2.1. Có năng lực và tư duy độc lập, sáng tạo trong lập kế hoạch, giải quyết vấn đề, tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.

PO2.2. Có kỹ năng lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức, sử dụng đồ dùng đồ chơi trong từng lĩnh vực hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với lứa tuổi theo đặc thù riêng của từng trường, địa phương; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phát triển và tổ chức thực hiện được chương trình giáo dục mầm non.

PO3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO3.1. Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có ý thức rèn luyện phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu hoạt động nghề nghiệp, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo.

PO3.2. Có ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung; lối sống lành mạnh, trung thực, liêm khiết; thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác; có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau và có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ

3.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Làm giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non.
- Làm quản lý tại các cơ sở giáo dục mầm non, các cơ sở quản lý giáo dục.
- Làm chuyên viên giáo dục mầm non tại các cơ sở quản lý giáo dục.

3.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có thể học đại học, liên thông lên đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ngành Giáo dục Mầm non.
- Có thể học thêm để chuyển đổi hoặc kết hợp làm các công việc khác như chăm sóc tâm lý trẻ mầm non, tư vấn giáo dục v.v.
- Có thể học bồi dưỡng thêm để dạy các môn chuyên biệt ở các cơ sở giáo dục mầm non như giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu
4.1. Kiến thức		
PLO1	4.1.1. Khối kiến thức, kỹ năng chung - Nhận thức và vận dụng phù hợp những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng vào cuộc sống vào quá trình công tác. - Vận dụng được hệ thống tri thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống. - Vận dụng được các kiến thức về an ninh quốc phòng trong bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh, an toàn xã hội nơi công tác và trong cộng đồng dân cư, đáp ứng yêu cầu công việc của giáo viên mầm non và thực tiễn.	PO1.1
PLO2	4.1.2. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản cần thiết vào việc hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non; vận dụng được kiến thức về tâm lý, giáo dục học trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non.	PO1.2
PLO3	4.1.3. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành bắt buộc - Vận dụng kiến thức tổ chức các hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non, kiến thức về mỹ thuật và tạo hình, âm nhạc, đàn, đồ chơi trẻ em vào việc tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non - Áp dụng được những kiến thức chăm sóc - nuôi dưỡng, phòng bệnh và xử lý ban đầu một số bệnh, tai nạn thường gặp ở trẻ mầm non, kiến thức cơ bản về phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non; kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục mầm non, về quản lý nhóm, lớp trong trường mầm non.	PO1.2
PLO4	4.1.4. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành tự chọn	PO1.2

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu
	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên ngành tự chọn vào hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.	
PLO5	<i>4.1.5 Khối kiến thức - kỹ năng nghiệp vụ sư phạm</i> - Hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng đã được học và thực hành ở năm thứ 01 và để chuẩn bị tốt cho đợt thực tập ở năm thứ 3 - Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học và thực hành trong chương trình đào tạo để chuẩn bị tốt cho việc thực hiện vai trò của một người GVMN sau khi tốt nghiệp - Áp dụng được những hiểu biết về công việc và nghiệp vụ của người giáo viên mầm non, hiểu biết về mục tiêu và phương pháp rèn luyện nghiệp vụ, nghề nghiệp. Vận dụng các môn học và phương pháp dạy học chuyên ngành vào các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.	PO1.2
4.2. Kỹ năng		
PLO6	<i>4.2.1. Kỹ năng chung</i> - Vận dụng kiến thức chuyên môn để phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề trong quá trình tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; - Lập kế hoạch, tổ chức, quan sát, đánh giá được sự phát triển của trẻ và sử dụng kết quả đánh giá trong thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;	PO2.1
PLO7	<i>4.2.2. Kỹ năng chuyên ngành</i> - Tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non đảm bảo an toàn và sự phát triển hài hòa của trẻ: đảm bảo vệ sinh môi trường lớp học, tổ chức thực hiện các hoạt động vệ sinh, dinh dưỡng và chăm sóc trẻ hàng ngày; - Vận dụng được kiến thức về bệnh học và đảm bảo an toàn cho trẻ để phòng tránh, chăm sóc ban đầu một số bệnh, tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ; hướng dẫn trẻ bước đầu biết cách tự chăm sóc và đảm bảo an toàn cho bản thân; - Tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ: Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục; lựa chọn nội dung, thiết kế các hoạt động, sử dụng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục theo quan điểm “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; - Quản lý trẻ, quản lý nhóm, lớp, quản lý hồ sơ sổ sách có hiệu quả;	PO2.2

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu
PLO8	4.2.3. Kỹ năng giao tiếp - Sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp trong giao tiếp với các đối tượng khác nhau; - Quản lý được cảm xúc của bản thân, ứng xử một cách thân thiện và tôn trọng sự khác biệt của trẻ, phụ huynh và đồng nghiệp; - Thiết lập và duy trì mối quan hệ hợp tác tích cực với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp; - Năng lực ngoại ngữ: Có năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tương đương bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	PO2.2
4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO9	- Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức nhà giáo; thái độ cởi mở thiện chí trong làm việc sau khi tốt nghiệp; - Thích ứng với môi trường công tác; có ý thức rèn luyện phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu hoạt động nghề nghiệp, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo;	PO3.1
PLO10	- Có ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, trung thực, liêm khiết. Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; - Thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; - Đảm bảo chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; hoàn thành nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	PO3.2

5. Nội dung chương trình đào tạo

5.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được chia làm 4 khối kiến thức - kỹ năng.

Stt	Các khối kiến thức - kỹ năng	Số tín chỉ	Đóng góp chuẩn đầu ra
1	Khối kiến thức - kỹ năng chung	32	PLO1, PLO2, PLO3, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10
2	Khối kiến thức - kỹ năng cơ bản	15	PLO1, PLO2, PLO3, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10
3	Khối kiến thức - kỹ năng chuyên ngành	43	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6,

Stt	Các khối kiến thức - kỹ năng	Số tín chỉ	Đóng góp chuẩn đầu ra
4	Khối kiến thức - kỹ năng nghiệp vụ sư phạm	6	PLO5, PLO7, PLO10

Khối kiến thức - kỹ năng chung (32 tín chỉ): Bao gồm các học phần về lí luận chính trị, tư tưởng, pháp luật đại cương; tin học, tiếng Anh, quản lý hành chính Nhà nước, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, an ninh nhằm mục tiêu cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật, thể chất, quốc phòng trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc của giáo viên mầm non và thực tiễn cuộc sống.

Khối kiến thức - kỹ năng cơ bản (15 tín chỉ): Bao gồm các học phần: Tâm lý học, Giáo dục học đại cương; Âm nhạc; Mỹ thuật và tạo hình; Múa; Văn học trẻ em; và nhóm học phần tự chọn gồm Tiếng Việt thực hành; Giải phẫu sinh lý trẻ, Toán cơ sở nhằm mục tiêu cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng cần thiết cho việc hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non.

Khối kiến thức - kỹ năng chuyên ngành bắt buộc (35 tín chỉ): gồm các học phần Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non; Giáo dục học mầm non; Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ mầm non; Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non; các học phần phương pháp về tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non; quan sát, đánh giá, tổ chức thực hiện chương trình với mục tiêu giúp hình thành những kỹ năng thực hành chuyên sâu cho sinh viên để họ có khả năng vận dụng có hiệu quả vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non.

Khối kiến thức - kỹ năng chuyên ngành tự chọn (8 tín chỉ): Gồm các học phần thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau: phát triển nhận thức - ngôn ngữ - tình cảm, kỹ năng xã hội; tổ chức hoạt động tạo hình, âm nhạc, mỹ thuật trong trường mầm non; giáo dục đặc biệt; công tác xã hội; các phương pháp giáo dục tiên tiến, ... đem đến cho sinh viên cơ hội nâng cao những kiến thức, kỹ năng đã có; bổ trợ thêm kiến thức kỹ năng để sinh viên ra trường có thể thích ứng với những môi trường làm việc năng động và hiện đại.

Khối kiến thức - kỹ năng nghiệp vụ sư phạm (6 tín chỉ): Sinh viên phải hoàn thành 9 tuần thực hành, thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở thực hành, thực tập thuộc mạng lưới thực hành, thực tập của trường. Sinh viên được yêu cầu thực tập dưới sự giám sát của trưởng đoàn thực tập và các giáo viên hướng dẫn tại cơ sở giáo dục mầm non và phải thực hiện các công việc theo quy định của các học phần thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp.

5.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số tiết lên lớp		Học phần tiên quyết
					LT	TH/TL/ BT/TT	
A. Khối kiến thức - kỹ năng chung			32		368	225	

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số tiết lên lớp		Học phần tiên quyết
					LT	TH/TL/BT/TT	
1.	Triết học Mác - Lênin	C105201	3	1	45		Không
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	C105202	2	2	30		C105201
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	C105203	2	3	30		C105202
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	C105204	2	3	23	15	C105203
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	C105205	2	5	30		C105204
6.	Giáo dục pháp luật	C105206	2	5	30		Không
7.	Tiếng Anh	C105207	3	1	30	30	Không
8.	Tin học	C105208	2	2	15	30	Không
9.	Quản lý hành chính nhà nước quản lý ngành giáo dục và đào tạo	C105209	2	5	30		C105206
10.	Giáo dục thể chất	C105210	3	1&2		90	Không
11.	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	C105211	3	4	45		Không
12.	Công tác quốc phòng và an ninh	C105212	2	4	30		C105211
13.	Quân sự chung	C105213	2	4	30		C105212
14.	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	C105214	2	4		60	C105213
B. Khối kiến thức - kỹ năng cơ bản			15		150	150	
15.	Tâm lý học đại cương	C105215	2	1	30		Không
16.	Giáo dục học đại cương	C105216	2	1	30		C105215
17.	Âm nhạc	C105217	3	1	15	60	Không
18.	Mỹ thuật và tạo hình	C105218	2	1	15	30	Không
19.	Múa	C105219	2	2		60	Không

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số tiết lên lớp		Học phần tiên quyết
					LT	TH/TL/BT/TT	
20.	Văn học trẻ em	C105220	2	2	30		Không
21.	Tự chọn 1 (Chọn 1 học phần)		2	3	30		Không
	Tiếng Việt thực hành	C105221					
	Giải phẫu sinh lý trẻ em	C105222					
	Toán cơ sở	C105223					
C. Khối kiến thức - kỹ năng chuyên ngành			43		405	480	
22.	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	C105224	3	2	45		C105215 C105216
23.	Giáo dục học mầm non	C105225	2	2	30		C105224
24.	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ mầm non	C105226	2	2	15	30	Không
25.	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	C105227	2	3	15	30	C105223 C105226
26.	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	C105228	2	2	15	30	C105225
27.	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	C105229	2	3	15	30	C105217 C105219
28.	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	C105230	2	4	15	30	C105215
29.	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	C105231	2	4	15	30	C105215
30.	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	C105232	2	4	15	30	Không
31.	Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non	C105233	2	3	15	30	Không

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số tiết lên lớp		Học phần tiên quyết
					LT	TH/TL/BT/TT	
32.	Phương pháp dạy trẻ khám phá môi trường xung quanh	C105234	2	3	15	30	C105225
33.	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	C105235	2	4	15	30	C105230
34.	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	C105236	2	3	30		C105225
35.	Đánh giá trong giáo dục mầm non	C105237	2	5	30		Không
36.	Đàn phím điện tử	C105238	2	2		60	C105217
37.	Tổ chức trò chơi hình thành biểu tượng toán ban đầu cho trẻ mầm non	C105239	2	5	15	30	C105233
38.	Đồ chơi trẻ em	C105240	2	3	15	30	C105218
39.	Tự chọn 2 (Chọn 1 học phần)		2	4	15	30	
	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	C105241					C105208
	Giáo dục STEM trong trường mầm non	C105242					Không
40.	Tự chọn 3 (Chọn 1 học phần)		2	3	30		Không
	Giáo dục gia đình	C105243					
	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	C105244					
	Giáo dục hòa nhập	C105245					
	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	C105246					
41.	Tự chọn 4 (Chọn 1 học phần)		2	5	30		

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số tiết lên lớp		Học phần tiên quyết
					LT	TH/TL/ BT/TT	
	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	C105247					Không
	Nghề giáo viên mầm non	C105248					Không
	Quản lý giáo dục mầm non	C105249					C105236
42.	Tự chọn 5 (Chọn 1 học phần)		2	5	15	30	
	Đàn phím điện tử nâng cao	C105250					C105238
	Dàn dựng chương trình lễ hội	C105251					C105217 C105219
D. Khối kiến thức - kỹ năng nghiệp vụ sư phạm			6			180	
43.	Thực tập nghề nghiệp	C105252	3	4		90	C105224 C105225 C105228 C105234 C105236
44.	Thực tập tốt nghiệp	C105253	3	5		90	Không

5.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Stt	Học phần	Chuẩn đầu ra									
		Kiến thức					Kỹ năng			Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
A.	Khối kiến thức - kỹ năng chung										

Stt	Học phần	Chuẩn đầu ra									
		Kiến thức					Kỹ năng			Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
1	Triết học Mác - Lênin	x	x				x			x	x
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x							x	x
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x					x			x	x
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x					x			x	x
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x					x			x	x
6	Giáo dục pháp luật	x	x				x				x
7	Tiếng Anh			x		x		x	x	x	x
8	Tin học		x				x			x	x
9	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	x	x				x			x	x
10	Giáo dục thể chất	x	x		x		x	x		x	x

Stt	Học phần	Chuẩn đầu ra									
		Kiến thức					Kỹ năng			Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
11	Đường lối QP&AN của Đảng CSVN	x	x				x	x		x	x
12	Công tác QP&AN	x	x				x	x		x	x
13	Quân sự chung	x	x				x	x		x	x
14	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	x	x				x	x		x	x
B.	Khối kiến thức - kỹ năng cơ bản										
15	Tâm lý học đại cương	x	x				x	x			x
16	Giáo dục học đại cương		x			x	x			x	x
17	Âm nhạc		x					x		x	x
18	Mỹ thuật và tạo hình		x				x				x
19	Múa		x				x				x
20	Văn học trẻ em	x			x		x	x		x	x
21	Tiếng Việt thực hành	x	x				x		x	x	x
	Giải phẫu sinh lý trẻ em		x	x			x	x		x	

Stt	Học phần	Chuẩn đầu ra									
		Kiến thức					Kỹ năng			Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
	Toán cơ sở	x	x				x		x	x	x
C.	Khối kiến thức - kỹ năng chuyên ngành										
22	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non		x			x	x	x		x	
23	Giáo dục học mầm non		x	x			x	x		x	x
24	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ mầm non			x			x	x		x	x
25	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non			x			x	x	x	x	x
26	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non			x		x		x			x
27	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho			x		x	x	x			x

Stt	Học phần	Chuẩn đầu ra									
		Kiến thức					Kỹ năng			Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
	trẻ mầm non										
28	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học			x		x	x	x			x
29	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non			x		x	x	x			x
30	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non			x			x	x			
31	Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non			x		x	x	x			x
32	Phương pháp dạy trẻ khám phá môi trường			x		x	x	x			x

Stt	Học phần	Chuẩn đầu ra									
		Kiến thức					Kỹ năng			Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	x			x		x	x		x	x
	Nghề giáo viên mầm non					x	x	x	x	x	x
	Quản lý giáo dục mầm non			x	x		x	x		x	x
42	Tự chọn 5 (Chọn 1 học phần)										
	Đàn phím điện tử nâng cao	x			x		x	x		x	x
	Dàn dựng chương trình lễ hội	x			x		x	x		x	x
D.	Khối kiến thức - kỹ năng nghiệp vụ sư phạm										
43	Thực tập nghề nghiệp					x		x			x
44	Thực tập tốt nghiệp					x		x			x

6. Quy trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Phương thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

6.2. Tổ chức lớp học: Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của người học trong từng học kỳ.

6.3. Đánh giá kết quả học tập: Theo quy chế đào tạo hiện hành của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng.

6.4. Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy chế đào tạo hiện hành của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng.

7. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

7.1 Phương pháp dạy - học

Stt	Phương pháp dạy-học	Chuẩn đầu ra									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
1	Thuyết trình					x		x		x	
2	Phát vấn/Đàm thoại					x		x			
3	Seminar	x	x		x	x		x		x	x
4	Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Giảng giải							x			
6	Làm mẫu/Thị phạm						x				x
7	Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Bài tập tình huống		x	x	x	x	x	x		x	x
9	Giao nhiệm vụ/ hướng dẫn học					x		x		x	
10	Hoạt động nhóm		x	x	x	x	x	x		x	x
11	Luyện tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
12	Đóng vai	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
13	Sử dụng trò chơi			x	x	x	x	x		x	x
14	Truy vấn			x	x	x	x	x		x	x
15	Dạy học dự án					x	x	x		x	x

7.2. Phương pháp kiểm tra - đánh giá

Stt	Phương pháp kiểm tra-đánh giá	Chuẩn đầu ra									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
1.	Tự luận	x	x	x		x	x	x		x	
2.	Bài tập lớn	x	x	x		x	x	x		x	
3.	Kết hợp tự luận và vấn đáp	x	x	x		x	x	x	x	x	
4.	Thực hành			x		x	x	x	x	x	
5.	Trắc nghiệm	x	x	x		x	x	x	x	x	
6.	Vấn đáp	x	x	x		x	x	x	x	x	
7.	Bài tập cá nhân	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
8.	Bài tập nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
9.	Thuyết trình cá nhân/nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
10.	Thực hành tổ chức giờ học giả định	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
11.	Bài thực hành theo nhóm nhỏ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
12.	Dự án theo nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
13.	Viết báo cáo	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
14.	Thực tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

8. Các chương trình đào tạo đối sánh

- Chương trình đào tạo giáo viên mầm non của Trường CDSP Trung ương.

9. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung mô tả
	Triết học Mác - Lênin	3	Học phần gồm ba chương. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung mô tả
			biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Nội dung học phần gồm 6 chương. Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Nội dung học phần gồm 7 chương bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Những vấn đề dân tộc và tôn giáo; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung mô tả
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới 1975 đến nay. Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa
	Giáo dục pháp luật	2	Nội dung môn học gồm những kiến thức khoa học cơ sở thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Môn học giúp cho người học hiểu biết và nắm bắt được một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về các vấn đề: Nhà nước và Pháp luật nói chung; Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam nói riêng; một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Nhà nước - Hiến pháp 2013, Luật Hành chính, Luật Lao động, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Tổ tụng Dân sự và Luật Tổ tụng Hình sự. Qua đó giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.
	Tiếng Anh	3	Học phần Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo. Học phần bao gồm 07 bài học về các hoạt động thường ngày, sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, ngoại hình và tính cách, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm. Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung mô tả
			năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
	Tin học	2	Học phần Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Học phần bao gồm một số nội dung cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động giảng dạy sau này.
	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	Nội dung chương trình gồm những kiến thức căn bản về Nhà nước, bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam, hệ thống chính trị Việt Nam; khái niệm quản lý, quản lý nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, đặc điểm của hoạt động quản lý hành chính nhà nước, các nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước; khái niệm viên chức, quyền của viên chức, nghĩa vụ của viên chức; khái quát những quan điểm chỉ đạo về sự nghiệp đổi mới giáo dục đào tạo; mục tiêu, nguyên lý giáo dục; nhiệm vụ, quyền hạn và những việc giáo viên mầm non không được làm; chuẩn của giáo viên mầm non; tình hình giáo dục và đào tạo tỉnh Sóc Trăng.
	Giáo dục Thể chất	3	Giáo dục Thể chất 1 Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và phương pháp tập luyện thể dục và điền kinh. Trên cơ sở này, giúp sinh viên vận dụng tự tập luyện hàng ngày nhằm phát triển cơ thể toàn diện, rèn luyện thói quen tự tập luyện để nâng cao thể chất, sức khỏe, đạt được những chỉ tiêu về thể lực phục vụ học tập và xây dựng cuộc sống văn minh. Giáo dục Thể chất 2 Học phần cung cấp các nội dung cơ bản về thể dục nhịp điệu (aerobics), góp phần đào tạo sinh viên mầm non có trình độ cao đẳng có phẩm chất đạo đức tốt, có hiểu biết về thể dục nhịp điệu để có thể giảng dạy môn học này trong nhà trường. Giáo dục Thể chất 3

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung mô tả
			Học phần cung cấp các nội dung cơ bản về thể dục nhịp điệu (aerobics), góp phần đào tạo những sinh viên mầm non có trình độ cao đẳng, có phẩm chất đạo đức tốt, có hiểu biết về thể dục nhịp điệu để có thể giảng dạy môn học này trong nhà trường.
	Đường lối QP&AN của Đảng CSVN	3	Học phần này đề cập đến lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội
	Công tác QP&AN	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.
	Quân sự chung	2	Học phần Quân sự chung gồm các nội dung: Các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nền nếp chính quy, bộ trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Hiểu biết các quân, binh chủng trong quân đội; Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Hiểu biết chung về bản đồ địa hình

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung mô tả
			quân sự; Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao và ba môn quân sự phối hợp.
	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	Học phần này đề cập đến các nội dung lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, rèn luyện kỹ sử dụng lựu đạn trong chiến đấu, kỹ năng thực hành chiến đấu trong tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.
	Tâm lý học đại cương	2	Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp cho người học những tri thức khoa học, hệ thống về các hiện tượng tâm lý cơ bản, giúp người học hiểu được bản chất, sự hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý đó; mối quan hệ giữa chúng; các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý, nhân cách; chức năng vai trò của tâm lý đối với họ.
	Giáo dục học đại cương	2	Học phần trang bị cho người học những kiến thức khoa học liên quan đến giáo dục và giáo dục học, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách con người; bước đầu giới thiệu về hệ thống giáo dục quốc dân, nguyên lý, mục đích giáo dục và nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non. Ngoài ra, học phần còn khái quát sơ lược về hoạt động sư phạm, nhân cách và nghề của giáo viên mầm non. Qua đó, người học có ý thức tự giáo dục, rèn luyện bản thân để đáp ứng yêu cầu của nhà trường và của công việc sau này.
	Âm nhạc	3	Học phần cung cấp các nội dung cơ bản về lý thuyết âm nhạc một cách đơn giản kết hợp các bài tập thực hành xướng âm và hát, giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức âm nhạc cơ bản ban đầu cũng như có kỹ năng thể hiện tốt các bài hát trong chương trình giáo dục mầm non, đây chính là nền tảng trong quá trình học tập, rèn luyện và nghiên cứu âm nhạc.
	Mỹ thuật và tạo hình	2	Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận chung của nghệ thuật

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung mô tả
			tạo hình; sinh viên vận dụng hiệu quả các kỹ năng của môn học Mỹ thuật và Tạo hình để thực hiện các bài học trong chương trình; làm cơ sở để hướng dẫn các hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non sau này.
	Múa	2	Học xong môn học sinh viên nắm được các khái niệm về nghệ thuật múa, có kỹ năng múa động tác dân gian cơ bản, biết được một số điệu nhảy phổ thông.
	Văn học trẻ em	2	Học phần cung cấp kiến thức gồm hai nội dung chính là văn học dân gian và văn học trẻ em Việt Nam, thế giới; hệ thống hoá kiến thức về văn học dân gian, tìm hiểu, cảm thụ các thể loại văn học dân gian; tiến trình vận động của văn học trẻ em Việt Nam trước và sau 1975; giới thiệu những tác giả, tác phẩm điển hình, đại diện cho những thành tựu nổi bật của văn học thiếu nhi Việt Nam, thế giới.
	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về văn bản, hệ thống loại văn bản, tạo lập và tiếp nhận văn bản. Cung cấp các kiến thức về đặt câu, dùng từ trong văn bản, lỗi và cách sửa các lỗi về câu, từ trong văn bản. Vấn đề chữ viết tiếng Việt và cách sử dụng; khắc phục lỗi chính tả trong hoạt động giao tiếp; định hướng cho SV kiến thức cơ bản về dạy chữ tiếng Việt cho trẻ trong trường mầm non.
	Giải phẫu sinh lý trẻ em	2	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý sinh lý trẻ em. Học phần có 10 chương, với các kiến thức cơ bản về sự tăng trưởng và phát triển ở trẻ em, các hệ cơ quan trong cơ thể như hệ thần kinh, cơ quan phân tích, hệ vận động, máu và tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hoá, da và tiết niệu, nội tiết và hệ sinh dục và các đặc điểm hệ cơ quan của trẻ.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung mô tả
	Toán cơ sở	2	Học phần Toán cơ sở gồm ba chương. Chương 1: Khái niệm về tập hợp, quan hệ, ánh xạ. Chương này trình bày các nội dung cơ bản về tập hợp, quan hệ, ánh xạ. Chương 2: Số tự nhiên có nội dung chính là về tập hợp số tự nhiên. Chương 3: Thống kê toán với mục tiêu chính là cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản của thống kê toán như các khái niệm cơ bản, các thông số của mẫu quan sát, cách thức ước lượng kỳ vọng và tỉ lệ, kiểm định giả thiết thống kê.
	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi MN	3	Học phần Tâm lý học trẻ em lứa tuổi MN hệ thống hóa cho sinh viên những vấn đề lý luận chung của tâm lý học trẻ em, các dạng hoạt động cơ bản đặc biệt chú trọng đến các hoạt động chủ đạo của trẻ ở từng giai đoạn lứa tuổi. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên nhận diện được quá trình hình thành, phát triển tâm lý, nhân cách của trẻ em lứa tuổi mầm non từ đó giúp người học xây dựng một nhãn quan khoa học để làm chủ quá trình học tập, rèn luyện và trở thành người giáo viên có tay nghề vững vàng thực hiện tốt công tác giáo dục mầm non.
	Giáo dục học MN	2	Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận chung của giáo dục học mầm non, nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non, những hình thức tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ em ở trường mầm non. Đồng thời, học phần còn giúp người học có sự hiểu biết ban đầu về tầm quan trọng của việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non, sự chuẩn bị cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo vào trường phổ thông.
	Vệ sinh - dinh dưỡng cho trẻ MN	2	Học phần gồm những kiến thức cơ bản về vệ sinh học và dinh dưỡng học. Phần vệ sinh học trình bày về sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên và ký

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung mô tả
			sinh ở người, ký sinh trùng và các biện pháp phòng tránh; đại cương về nhiễm khuẩn, bệnh truyền nhiễm và miễn dịch, các biện pháp diệt khuẩn, yêu cầu về chế độ vệ sinh ở trường mầm non. Phần dinh dưỡng học trình bày về dinh dưỡng hợp lý, các nguyên tắc xây dựng chế độ dinh dưỡng cho trẻ, một số bệnh ở trẻ do dinh dưỡng không hợp lý, giá trị dinh dưỡng của thực phẩm, sử dụng và chế biến các loại thực phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm.
	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN	2	Học phần gồm những kiến thức cơ bản về: - Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non: Tri thức khoa học cơ bản về chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho trẻ; phòng bệnh cho trẻ em; các bệnh thường gặp ở trẻ em; sơ cứu ban đầu và cấp cứu khẩn cấp thường gặp; thuốc và cách sử dụng thuốc trong trường mầm non; phòng tránh và xử lý một số tai nạn thường gặp ở trẻ nhỏ; - Tâm bệnh học trẻ em: Tri thức khoa học cơ bản về các trạng thái tâm lý bất thường của trẻ; nguyên nhân và các biểu hiện rối nhiễu tâm lý bất thường ở trẻ, một số trắc nghiệm trong theo dõi và đánh giá trạng thái bất thường ở trẻ; phòng tránh và xử lý một số rối nhiễu tâm lý thường gặp ở trẻ mầm non.
	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ MN	2	Học xong môn học người học hiểu được phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non, có khả năng xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non một cách sáng tạo, linh hoạt, thích ứng với môi trường và phù hợp với bối cảnh địa phương và khả năng tạo hình của trẻ.
	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ MN	2	Môn học giới thiệu những vấn đề chung về giáo dục âm nhạc trong trường mầm non, phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ trong trường mầm non, tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ trong trường mầm non theo hướng tích hợp cho các nhóm, lớp tại các cơ sở GDMN.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung mô tả
	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	2	Nội dung môn học gồm: Những vấn đề chung của phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học (Đặc điểm của thơ truyện viết cho trẻ lứa tuổi mầm non, Vai trò của văn học đối với sự phát triển của trẻ; Đặc điểm cảm thụ tác phẩm văn học của trẻ MN); Các phương pháp, cho trẻ làm quen với thơ truyện; tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với thơ truyện; sử dụng thơ, truyện trong tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học có hiệu quả.
	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	Học phần tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ là học phần chuyên ngành đào tạo giáo viên mầm non. giúp cho người học mô tả được phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ, phương pháp hướng dẫn trò chơi ở trường mầm non; tổ chức hoạt động vui chơi theo chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non tham gia xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non theo chủ đề.
	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ MN	2	Học phần đề cập đến những kiến thức, kỹ năng cơ bản về phương pháp tổ chức công tác GDTC cho trẻ mầm non: nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, hình thức tổ chức, mối liên hệ giữa phát triển thể chất với các lĩnh vực phát triển nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm - xã hội, thông qua đó rèn luyện cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tổ chức hoạt động GDTC cho trẻ mầm non, vận dụng linh hoạt kiến thức, kỹ năng trong các tình huống khác nhau, sử dụng bài tập, trò chơi, đồ dùng dạy học hợp lý và phù hợp với từng lứa tuổi.
	Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ MN	2	Môn học giới thiệu về những vấn đề lý luận cơ bản về ý nghĩa và đặc điểm của việc hình thành các biểu tượng toán; mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện hình thành biểu tượng toán cho trẻ. Môn học giới thiệu phương pháp dạy học các nội dung khi hình thành biểu tượng toán cho trẻ gồm tập hợp - số và phép đếm, hình dạng, kích thước, không gian, thời gian; tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng toán: tập hợp - số và phép đếm, hình dạng, kích thước,

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung mô tả
			không gian, thời gian (lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá), trò chơi học tập và việc hình thành biểu tượng toán cho trẻ.
	Phương pháp dạy trẻ khám phá môi trường xung quanh	2	Nội dung môn học trình bày một số khái niệm về môi trường, ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá khoa học và môi trường xung quanh; đặc điểm nhận thức của trẻ về môi trường xung quanh ở các lứa tuổi; nhiệm vụ, nguyên tắc, phương pháp, hình thức, điều kiện tổ chức cho trẻ làm quen môi trường xung quanh; những vấn đề chung, mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung giáo dục môi trường; thiết kế nội dung và các hoạt động giáo dục môi trường trong trường mầm non; hướng dẫn tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ.
	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN	2	Môn học giới thiệu quá trình hình thành và phát triển của chuyên ngành phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ em bao gồm đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, vai trò của việc phát triển lời nói cho trẻ. Nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ em. Giáo dục chuẩn ngữ âm tiếng Việt. Hình thành và phát triển vốn từ. Dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt. Phát triển lời nói mạch lạc. Chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở trường tiểu học. Cách thức chuẩn bị, soạn giáo án và thực hành tiết dạy cụ thể.
	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục MN	2	Học phần Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non đề cập đến các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, nội dung, biện pháp tổ chức hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ ở các thời điểm khác nhau trong chế độ sinh hoạt hàng ngày; xây dựng môi trường giáo dục phù hợp với quan điểm lấy trẻ làm trung tâm và phát huy tính tích cực của trẻ.
	Đánh giá trong giáo dục MN	2	Học phần cung cấp cho SV một số vấn đề cơ bản về đánh giá trong GDMN: khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình GDMN; rèn luyện kỹ năng đánh giá trẻ, lập kế hoạch, lựa chọn, xây dựng các phương pháp thu

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung mô tả
			thập, xử lý thông tin, nhận xét, đánh giá và đề xuất kế hoạch giáo dục trẻ mầm non phù hợp.
	Đàn phím điện tử	2	Môn học rèn luyện về kỹ năng thực hành đánh đàn các tác phẩm ứng dụng cho dạy trẻ ở trường Mầm non, qua đó người học có thể tự học, tự rèn thông qua những bài tập đã được nghiên cứu.
	Tổ chức trò chơi hình thành biểu tượng toán ban đầu cho trẻ MN	2	Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức, kỹ năng cụ thể trong việc tổ chức các trò chơi hình thành biểu tượng toán ban đầu cho trẻ mẫu giáo một cách đa dạng, linh hoạt.
	Đồ chơi trẻ em	2	Môn học giới thiệu một số kiến thức cơ bản về đồ chơi trẻ em gồm các nội dung: Khái niệm đồ chơi trẻ em, lịch sử phát triển đồ chơi. Phân loại đồ chơi trẻ em và những yêu cầu đối với đồ chơi trẻ em, nguyên tắc làm đồ chơi. Hướng dẫn làm đồ chơi học tập, đồ chơi trang trí, hình tượng, đồ chơi xây dựng, đồ chơi sân khấu âm nhạc, đồ chơi từ nguyên vật liệu tái sử dụng, sẵn có ở địa phương.
	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục MN	2	Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống những kiến thức liên quan đến khai thác các tư liệu điện tử hỗ trợ hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ; thiết kế bài trình diễn đa phương tiện bằng phần mềm Microsoft PowerPoint; một số phần mềm thông dụng hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; một số phần mềm xử lý hình ảnh, âm thanh phục vụ việc thiết kế bài giảng và giảng dạy.
	Giáo dục STEM trong trường MN	2	
	Giáo dục gia đình	2	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về thức cơ bản về giáo dục gia đình. Có kiến thức cơ bản về một số nội dung cần giáo dục trẻ ở từng giai đoạn, nguyên tắc giáo dục trẻ mầm non trong gia đình, nội dung giáo dục trẻ mầm non trong gia đình, điều kiện giáo dục trẻ trong gia

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung mô tả
			đình. Biết được quyền hạn trách nhiệm của những người trong gia đình. Vị trí của trẻ em trong gia đình và trong xã hội.
	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2	Môn học giới thiệu một số vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống: khái niệm, phân loại, ý nghĩa giáo dục kỹ năng sống; Nội dung giáo dục kỹ năng sống trong chương trình giáo dục mầm non ở các độ tuổi; Các phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non; Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ qua các chủ đề.
	Giáo dục hòa nhập	2	Học phần gồm những kiến thức cơ bản về: Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập; đặc điểm trẻ có nhu cầu đặc biệt; nguyên tắc giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt; hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non.
	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non. Học phần cung cấp cho sinh viên nhiều vấn đề hiện đại mang tính cập nhật như: Vấn đề hành vi, hành vi văn hóa, đặc điểm hành vi văn hóa cho trẻ mầm non... Học phần gồm 3 chương đầu có nội dung trình bày về: khái niệm chung về hành vi văn hóa, quá trình hình thành và phát triển hành vi văn hóa, nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi, 2 chương cuối giới thiệu phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi và giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ đặc biệt.
	Giáo dục môi trường cho trẻ MN	2	Học phần cung cấp các nội dung cơ bản của những vấn đề chung về giáo dục môi trường trong trường mầm non. Mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện để giáo dục môi trường cho trẻ mầm non.
	Nghề giáo viên MN	2	Nội dung chính của học phần giới thiệu những kỹ năng nghề nghiệp của người giáo viên mầm non; yêu cầu đối với người giáo viên mầm non và cung cấp những kiến thức về giao tiếp và ứng xử của người giáo viên mầm non.

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Nội dung mô tả
	Quản lý giáo dục MN	2	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý giáo dục và quản lý trường mầm non; những nội dung liên quan đến công tác quản lý nhóm, lớp của giáo viên mầm non. Qua đó, người học có thể vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn để thực hiện công tác quản lý nhà trường và thực hiện nhiệm vụ của giáo viên mầm non sau này.
	Đàn phím điện tử nâng cao	2	Môn học rèn luyện về kỹ năng thực hành đánh đàn các tác phẩm ứng dụng cho dạy trẻ ở trường Mầm non, qua đó người học có thể tự học, tự rèn thông qua những bài tập đã được nghiên cứu.
	Dàn dựng chương trình lễ hội	2	Học phần cung cấp các nội dung cơ bản về lý thuyết âm nhạc một cách đơn giản kết hợp các bài tập thực hành xướng âm và hát, giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức âm nhạc cơ bản ban đầu cũng như có kỹ năng thể hiện tốt các bài hát trong chương trình giáo dục mầm non, đây chính là nền tảng trong quá trình học tập, rèn luyện và nghiên cứu âm nhạc.
	Thực tập nghề nghiệp	3	Học phần này bao gồm các nội dung: tổ chức hoạt động chăm sóc, tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lý đặc trưng của trẻ, làm quen với 2 phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục ở nhóm lớp trẻ mầm non.
	Thực tập tốt nghiệp	3	Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của giáo viên tại trường mầm non với kiến thức và kỹ năng sư phạm nhuần nhuyễn. Đồng thời, tiếp tục rèn luyện và xây dựng hình ảnh, tác phong người giáo viên mầm non chuyên nghiệp, năng động thông qua các hoạt động hàng ngày tại trường mầm non.

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra

Mở đầu

CTĐT ngành GDMN đã được xây dựng mới nhất và đã được Hội đồng thẩm định CTĐT xét duyệt vào ngày 22/8/2023, được Hiệu trưởng trường CĐCD kí quyết định ban hành vào ngày 19/9/2023 để phù hợp chức năng và nhiệm vụ của Khoa Sư phạm hiện nay.

Chương trình đào tạo hệ cao đẳng chính quy ngành GDMN thể hiện mục tiêu rõ ràng, cụ thể; có cấu trúc hợp lý và được xây dựng trên cơ sở các văn bản quy định, hướng dẫn do Trường CĐCD ban hành trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành GDMN phản ánh rõ ràng sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Nhà trường; Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành GDMN được điều chỉnh căn bản đáp ứng yêu cầu đổi mới của ngành GDMN và tiếp cận theo định hướng tiếp cận năng lực người học trong quá trình đào tạo.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Luật giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với thực tiễn của địa phương

1. Mô tả:

Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN được xác định rõ ràng. CTĐT ngành GDMN được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý đầy đủ từ cơ quan chủ quản đến cơ sở giáo dục. Mục tiêu của CTĐT được thiết lập đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường theo hướng tập trung đào tạo năng lực sư phạm cho người học. Mục tiêu chung của CTĐT ngành GDMN của Trường CĐCD là: “Đào tạo sinh viên trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non được xây dựng nhằm đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của nhà sử dụng lao động và các bên liên quan trong giai đoạn hiện nay”. Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành GDMN được xác định: Người học hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục, giáo dục mầm non, chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để thực hiện tốt công việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; Có đủ phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện tốt hoạt động chuyên môn; Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; hợp tác nhóm cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Có khả năng tự bồi dưỡng phẩm chất và năng lực nghề nghiệp, khai thác và sử dụng công nghệ thông tin, tiếng Anh phù hợp với tính chất công việc; có nền tảng phẩm chất và năng lực để học tập ở cấp học cao hơn [H1.01.01.01]; [H1.01.01.02].

Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN được xác định phù hợp với sứ mạng của Trường CĐCD, đó là “ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà và khu vực” [H1.01.01.01]; [H1.01.01.03].

Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN phù hợp với mục tiêu của Nhà trường, đó là: “Chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng được xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới của GDMN, có đủ phẩm chất, năng lực và sức khỏe để đảm bảo thực hiện tốt chương trình GDMN, có khả năng đáp ứng được sự phát triển của của xã hội thời kỳ hội nhập quốc tế, có tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động và có khả năng tự bồi dưỡng”, “Vận dụng kiến thức cơ bản về tâm lý - giáo dục lứa tuổi mầm non; kiến thức khoa học và các kiến thức chuyên ngành; kiến thức về phương pháp tổ chức giáo dục để áp dụng vào quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non”, “Có năng lực và tư duy độc lập, sáng tạo trong lập kế hoạch, giải quyết vấn đề, tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non”, “Có kỹ năng lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức, sử dụng đồ dùng đồ chơi trong từng lĩnh vực hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với lứa tuổi theo đặc thù riêng của từng trường, địa phương; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phát triển và tổ chức thực hiện được chương trình giáo dục mầm non”, “Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có ý thức rèn luyện phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu hoạt động nghề nghiệp, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo”, “Có ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung; lối sống lành mạnh, trung thực, liêm khiết; thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác; có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau và có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ” [H1.01.01.03];

Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN đáp ứng được mục tiêu khối ngành sư phạm theo quy định và phù hợp với mục tiêu giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Luật giáo dục nghề nghiệp. Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014/QH13 đã nêu mục tiêu của giáo dục cao đẳng là: *“Đào tạo trình độ cao đẳng để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc”*.

Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cũng đã đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Trong thực tiễn, các cơ sở chăm sóc, giáo dục theo từng giai đoạn. Thực tế yêu cầu hiện hay trong chương trình giáo dục trẻ mầm non cũng đặt ra yêu cầu cho các giáo viên, phải là những giáo viên có chuyên môn tốt, có khả năng tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục nhằm hướng đến phát triển toàn diện cho trẻ. Các yêu cầu này giúp người học xác định cơ hội cũng như khả năng tiếp tục nghiên cứu ở các trình độ cao hơn, thúc đẩy sự phát triển của cá nhân nói riêng và GDMN nói chung [H1.01.01.03].

Để phù hợp với tình hình thực tiễn của khu vực cũng như nhu cầu thực tiễn ngành giáo dục mầm non của nước ta hiện nay, trong quá trình xây dựng CTĐT, Khoa Sư phạm đã tham khảo một số CTĐT ngành GDMN có chất lượng cao. [H1.01.01.03]. Bên cạnh đó, Khoa Sư phạm còn tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là lãnh đạo các phòng, ban của Nhà trường, lãnh đạo các cơ sở GDMN,

các giảng viên có kinh nghiệm, các chuyên gia đầu ngành, cựu sinh viên và sinh viên ngành GDMN, ... về nội dung xây dựng chương trình đào tạo ngành GDMN. Hình thức tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan bằng việc tổ chức phỏng vấn, thông qua hoạt động tổng kết công tác thực hành, thực tập hàng năm [H1.01.01.05];

CTĐT ngành GDMN 2023 được xây dựng mới so với các phiên bản trước là hướng tới phát triển những năng lực cần thiết của người học đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu của thực tiễn GDMN. Mục tiêu kỹ năng trong CTĐT 2023 đã được xác định phát triển ở người học “kỹ năng lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức, sử dụng đồ dùng đồ chơi trong từng lĩnh vực hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với lứa tuổi theo đặc thù riêng của từng trường, địa phương; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phát triển và tổ chức thực hiện được chương trình giáo dục mầm non”. Mục tiêu về trách nhiệm và tính tự chủ trong CTĐT 2023 được xác định phát triển ở người học “ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung; lối sống lành mạnh, trung thực, liêm khiết; thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác; có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau và có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.” [H1.01.01.02]. Việc xây dựng mục tiêu này nhằm đáp ứng các Chuẩn nghề nghiệp GVMN theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2021, Điều 5, tiêu chuẩn phát triển chuyên môn nghiệp vụ yêu cầu GVMN phải thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân, chủ động, linh hoạt, có sáng kiến trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phát triển toàn diện trẻ em theo Chương trình GDMN. Đồng thời, phải chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Mục tiêu của CTĐT được công khai trên Website, fanpage của Khoa Sư phạm và thông qua hoạt động giảng dạy, tư vấn, các giảng viên thông tin đến người học giúp các em tiếp cận được mục tiêu CTĐT để có thể chuẩn bị tốt cho việc học tập của bản thân [H1.01.01.03]; [H1.01.01.05].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN đã xác định rõ ràng, đáp ứng các quy định chung của ngành, đáp ứng ngày càng cao về nhu cầu của xã hội cũng như sự nghiệp đổi mới chương trình GDMN, đối với giáo viên mầm non.

Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường CĐCD Sóc Trăng, đồng thời phản ánh được nhu cầu của các đơn vị tuyển dụng giáo viên mầm non.

Mục tiêu CTĐT ngành GDMN được cụ thể hóa thành các chuẩn đầu ra, làm cơ sở cho việc thiết kế các nội dung học tập, nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ; đồng thời, nó đã được công bố công khai, rộng rãi cho người học, giảng viên, ... bằng nhiều kênh khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến của người học, ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ngành GDMN chưa được tiến hành một cách hệ thống, sâu, rộng, đối tượng mẫu khảo sát chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Mục tiêu của CTĐT cần được tiếp tục điều chỉnh, cập nhật kịp thời đảm bảo phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường CĐCD, với Luật Giáo dục 2019	K.SP	Từ năm học 2024-2025
2	Khắc phục tồn tại	Tăng cường số lượng và mở rộng đối tượng khảo sát lấy ý kiến phản hồi về mục tiêu CTĐT ngành GDMN: người học, cựu sinh viên ngành GDMN, các nhà tuyển dụng dưới nhiều hình thức khác nhau (trực tiếp, online,...) nhằm đảm bảo tính toàn diện, hiệu quả trong xử lý thông tin xung quanh mục tiêu của CTĐT. Từ đó, đánh giá, cập nhật cho phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành GDMN trong thời gian tới.	K.SP	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đáp ứng được yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, phù hợp với yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên

1. Mô tả

Việc xây dựng CDR của CTĐT ngành GDMN dựa trên các văn bản của Bộ GD&ĐT, theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Nhà trường về việc điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT cao đẳng đáp ứng yêu cầu của việc đào tạo tín chỉ theo quy định khối kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học theo quy định trong khung trình độ quốc gia Việt Nam, quyết định về việc phê duyệt tầm nhìn, sứ mạng của Trường.

CDR của CTĐT ngành GDMN được xây dựng mới và chính thức được ban hành năm 2023 [H1.01.02.02]. CDR được xây dựng đúng với quy trình xây dựng,

công bố CĐR theo quy định của Bộ GD&ĐT và thể hiện rõ ràng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học khi hoàn thành CTĐT. Trong quá trình xây dựng CTĐT ngành GDMN, Khoa Sư phạm đã thành lập nhóm biên soạn, tự nghiên cứu và tổng kết kinh nghiệm của các chuyên gia về xây dựng CĐR, lấy ý kiến của các bên có liên quan về CĐR, tổ chức và tham gia các phiên họp nghiệm thu CĐR ở các cấp [H1.01.02.01]; [H1.01.02.03]; [H1.01.02.04].

CTĐT ngành GDMN năm 2023 của Trường CĐCD gồm 10 CĐR, trong đó có 05 chuẩn về kiến thức, 03 chuẩn về kỹ năng và 02 chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các CĐR này xác định các yêu cầu đạt được về năng lực vận dụng kiến thức chung, kiến thức đại cương và kiến thức chuyên ngành GDMN vào thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; kỹ năng thực hành tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; kỹ năng giao tiếp, thiết lập các mối quan hệ xã hội; vận dụng kiến thức tiếng Anh, tin học trong hoạt động nghề nghiệp; năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm và đánh giá chất lượng thực hiện công việc [H1.01.02.03], [H1.01.02.04], [H1.01.02.05].

CĐR của CTĐT ngành GDMN năm 2023 được diễn đạt rõ ràng, thể hiện các năng lực, phẩm chất của người học đạt được sau khi tốt nghiệp, được diễn đạt theo thang Bloom về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. CĐR của các học phần thể hiện rõ đóng góp cho CĐR của CTĐT [H1.01.02.02].

CĐR của CTĐT đảm bảo tương thích với Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc 5. Với các tiêu chí cụ thể, CĐR của CTĐT được thiết kế rõ ràng giúp người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy, học tập. Đồng thời, có thể dễ dàng quan sát, đo lường và đánh giá được các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học sau quá trình học tập [H1.01.02.02]; [H1.01.02.03]. Các CĐR đều tương thích với mục tiêu của CTĐT và các tiêu chuẩn trong chuẩn nghề nghiệp GVMN.

Người học có thể thực hiện các công việc ở các vị trí sau khi tốt nghiệp như: giáo viên, quản lý tại các cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở quản lý giáo dục. Người học có thể học đại học, liên thông lên đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ngành GDMN; có thể học thêm để chuyển đổi hoặc kết hợp làm các công việc khác như chăm sóc tâm lý trẻ mầm non, tư vấn giáo dục, ...; có thể học bồi dưỡng thêm để dạy các môn chuyên biệt ở các cơ sở giáo dục mầm non như giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. [H1.01.02.02].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành GDMN được xác định rõ ràng, đảm bảo tỷ lệ khối lượng kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên ngành; phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, phù hợp với đổi mới GDMN hiện nay.

CĐR được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo theo quy trình, theo các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp lấy ý kiến phản hồi góp ý cho CĐR còn chưa hiện đại. Bên cạnh đó, số lượng mẫu trưng cầu lấy ý kiến phản hồi để góp ý cho CĐR của CTĐT còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường hoạt động rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT để đảm bảo tính sát thực tiễn giáo dục mầm non hơn nữa.	K.SP	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Mở rộng số lượng lấy mẫu. Khai thác nền tảng số và mạng xã hội để trưng cầu ý kiến các đối tượng người được khảo sát.	K.SP	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được các yêu cầu của các bên liên quan, yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

CĐR CTĐT ngành GDMN được xây dựng và thể hiện trong các quyết định ban hành CTĐT năm 2023 theo đúng quy định về việc xây dựng và ban hành CĐR và CTĐT của trường CĐCD [H1.01.03.01].

CĐR của CTĐT ngành GDMN được xây dựng mới, căn cứ vào: (1) Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu giáo dục của Nhà trường; (2) Mục tiêu của CTĐT; (3) Khung trình độ quốc gia Việt Nam; (4) Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp theo quy định của Bộ GD&ĐT; (5) Chuẩn nghề nghiệp GVMN [H1.01.01.03]; [H1.01.01.04]. Xây dựng CĐR CTĐT ngành GDMN được dựa trên khảo sát ý kiến của các cơ sở GDMN trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Thêm vào đó là việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, bao gồm: ý kiến GV, sinh viên, cựu sinh viên, các nhà quản lý giáo dục mầm non và

nhà tuyển dụng, đội ngũ giảng viên, đặc biệt và giảng viên chuyên ngành là những người trực tiếp giảng dạy, cập nhật kiến thức, bài giảng hằng năm đã tích cực tham gia vào việc phát triển CTĐT và rà soát, điều chỉnh CĐR [H1.01.03.01]; [H1.01.03.02].

Tiếp thu ý kiến góp ý của các bên liên quan, Khoa Sư phạm đã nghiên cứu chỉnh sửa và thông qua Hội đồng thẩm định CTĐT [H1.01.03.01] [H1.01.03.02]; và trình Hiệu trưởng ban hành theo quy định. CĐR của CTĐT sau khi được ban hành theo quy định, được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, trang fanpage của Khoa [H1.01.03.05] và trong Bản mô tả CTĐT ngành GDMN.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành GDMN xây dựng dựa trên việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan và căn cứ trên nhu cầu của các cơ sở GDMN nói chung và của tỉnh Sóc Trăng nói riêng.

CĐR của CTĐT ngành GDMN được công bố, công khai đến các đối tượng liên quan.

3. Điểm tồn tại

Còn hạn chế trong hình thức các kênh công bố, công khai CĐR của CTĐT ngành GDMN, và điều đó đã làm cho các đối tượng liên quan chưa dễ dàng tiếp cận được CĐR của CTĐT, đặc biệt là người học.

Chưa tiếp cận lấy ý kiến của các nhà sử dụng lao động ở các cơ sở GDMN có yếu tố nước ngoài để xây dựng CĐR.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường hơn nữa hoạt động rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành GDMN theo định kì hằng năm nhằm phát triển ở người học các năng lực cần thiết, sát với yêu cầu thực tế của nghề nghiệp và yêu cầu của xã hội. Cần chủ động trong việc lập kế hoạch định kì hằng năm lấy ý kiến của các đối tượng	K.SP	Từ năm học 2024-2025

		liên quan, thêm vào đó cần mở rộng việc lấy ý kiến người được khảo sát ở các cơ sở		
2	Khắc phục tồn tại	GDMN có yếu tố nước ngoài để xây dựng CDR; Khoa Sư phạm công khai CDR đến từng SV đang học thông qua sổ tay sinh viên, ngoài công khai CDR trên trang thông tin của Khoa Sư phạm, cần công khai CDR trên website của Nhà trường.	K.SP	Hàng năm

5. *Tự đánh giá tiêu chí:* Đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GDMN đã phản ánh được sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường và đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ quản lý, giảng viên của Nhà trường nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, đối tượng lấy ý kiến của các bên liên quan góp ý về mục tiêu và CDR của CTĐT chưa được triển khai rộng, chưa tham khảo ý kiến của nhà sử dụng lao động, của các cơ sở GDMN có yếu tố nước ngoài.

Trong thời gian tới, Khoa Sư phạm phối hợp với phòng Đào tạo, phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng thực hiện định kỳ khảo sát, tích cực mở rộng phạm vi và đối tượng trưng cầu ý kiến góp ý của các bên liên quan về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GDMN.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 1 cả 3 tiêu chí đạt ở mức 5/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu: Bản mô tả CTĐT ngành GDMN chính quy của trường CĐCD được xây dựng trên những quy định pháp lý của Bộ GD&ĐT và của Trường CĐCD. Bản mô tả CTĐT ngành GDMN là tài liệu cung cấp thông tin cho người dạy, người học, nhà tuyển dụng, các tổ chức nghề nghiệp và cơ quan quản lý có thẩm quyền. Trong quá trình xây dựng CTĐT ngành GDMN, Ban xây dựng CTĐT đã tham khảo CTĐT của một số trường đại học, cao đẳng uy tín trong nước và nước ngoài. Bản mô tả CTĐT ngành GDMN thể hiện đầy đủ các thông tin, có cập nhật định kỳ theo quy định, phù hợp với mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa; được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học và nhu cầu xã hội nói chung và tỉnh Sóc Trăng nói riêng.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

- Bản mô tả CTĐT ngành GDMN của trường CĐCD được xây dựng mới năm 2023 theo mẫu của Trường [H2.02.01.01], có đủ các nội dung theo quy định của Bộ GD&ĐT, bao gồm:

- + Tên đơn vị: Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng;
- + Tên gọi của văn bản: Cao đẳng Giáo dục Mầm non;
- + Tên CTĐT: Chương trình đào tạo ngành GDMN;
- + Thời gian đào tạo: 2,5 năm;
- + Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể;
- + CDR của CTĐT: được xác định với 10 CDR;
- + Tiêu chí tuyển sinh: theo quy định của trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng và Bộ GD&ĐT;
- + Cấu trúc Chương trình dạy học;
- + Ma trận kỹ năng: Ma trận kỹ năng thể hiện mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra và ma trận mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra;
- + Đề cương các học phần;
- + Thời điểm thiết kế bản mô tả CTĐT là tháng 10 năm 2022.

- Bản mô tả CTĐT ngành GDMN của trường CĐCD được rà soát và cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan ít nhất 2 năm một lần. Cụ thể là: Bản mô tả CTĐT ngành GDMN đã được rà soát và cập nhật những nội dung không cơ bản vào các năm học 2020-2021 và đến năm 2023 Bản mô tả CTĐT ngành GDMN đã được xây dựng mới để đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT, đồng thời phù hợp với bối cảnh mới của Khoa Sư phạm. Nhà trường đã ban hành các văn bản về việc xây dựng hoàn chỉnh CTĐT ngành GDMN theo Thông tư số 07/2023/TT- BGDDT ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.02]. Bên cạnh đó, CTĐT ngành GDMN được xây dựng trên cơ sở tham khảo CTĐT ngành GDMN (đã được kiểm định chất lượng) của một số các trường đào tạo GVMN trong nước, đồng thời có sự kế thừa các CTĐT trước đó của Nhà trường [H2.02.01.03]; [H2.02.01.04]. Ngoài ra, Nhà trường cũng nhận được những điểm tồn tại, hạn chế của Bản mô tả CTĐT năm 2021 và các năm trước đó, trên cơ sở nhận thức về tầm quan trọng của việc đổi mới CTĐT, Nhà trường đã chỉ đạo Khoa Sư phạm xây dựng Bản mô tả CTĐT ngành GDMN năm 2023 với đầy đủ các thông tin theo quy định hướng dẫn xây dựng CTĐT như đã nêu trên [H2.02.01.01]; [H2.02.01.05].

Trong Bản mô tả CTĐT ngành GDMN năm 2023, mục tiêu của CTĐT được xây dựng phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường; CDR của CTĐT được tiêu chuẩn hóa và mô tả rõ ràng, cụ thể hơn để có thể đo lường và đánh giá được, đồng thời thiết kế ma trận mức độ đóng góp vào CDR của từng học phần trong

CTĐT ngành GDMN. Đồng thời làm mới toàn bộ nội dung các đề cương học phần của CTĐT ngành GDMN [H2.02.01.02]. Sự thay đổi của CTĐT 2023 so với CTĐT năm 2021 được thể hiện trong báo cáo đánh giá tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện [H2.02.01.06].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành GDMN có đầy đủ nội dung thông tin và tường minh, được xây dựng dựa trên các cơ sở pháp lý rõ ràng. Qua bản mô tả CTĐT ngành GDMN, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến của toàn bộ khóa học, nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CDR của CTĐT ngành GDMN.

Bản mô tả CTĐT ngành GDMN được rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo định hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu xã hội. CTĐT ngành GDMN năm 2022 đã được Nhà trường chỉ đạo xây dựng mới theo xu hướng hiện đại và tính ứng dụng cao hơn, đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và phù hợp với thực tiễn của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với bản mô tả CTĐT ngành GDMN chỉ mới thực hiện chủ yếu đối với các đối tượng giảng viên, sinh viên và nhà tuyển dụng, tuy nhiên về mặt khảo sát trên số lượng còn chưa được nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Khoa Sư phạm phối hợp với các phòng, khoa có liên quan tuân thủ đúng theo quy định các cấp về việc cập nhật CTĐT ngành GDMN; Khoa Sư phạm chủ động lập kế hoạch định kì ít nhất 2 năm một lần rà soát CTĐT và thực hiện cập nhật bổ sung bản mô tả CTĐT để kịp thời cập nhật những vấn đề mới vào CTĐT ngành GDMN.	K.SP	Từ năm học 2024-2025
2	Khắc phục tồn tại	Khoa Sư phạm phối hợp với phòng, ban chức năng có liên quan trong việc hoàn thiện công cụ khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan và tăng số lượng người được khảo	K.SP	Hàng năm

		sát liên quan phục vụ cho việc thường xuyên rà soát, bổ sung, cập nhật CTĐT ngành GDMN.		
--	--	---	--	--

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

- Đề cương các học phần/chuyên đề trong CTĐT ngành GDMN là bản mô tả quá trình giảng dạy, đóng vai trò quan trọng, giúp người dạy và người học thực hiện đúng trách nhiệm của mình. CDR của mỗi học phần được tham chiếu tương ứng với CDR của CTĐT, đồng thời luôn gắn với từng hoạt động giảng dạy và học tập cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Sau khi thông qua chương trình khung chi tiết trong bản mô tả CTĐT ngành GDMN, tổ xây dựng CTĐT và Khoa Sư phạm đã tiến hành xây dựng đề cương chi tiết các học phần theo quy trình xác định, văn bản hướng dẫn [H2.02.02.01]; [H2.02.02.02].

- 100% đề cương các học phần trong CTĐT ngành GDMN có đủ các thông tin theo quy định, bao gồm:

+ Tên đơn vị: Khoa Sư phạm và các khoa có liên quan tham gia thực hiện CTĐT ngành GDMN;

+ Tên học phần;

+ Tên giảng viên đảm nhận biên soạn, giảng dạy;

+ Số tín chỉ; mục tiêu; CDR của học phần, ma trận liên kết nội dung với mục tiêu của CDR;

+ Các yêu cầu của học phần;

+ Cấu trúc học phần;

+ Phương pháp dạy - học, phương thức kiểm tra, đánh giá;

+ Tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

- 100% ĐCCT học phần trong CTĐT ngành GDMN được rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của Nhà trường, cụ thể là: Đề cương chi tiết các học phần ngành GDMN đã được Tổ xây dựng CTĐT tổ chức chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định và đề cương các học phần đã được thẩm định và ban hành theo đúng quy định [H2.02.02.01]; [H2.02.02.02]; [H2.02.02.03].

Từ năm 2020 đến nay Khoa Sư phạm trực thuộc Trường CĐCD nên đã có sự chuyển đổi từ Bộ GD&ĐT quản lý sang Bộ LĐTB&XH quản lý, do đó các quy định mẫu của đề cương chi tiết trong CTĐT ngành GDMN được dùng chung cho tất cả các ngành trong và ngoài sư phạm trong toàn trường, bao gồm: Tên học phần, số tín

chỉ, trình độ, phân bố thời gian, điều kiện kiên quyết, mục tiêu của học phần, mô tả các nội dung học phần, nhiệm vụ của SV, tài liệu học tập, tiêu chuẩn đánh giá SV, thang điểm, nội dung chi tiết học phần, ngày phê duyệt, cấp phê duyệt [H2.02.02.05]. Năm 2023, do có những thay đổi lớn về nhiệm vụ thực hiện đào tạo giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu mới hiện nay, Nhà trường đã tiến hành rà soát CTĐT đã thấy có những bất cập cần đổi mới toàn diện CTĐT ngành GDMN, thực tế là CTĐT ngành GDMN năm 2023 đã xây dựng mới thay thế CTĐT ngành GDMN 2021. Theo đó, đề cương chi tiết các học phần năm 2023 đã được xây dựng theo cấu trúc và nội dung mới, nó thể hiện đầy đủ các yêu cầu trong quy định, đồng thời nó mang tính cập nhật và ưu việt hơn nhiều so với các phiên bản đề cương chi tiết của các học phần trong CTĐT ngành GDMN ở những năm trước. Nội dung chi tiết của các học phần được kế thừa và phát triển, được trình bày một cách hệ thống và khoa học, đảm bảo tính rõ ràng và cụ thể, đồng thời đảm bảo cho người học có thể thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy và học tập một cách thuận lợi [H2.02.01.03]; [H2.02.02.04]; [H02.02.02.05].

2. Điểm mạnh

100% đề cương các học phần thể hiện đầy đủ thông tin theo quy định và đã được rà soát, cập nhật và xây dựng mới dựa trên căn cứ pháp lý, các cơ sở lý luận và thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Đề cương chi tiết của một số học phần trong CTĐT ngành GDMN ít được cập nhật nội dung dạy học mới, PPDH hiện đại và nguồn học liệu mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Khoa Sư phạm phối hợp với các phòng và các khoa phòng có liên quan đến CTĐT tiếp tục rà soát và cập nhật thường xuyên đáp ứng kịp thời những yêu cầu của thực tiễn ngành giáo dục mầm non.	K.SP	Từ năm học 2024-2025
2	Khắc phục tồn tại	Cần lên kế hoạch triển khai cập nhật nội dung dạy học mới, phương pháp dạy học hiện đại và nguồn học liệu mới trong các đề	K.SP	Hàng năm

		cương chi tiết của một số học phần trong CTĐT ngành GDMN.		
--	--	---	--	--

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Theo kế hoạch của Trường, Tổ xây dựng CTĐT đã tiến hành xây dựng CTĐT ngành GDMN hệ chính quy và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành GDMN. Sau khi CTĐT ngành GDMN năm 2023 được phê duyệt và ban hành, nó được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, như trên Website của trường, hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường; trên Fanpage của Khoa Sư phạm, các tài liệu quảng bá tuyển truyền tuyển sinh [H2.02.03.04].

Theo đó, 100% đề cương các học phần trong CTĐT cũng được công bố bằng nhiều hình thức khác nhau, như việc chuyển tới các giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT ngành GDMN cung cấp cho người học khi bắt đầu kì học đầu tiên của toàn niên khóa. Ngoài ra, Khoa Sư phạm còn triển khai phổ biến đề cương chi tiết các học phần đến sinh viên qua nhiều kênh thông tin công khai khác như: Bản thông tin đào tạo, các cố vấn học tập giới thiệu và tư vấn, hỗ trợ sinh viên [H2.02.03.01]; [H2.02.03.02]; [H2.02.03.03]. Thêm vào đó là việc lấy ý kiến phản hồi của người học về mức độ tiếp cận CTĐT và đề cương học phần ngành GDMN [H2.02.03.05].

Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết các học phần ngành GDMN được công khai bằng nhiều kênh khác nhau đã giúp các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, sinh viên, người đã tốt nghiệp, ... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần một cách dễ dàng và thuận tiện. Trong đó, các nhà quản lý dễ dàng trong việc theo dõi được quá trình triển khai CTĐT; người sử dụng lao động tiếp cận được phẩm chất, năng lực tương ứng với việc đáp ứng nhu cầu công việc trong thực tế mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp; người dạy thuận lợi trong việc định hướng thiết kế hoạt động dạy học hợp tác, tương tác sư phạm và dạy học tích hợp trong suốt quá trình tham gia giảng dạy; người học có thể chủ động tìm hiểu về nội dung môn học, lập kế hoạch học tập phù hợp và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để học tập nhằm đạt CDR của học phần trong CTĐT ngành GDMN. [H2.02.03.01]; [H2.02.03.02]; [H02.02.03.03]; [H2.02.03.04].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần của ngành GDMN được công bố công khai dưới các hình thức khác nhau, điều đó đã tạo điều kiện khá thuận lợi cho người học chủ động trong việc học tập, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tăng

cường hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và các cơ sở GDMN trong đào tạo và sử dụng nhân lực hiệu quả, có chất lượng, đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng đội ngũ GDMN của các cơ sở GDMN trên tỉnh Sóc Trăng, cũng như trên cả nước.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành GDMN chưa được tăng cường phổ biến đến các bên liên quan một cách trực tiếp, mà chủ yếu sử dụng hình thức gián tiếp. Nhà trường chưa có kế hoạch để phổ biến sâu rộng đối với CTĐT và đề cương chi tiết học phần đối với các bên có liên quan và đặc biệt đối với các nhà tuyển dụng ở các cơ sở GDMN.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường gửi CTĐT ngành GDMN đến các bên liên quan để công khai và xin ý kiến. Phát huy các hình thức hỗ trợ học tập và hệ thống quản lý đào tạo để phổ biến rộng rãi CTĐT và đề cương chi tiết các học phần đến người dạy và người học.	K.SP	Từ năm học 2024-2025
2	Khắc phục tồn tại	Cần tăng cường phổ biến bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành GDMN đến các bên liên quan một cách trực tiếp như đăng trên website của trường Nhà trường, cung cấp quyền sở tay SV có thông tin chi tiết về CTĐT ngành GDMN; Tăng cường lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch phổ biến sâu rộng đối với CTĐT và đề cương chi tiết học phần đối với các bên có liên quan và đặc biệt đối với các nhà tuyển dụng ở các cơ sở GDMN.	K.SP	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần ngành GDMN được xây dựng bài bản, khoa học và phù hợp với tình hình thực tiễn của Nhà trường và xu thế

đổi mới giáo dục mầm non hiện nay, đồng thời quá trình xây dựng CTĐT có sự tham khảo và đối sánh CTĐT của một số trường đại học và cao đẳng có uy tín trong nước về lĩnh vực đào tạo ngành GDMN. Trong quá trình bổ sung, điều chỉnh và xây dựng mới CTĐT ngành GDMN còn dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như: ý kiến đóng góp, xây dựng của tổ chuyên môn, cựu sinh viên, các giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT, các chuyên gia đầu ngành và nhà tuyển dụng. Nội dung bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ngành GDMN được trình bày đầy đủ thông tin, được cập nhật và công bố công khai đến các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, CTĐT và đề cương chi tiết học phần ngành GDMN còn có một số hạn chế và tồn tại nhất định, chẳng hạn như hệ thống bài giảng, giáo trình chính thức của một số học phần còn chưa hoàn thiện. Việc tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT còn chưa được tăng cường hình thức trực tiếp, còn hẹp về quy mô và ít về số lượng.

Trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, Nhà trường sẽ tiếp tục chỉ đạo việc cập nhật, bổ sung CTĐT, đề cương các học phần. Bên cạnh đó, tăng cường việc triển khai sâu rộng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để hoàn thiện chương trình, đáp ứng yêu cầu của xã hội nói chung và nhu cầu của các cơ sở GDMN nói riêng.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 2 cả 3 tiêu chí đạt ở mức 5/7.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học Mở đầu:

Tiếp cận mô hình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, CTDH được xây dựng vào năm 2016, có rà soát, chỉnh sửa vào năm 2021 và ở thời điểm hiện tại năm 2023 CTDH đã được xây dựng mới lại nhằm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ hiện nay của Khoa Sư phạm, đồng thời đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả và đổi mới đào tạo giáo viên mầm non hiện nay.

Nội dung chương trình dạy học được rà soát, chỉnh sửa định kỳ, hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá đảm bảo tương thích với CDR của CTĐT ngành GDMN. Quá trình rà soát, chỉnh sửa có sự tham gia của các bên liên quan, đảm bảo tính logic, cập nhật, đáp ứng linh hoạt nhu cầu của thị trường lao động.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Năm 2023, trên cơ sở tiếp thu các đóng góp của các bên liên quan, cơ sở tuyển dụng, cơ sở thực tập và giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy chương trình, CDR của CTĐT được điều chỉnh, cập nhật theo khung trình độ quốc gia Việt Nam, theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non và theo nhu cầu xã hội, trong đó có 05 chuẩn về kiến thức, 03 chuẩn về kỹ năng, 02 chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm, vị trí việc làm sau tốt nghiệp, khả năng học tập, nâng cao trình độ [H3.03.01.01]; [H3.03.01.06]; [H3.03.01.07]; [H3.03.01.08].

Chương trình dạy học của ngành GDMN năm 2023 được xây dựng dựa trên việc kế thừa nền tảng của nội dung CTDH của phiên bản năm 2021, nó đã được thiết kế bám sát các yêu cầu của CĐR trong CTĐT ngành GDMN năm 2023 về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm [H3.03.01.01]; [H3.03.01.02].

Trên cơ sở CĐR của CTĐT ngành GDMN đã ban hành, Ban xây dựng CTĐT ngành GDMN đã tổ chức họp để xác định cấu trúc, nội dung, khối lượng kiến thức, kỹ năng của chương trình; tiến hành xây dựng ma trận học phần và phối hợp với các khoa, phòng có liên quan trong việc xây dựng và ban hành Đề cương chi tiết các học phần [H3.03.01.01]; [H3.03.01.03]. Xây dựng mô tả CTĐT ngành GDMN trong đó xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của chương trình, CĐR từng khối kiến thức, xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt CĐR [H3.03.01.04]. Từng đề cương chi tiết học phần được thiết kế đảm bảo tương thích định hướng giữa mục tiêu với nội dung kiến thức, phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá với CĐR của học phần [H3.03.01.05].

Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT phiên bản 2023 được thể hiện trong bảng sau đây:

TT	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ	Đóng góp chuẩn đầu ra
1	Khối kiến thức - kỹ năng chung	32	PLO1, PLO2, PLO3, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10
2	Khối kiến thức - kỹ năng cơ bản	15	PLO1, PLO2, PLO3, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10
3	Khối kiến thức - kỹ năng chuyên ngành	43	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6,
4	Khối kiến thức - kỹ năng nghiệp vụ sư phạm	6	PLO5, PLO7, PLO10

Để đảm bảo tương thích với CĐR mới, nội dung chương trình dạy được bổ sung, chỉnh sửa [H3.03.01.07], [H3.03.01.08]:

(i) Điều chỉnh gộp 2 học phần *Ngoại ngữ 1, Ngoại ngữ 2* và đổi tên thành *Tiếng Anh*.

(ii) Điều chỉnh học phần *Tin học* từ khối kiến thức - kỹ năng cơ bản sang khối kiến thức - kỹ năng chung.

(iii) Điều chỉnh bỏ 2 học phần *Văn học dân gian, Văn học thiếu nhi* thay bằng học phần *Văn học trẻ em*.

(iv) Gộp 2 học phần *Tâm lý học trẻ em 1, 2* thành học phần *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*.

(v) Đổi tên học phần *Giáo dục học trẻ em* thành *Giáo dục học mầm non*; đổi tên học phần *Những vấn đề chung của GD học* thành học phần *GD học đại cương*.

(vi) Bỏ các học phần *Môi trường và con người*; *Cơ sở văn hóa Việt Nam*; *Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ*; *Rèn NVSP thường xuyên và kiến tập sư phạm*. Chuyển nội dung kiến tập vào các học phần phương pháp dạy học.

(vii) Bỏ 2 học phần *Bệnh trẻ em*, *Vệ sinh - Dinh dưỡng* và thay bằng học phần *Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ mầm non*.

(viii) Đổi tên học phần “*Chương trình giáo dục mầm non*” thành “*Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non*”; [H3.03.01.01].

(ix) Đổi tên học phần *Tâm lý học giao tiếp nghề giáo viên mầm non* thành học phần tự chọn với tên là *Nghề giáo viên mầm non*.

(x) Chuyển các học phần *Toán cơ sở*; *Giải phẫu sinh lý trẻ em*; *Tiếng Việt thực hành*; *Dàn dựng chương trình lễ hội* thành học phần tự chọn.

(xi) Bổ sung các học phần tự chọn mới: *Giáo dục STEM trong trường mầm non*; *Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non*; *Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non*; *Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non*; *Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non*; *Đàn phím điện tử nâng cao*.

(xii) Tách học phần *Quản lý và đánh giá giáo dục mầm non* thành hai học phần *Quản lý GDMN* (tự chọn) và *Đánh giá trong GDMN* (bắt buộc).

(xiii) Bổ sung học phần mới: *Tổ chức trò chơi hình thành biểu tượng toán ban đầu cho trẻ mầm non*.

Phiên bản 2023 được bổ sung ma trận thể hiện sự đóng góp và mức độ đóng góp của từng học phần vào CĐR của CTĐT, mỗi học phần đều đáp ứng ít nhất 3 tiêu chí trong tổng số 10 tiêu chí của CĐR 2023, điều này thể hiện rõ trong CTĐT và bản mô tả CTĐT [H3.03.01.02]; [H3.03.01.04]. Đề cương chi tiết của tất cả các học phần đều có CĐR, có ma trận thể hiện mối quan hệ giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT. Các tổ hợp phương pháp dạy và học được lựa chọn nhằm hướng tới CĐR của CTĐT. Hệ thống các phương pháp giảng dạy chủ yếu được thiết kế như: thuyết trình, phát vấn, seminar, dạy học theo dự án, bài tập tình huống, thảo luận nhóm, thực hành, thực tập,... [H3.03.01.04]. Đối với đánh giá kết quả học tập, ngoài việc đánh giá chuyên cần với các tiêu chí cụ thể, các học phần tự lựa chọn các hình thức đánh giá phù hợp với nội dung như: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành tổ chức giờ học giả định, dự án theo nhóm, viết báo cáo,...đề tương thích với CĐR [H3.03.01.04]. Sự phối hợp nhiều phương pháp dạy- học và hình thức kiểm tra, đánh giá góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR của CTĐT ngành GDMN.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR, trong đó mỗi học phần đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CĐR. Việc thiết kế chương trình dạy học được xây dựng một cách khoa học dựa trên các khảo sát thực tế, ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng, giảng viên, người học và các bên liên quan khác.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống biểu mẫu phục vụ cho việc phát triển CTĐT ngành GDMN theo chuẩn đầu ra chưa được hoàn thiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện quy trình thiết kế chương trình đào tạo hướng tới CĐR	K.SP P.ĐT	Từ năm học 2024-2025
2	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống biểu mẫu cho việc phát triển CTĐT dựa trên CĐR, chuẩn bị điều kiện đầy đủ biểu mẫu và thuận lợi cho lần điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong CTĐT ngành GDMN ở chu kỳ tiếp theo.	K.SP P.ĐT	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 3.2. Mỗi môn học hoặc học phần của chương trình dạy học đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CĐR

1. Mô tả

Phiên bản CTĐT ngành GDMN năm 2023 cho thấy mỗi học phần đều đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức mà người học tiếp nhận. 100% học phần có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR của CTĐT ngành GDMN thông qua ma trận CĐR của học phần với CĐR của CTĐT. Các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chung nhằm mục đích trang bị những kiến thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật, đạo đức và ý thức cho người học. Các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng cơ bản cung cấp kiến thức nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức kỹ năng chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành cung cấp những kiến thức về

tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non, giáo dục học mầm non, sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non, vệ sinh – dinh dưỡng, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non, đánh giá trong GDMN, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN và các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục MN. Người học có nhiều cơ hội để lựa chọn một trong các học phần tự chọn chuyên sâu về ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non, giáo dục gia đình, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho trẻ ; về các phương pháp giáo dục hiện đại như STEM. Phần thực tế và thực tập tại cơ sở giúp người học tìm hiểu về mô hình, cơ cấu tổ chức, vai trò, nhiệm vụ của các thành viên trong trường mầm non; rèn tay nghề thông qua thực tiễn hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong trường mầm non và vận dụng kiến thức đã học để tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo độ tuổi được phân công thực tập; xây dựng được môi trường học tập cho trẻ và thực hiện quản lý nhóm trẻ. Khóa luận tốt nghiệp giúp người học có kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá và nghiên cứu khoa học [H3.03.01.05], [H3.03.02.01], [H3.03.02.04]. Như vậy, có thể thấy, mỗi một học phần trong chương trình đào tạo đều có đóng góp rất rõ ràng trong việc đạt được CĐR. Bên cạnh đó, sự gắn kết của từng học phần với CĐR của CTĐT cũng được thể hiện rõ trong từng đề cương chi tiết các học phần và trong bản mô tả CTĐT. Cấu trúc đề cương chi tiết của mỗi học phần trong CTĐT đều xác định cụ thể số tín chỉ, số tiết lý thuyết, thực hành, bài tập và học phần tiên quyết nhằm đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất [H3.03.02.01]. Các học phần xác định số tín chỉ cũng như số tiết lý thuyết và thực hành/bài tập phù hợp với khối lượng kiến thức môn học.

Các môn học/học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ tốt nhất để bảo đảm đạt được CĐR. Hệ thống các phương pháp kiểm tra/đánh giá được thiết kế đảm bảo tương thích với CĐR của CTĐT. Đề cương chi tiết các học phần cũng thể hiện rõ các tiêu chí đánh giá, trọng số điểm và sự đóng góp cụ thể đối với CĐR của học phần. Theo Quyết định số 526/QĐ-CĐCĐ ngày 02/7/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành quy chế học vụ dành cho sinh viên, học viên ngành Giáo dục mầm non, điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6. Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2. Ngoài ra, để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần, người học cần tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần. Các hình thức đánh giá được giảng viên sử dụng linh hoạt nhằm phát huy năng lực của người học (bài tập cá nhân, bài

tập nhóm, seminar, thảo luận, thực hành...). Hình thức thi kết thúc học phần cũng phong phú, đa dạng: tự luận, trắc nghiệm, thực hành... Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân theo quy chế đào tạo và được công bố công khai trong đề cương chi tiết các học phần [H3.03.02.01].

Nội dung các môn học/học phần trong CTDH định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan như ý kiến khảo sát giảng viên về CTĐT, ý kiến khảo sát cơ sở thực tập đồng thời cũng là nhà tuyển dụng về CTĐT và khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên. Trên cơ sở đó có những điều chỉnh phù hợp đảm bảo tính liên quan mật thiết với việc đạt được CĐR. Ngoài ra, Khoa Sư phạm đã có những đối sánh khi thiết kế CTĐT, tham khảo CTĐT của Trường cao đẳng sư phạm Trung ương [H3.03.02.05], [H3.03.02.06], [H3.03.02.07], [H3.03.02.08].

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học đã thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR. Mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá mỗi học phần cụ thể đều hướng đến góp phần tiêu chuẩn hóa và cụ thể hóa nhằm đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Chuẩn đầu ra của một số học phần chưa tiếp cận sát với rõ với CĐR của CTĐT và cách mô tả chuẩn đầu ra của số ít học phần chưa được rõ ràng, mạch lạc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường lựa chọn và áp dụng các hình thức tổ chức dạy học, các phương pháp dạy – học, phương pháp kiểm tra đánh giá theo tiếp cận hiện đại nhằm hướng tới góp phần đạt được chuẩn đầu ra đã được xác định.	K.SP P.ĐT	Từ năm học 2024-2025
2	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại CĐR của một số học phần sao cho đảm bảo được sự đóng góp cụ thể, trực tiếp mà CĐR của CTĐT ngành GDMN đã xác định.	K.SP P.ĐT	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

CTĐT ngành GDMN theo hệ thống tín chỉ được xây dựng lần đầu vào năm 2016, phiên bản này chủ yếu là chuyển đổi cơ học từ chương trình theo học chế niên chế sang học chế tín chỉ. Đến năm 2021, Trường đã tổ chức rà soát, chỉnh sửa theo hướng lựa chọn tinh gọn lại, chỉ còn 111 tín chỉ đồng thời cập nhật các kiến thức mới. Tuy nhiên phiên bản 2021 CDR chưa bám sát khung trình độ quốc gia Việt Nam, chưa có ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt được CDR trong CTĐT. Năm 2023, trên cơ sở nghiên cứu các văn bản hướng dẫn, Nhà trường đã chỉ đạo tổ chức xây dựng CDR trên cơ sở khung trình độ Quốc gia Việt Nam và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, CTĐT và Chương trình dạy học ngành GDMN đã được xây dựng một cách bài bản theo đúng quy trình xác định, theo đó ma trận kỹ năng cũng được thiết kế và nó đã thể hiện được sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR, lựa chọn các phương pháp dạy – học phù hợp để bảo đảm đạt được CDR, lựa chọn phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ tốt nhất để bảo đảm đạt được CDR [H3.03.03.01]; [H3.03.03.02]; [H3.03.03.04]; [H3.03.03.05].

CTDH ngành GDMN của phiên bản CTĐT ngành GDMN 2023 được cấu trúc hợp lý, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức kỹ năng chung, khối kiến thức kỹ năng cơ bản và khối kiến thức kỹ năng chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Bên cạnh đó, 100% các học phần trong chương trình dạy học được bố trí hợp lý: Cấu trúc của CTĐT thể hiện rõ ràng các học phần cơ bản, các học phần trung gian, các học phần chuyên môn ngành và khóa luận tốt nghiệp. Trong khi các học phần cơ bản là học phần tiên quyết cho các học phần cơ sở khối ngành thì bản thân các học phần cơ sở khối ngành/cơ sở ngành lại là các học phần tiên quyết cho các học phần chuyên môn ngành. Ngoài ra việc xác định thời lượng học mỗi học phần, thời điểm/ học kỳ thực hiện học phần là mang tính hợp lý [H3.03.03.01].

Chương trình dạy học đã thể hiện vai trò của từng khối kiến thức, thể hiện trong bảng sau:

TT	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ		Tỉ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn	
1	Khối kiến thức - kỹ năng chung	32		33,33%
2	Khối kiến thức - kỹ năng cơ bản	13	2	15,63%

3	Khối kiến thức - kỹ năng chuyên ngành	35	8	44,79%
4	Khối kiến thức - kỹ năng nghiệp vụ sư phạm	6		6,25%

Sự thiết kế nêu trên của đảm bảo logic các học phần và khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đối với người học.

Như vậy, qua các lần điều chỉnh, chương trình dạy học ngành GDMN có tỷ lệ hợp lý, cân đối giữa các khối kiến thức, kỹ năng chung; khối kiến thức, kỹ năng cơ bản; khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành; thực tập; khóa luận tốt nghiệp. Trong đó, khối kiến thức kỹ năng chuyên ngành được ưu tiên, đảm bảo hướng tới đạt được CĐR. Phân bố các học phần bắt buộc/tự chọn và các học phần thuộc các khối kiến thức trong chương trình dạy học hợp lý. Thông tin về học phần học trước, học phần tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần đảm bảo cho việc sắp xếp thứ tự thực hiện các học phần theo trật tự logic với thời lượng phù hợp. Tuy nhiên, các học phần tự chọn trong khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành còn chưa nhiều [H3.03.03.01].

So với chương trình dạy học GDMN năm 2021, chương trình dạy học hiện nay được điều chỉnh bổ sung, cập nhật nhiều nội dung mới như: CĐR của học phần xác định rõ ràng và cụ thể các yêu cầu cần đạt đối với người học về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm sau khi hoàn thành học phần; điều chỉnh tỉ lệ lý thuyết, thực hành theo hướng tăng tỉ lệ thực hành; tăng số học phần tự chọn; chuyên đề tự chọn; bổ sung ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CĐR của CTĐT; bổ sung các phương pháp dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm hướng tới CĐR của chương trình. Những điểm mới này được thể hiện rõ trong bản so sánh CTĐT ngành GDMN 2021 với CTĐT ngành GDMN 2023 [H3.03.03.03]; [H3.03.03.04].

Quá trình rà soát, cập nhật, chương trình dạy học được định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan để xây dựng Chương trình dạy học [H3.03.03.02]; [H3.03.03.03] tham khảo các CTĐT của các trường cao đẳng có đào tạo ngành GDMN. Trên cơ sở đó, Khoa Sư phạm tổ chức họp rà soát sau đó thông qua Hội đồng thẩm định CTĐT ngành GDMN của nhà trường, sau đó trình Hiệu trưởng ký ban hành và công khai theo quy định [H3.03.03.04]. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, chương trình dạy học ngành GDMN đã được chỉnh sửa theo hướng yêu cầu cao hơn về năng lực của người tốt nghiệp, chú trọng đến kiến thức chuyên môn về mầm non, năng lực và kỹ năng nghề nghiệp cho người học.

2. Điểm mạnh

Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc hợp lý, đảm bảo sự logic, khoa học và tính tích hợp. Chương trình dạy học được định kỳ rà soát/điều

chỉnh, bổ sung, cập nhật, được đánh giá nghiêm túc và đã xây dựng mới nhằm đảm bảo theo quy định và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn ngành GDMN.

3. Điểm tồn tại

Việc tính tích hợp của một số nội dung dạy học chưa được thể hiện một cách rõ nét.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Trong quá trình thực hiện, tiếp tục xem xét cấu trúc, trình tự logic, nội dung, tính tích hợp để có đề xuất điều chỉnh.	K.SP ĐT	Từ năm học 2024- 2025
2	Khắc phục tồn tại	Nâng cao tính tích hợp của một số nội dung học phần trong Chương trình dạy học ngành GDMN.	K.SP ĐT	Từ năm học 2024- 2025

4. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3: Chương trình dạy học của trong CTĐT ngành GDMN được thiết kế dựa trên CĐR, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, nhiệm vụ của Trường CĐCD, đồng thời gắn chặt với nhu cầu nguồn nhân lực ở tỉnh Sóc Trăng và các tỉnh lân cận. Tất cả các học phần trong CTĐT ngành GDMN đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CĐR của chương trình dạy học. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Chương trình dạy học được xây dựng/chỉnh sửa với sự tham gia của giảng viên, cán bộ quản lý và được định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung.

Bên cạnh những mặt mạnh của CTDH, việc mô tả CĐR, một số học phần hướng tới CĐR của CTĐT đôi chỗ còn chưa thể hiện rõ. Tính tích hợp một số nội dung dạy học chưa được thể hiện rõ ràng. Việc tổ chức lấy ý kiến về nội dung các học phần trong chương trình dạy học chưa được lớn về số lượng mẫu.

Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ chỉ đạo việc rà soát, điều chỉnh CĐR của một số học phần để đảm bảo sát với CĐR của CTĐT, thể hiện rõ nét hơn tính tích hợp trong một số nội dung. Tiến tới hoàn thiện hệ thống biểu mẫu cho việc phát triển CTĐT ngành GDMN trong thời gian tới.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 3 cả 3 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu:

Phương pháp tiếp cận trong hoạt động dạy và hoạt động học có vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo của tất cả ngành học. Chương trình đào tạo ngành GDMN cũng như nhiều chương trình khác của trường CĐCD chọn cách tiếp cận quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm, hướng tới phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực ở người học, tổ chức các hoạt động dạy học nhằm đạt được CĐR đã công bố trong CTĐT ngành GDMN. Việc lựa chọn và sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, đa dạng nhằm phát triển tính chủ động, sáng tạo trong học tập cho người học. Vì vậy, CTĐT ngành GDMN năm 2023 đã xác định rõ mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa thông qua việc thiết kế chương trình dạy học với các học phần có tính logic, các học phần đại cương, các học phần cơ sở là những học phần tiên quyết cho những học phần chuyên ngành, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CĐR của CTĐT. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành GDMN được xây dựng đảm bảo được các tiêu chí sau đây:

Tiêu chí 4.1. Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Trường CĐCD có văn bản công bố chính thức về mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành GDMN. Mục tiêu giáo dục của trường được công bố rõ ràng là đích hướng tới của tất cả các hoạt động trong quá trình đào tạo của nhà trường, đặc biệt là trong xây dựng CTĐT. Mục tiêu giáo dục của ngành GDMN được chuyển tải vào CTĐT, cụ thể: Chương trình đào tạo sinh viên mầm non trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non (GDMN) được xây dựng nhằm đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của nhà sử dụng lao động và các bên liên quan trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa. Cụ thể, CTĐT ngành Giáo dục mầm non hướng tới mục tiêu đào tạo sinh viên. [H4.04.01.01]:

(i) Có khả năng nhận thức và vận dụng những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng và pháp luật của nhà nước vào cuộc sống và quá trình công tác; vận dụng được những kiến thức về an ninh, quốc phòng trong bảo vệ Tổ quốc, an toàn xã hội nơi công tác và trong cộng đồng dân cư.

(ii) Vận dụng kiến thức cơ bản về tâm lý - giáo dục lứa tuổi mầm non; kiến thức khoa học và các kiến thức chuyên ngành; kiến thức về phương pháp tổ chức giáo dục để áp dụng vào quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non.

(iii) Có năng lực và tư duy độc lập, sáng tạo trong lập kế hoạch, giải quyết vấn đề, tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.

(iv) Có kỹ năng lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức, sử dụng đồ dùng đồ chơi trong từng lĩnh vực hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với lứa tuổi theo đặc thù riêng của từng trường, địa phương; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phát triển và tổ chức thực hiện được chương trình giáo dục mầm non.

(v) Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có ý thức rèn luyện phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu hoạt động nghề nghiệp, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo.

(vi) Có ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung; lối sống lành mạnh, trung thực, liêm khiết; thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác; có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau và có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Để đáp ứng được mục tiêu nói trên, CTĐT ngành GDMN được thiết kế theo hướng phát triển năng lực của người học. Nội dung của chương trình gồm các khối kiến thức, kỹ năng mang tính tích hợp nhiều lĩnh vực: tự nhiên, xã hội, nghệ thuật, tâm lý giáo dục, các kỹ năng thực hành nghề giáo viên mầm non, được cập nhật các thành tựu của GDMN, phù hợp với thực tiễn xã hội [H4.04.01.01]; [H4.04.01.02]. Khối kiến thức kỹ năng chung (32 tín chỉ) giúp sinh viên có những kiến thức về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc của giáo viên mầm non và thực tiễn cuộc sống. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (15 tín chỉ) trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng cần thiết cho việc hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành (43 tín chỉ) với mục tiêu hình thành những kỹ năng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở GDMN và thích ứng với những môi trường làm việc năng động, hiện đại trong thực tiễn. Khối kiến thức tự chọn giúp người học có nhiều cơ hội học tập và nghiên cứu chuyên sâu, tạo tiền đề cơ sở để tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở các cấp học cao hơn. Thực tế cơ sở được lồng ghép vào các học phần phương pháp dạy học được chia thành nhiều đợt, giúp sinh viên được tiếp cận thực tế GDMN tại các cơ sở giáo dục mầm non. Từ đó giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về môi trường nghề nghiệp, có định hướng nghề nghiệp đúng đắn, tích cực học tập, phấn đấu và rèn luyện để trở thành GVMN. Thực tập (6 tín chỉ) là thời gian sinh viên được thực hành các kiến thức, kỹ năng đã được học thành các kỹ năng nghề giáo viên mầm non. Với các nội dung được thiết kế đầy đủ, khoa học, đa dạng về các lĩnh vực khác nhau của ngành GDMN, CTĐT là yếu tố cốt lõi giúp trường thực hiện được mục tiêu giáo dục [H4.04.01.03].

CTĐT cũng được nhà trường chú trọng điều chỉnh với xu hướng cập nhật các quan điểm và phương pháp giáo dục tiên tiến, tăng thời lượng thực hành thực tập,

thời gian thực tập sớm. Ngoài thời gian thực hành trong từng học phần, sinh viên được tham gia 2 đợt thực tập tập trung tại trường mầm non, đợt đầu tiên được thực hiện ngay từ học kì 3. Các cơ sở thực hành được mở rộng, trong đó chú trọng tới các trường mầm non sử dụng các phương pháp GDMN tiên tiến như giáo dục STEM, ... [H4.04.01.03].

Mục tiêu giáo dục được tất cả giảng viên của trường cùng phối hợp thực hiện, thể hiện qua việc xây dựng nội dung và lựa chọn phương pháp dạy học. Phương pháp dạy học phong phú, thường xuyên được đổi mới, có tính hiện đại, chuyên sâu nhưng đồng thời vẫn phù hợp với chương trình GDMN như phương pháp thực hành, vấn đáp, dự án, thuyết trình, giảng giải.... Phương pháp học của sinh viên cũng đa dạng và phù hợp với chương trình học như tự nghiên cứu, nghe giảng, làm bài tập nhóm, bài thu hoạch cá nhân, thảo luận nhóm, thực hành, thực tập... Phương pháp dạy và học của giảng viên và sinh viên là yếu tố quan trọng để thực hiện được mục tiêu giáo dục của nhà trường [H4.04.01.03].

Mục tiêu giáo dục được quán triệt, phổ biến đến toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức tại các hội nghị hàng năm đồng thời được đăng tải trên website, thông tin tại áp phích được đặt tại ngay cổng trường, là những nơi mà cán bộ, giảng viên, viên chức dễ tiếp cận [H4.04.01.02], [H4.04.01.01]. (Ngoài ra, mục tiêu giáo dục cũng được quán triệt, phổ biến đến toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức tại các hội nghị hàng năm.) Trong hội nghị viên chức, Hiệu trưởng nhà trường luôn quán triệt, tuyên truyền về nội dung cơ bản của mục tiêu, từ đó định hướng các hoạt động của Nhà trường. Đối với sinh viên, ngay từ khi sinh viên năm thứ nhất nhập trường, mục tiêu giáo dục ngành GDMN được phổ biến tới sinh viên trong đợt học tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. Sinh viên thể hiện sự hiểu biết về mục tiêu giáo dục trong các bài thu hoạch sau khi kết thúc đợt học. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên cấp trường – liên chi đoàn – chi đoàn và Hội sinh viên cũng tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp sinh viên hiểu rõ hơn về hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên, trong đó có phổ biến, tìm hiểu về mục tiêu giáo dục. Đối với các bên liên quan như các nhà tuyển dụng, các trường mầm non phối hợp thực hành thực tập..., mục tiêu giáo dục được phổ biến thông qua trang web, kế hoạch thực tập các năm [H4.04.01.02]; [H4.04.01.03]; [H4.04.01.04].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành GDMN đã được tuyên bố rõ ràng, được cụ thể hóa vào CTĐT, từ nội dung tới phương pháp dạy và học của giảng viên và sinh viên. Nội dung của chương trình khoa học, vừa tích hợp được các kiến thức chung về tự nhiên văn hóa xã hội, vừa nghiên cứu chuyên sâu về ngành GDMN. Phương pháp giáo dục đa dạng, phù hợp với phương pháp học của sinh viên. Mục tiêu giáo dục được phổ biến tới cán bộ, giảng viên, giáo viên, viên chức, sinh viên

cũng như các bên liên quan để cùng phối hợp thực hiện các hoạt động đào tạo, hướng tới đạt mục tiêu mà trường đã công bố.

3. Điểm tồn tại

Hình thức phổ biến mục tiêu giáo dục đến các bên liên quan ngoài trường chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường phổ biến mục tiêu giáo dục của CTĐT đến các bên liên quan thông qua các hình thức như: hội thảo, hội nghị, hội họp Tiếp tục điều chỉnh mục tiêu giáo dục trong quá trình xây dựng đề cương các học phần trong CTĐT và trong quá trình dạy học. CTĐT ngành GDMN phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề cho người học theo chuẩn chức danh, cập nhật các nghiên cứu mới về GDMN, tăng cường tính hiện đại của CTĐT.	K.SP phối hợp với các khoa có liên quan, P.ĐT	Định kỳ chỉnh sửa CTĐT
2	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu phổ biến mục tiêu giáo dục đến các bên liên quan thông qua các ấn phẩm truyền thông của Nhà trường		Năm 2024-2025

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 4.2. Hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR

1. Mô tả

Dưới sự tổ chức chỉ đạo của Ban xây dựng CTĐT ngành GDMN 2022, các bộ môn đã tiến hành xây dựng hoạt động dạy học, lựa chọn và sử dụng các phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CDR. Trong mỗi đề cương chi tiết học phần, mục tiêu của học phần đã được xác định và đối chiếu với CDR của CTĐT, từ đó các phương pháp giảng dạy, nhiệm vụ của người học, cùng với việc hướng dẫn sinh viên thực hiện nhiệm vụ tự học và tài liệu học tập được xác định phù hợp để

tiến tới thực hiện CĐR của học phần, góp phần thực hiện CĐR của CTĐT ngành GDMN [H4.04.02.01]; [H4.04.02.07].

Các phương pháp giảng dạy được thiết kế trong các đề cương chi tiết của CTĐT ngành GDMN rất đa dạng, mang nét đặc trưng riêng phù hợp với tính chất, nội dung và mục tiêu của từng học phần đã xác định nhằm hướng tới để người học đạt được CĐR. Theo đó, để thực hiện việc giảng dạy một học phần bất kỳ trong CTĐT ngành GDMN, người dạy phải phối hợp nhiều phương pháp giảng dạy với các kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy mặt mạnh cũng như khắc phục mặt hạn chế của từng phương pháp giảng dạy. Trong hoạt động dạy học, giảng viên luôn nghiên cứu đầu tư trong công tác giảng dạy, sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học bao gồm phương pháp dạy học truyền thống như: Thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thực hành - luyện tập và kết hợp với phương pháp dạy học tích cực, hiện đại như: Phương pháp động não, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp dạy học tình huống nhằm tạo môi trường sư phạm cho sinh viên giải quyết vấn đề. Tùy học phần giảng dạy mà giảng viên tổ chức cho sinh viên đi thực tế, hoạt động trải nghiệm, dạy học theo dự án, hướng dẫn thực tập theo kế hoạch. Thêm vào đó, giảng viên thường xuyên cập nhật các kỹ thuật dạy mới và đưa vào giảng dạy như: Kỹ thuật khăn trải bàn, kỹ thuật KWLH, XYZ, kỹ thuật bể cá, tia chớp, hộp đen, trò chơi, ... Như vậy, hoạt động dạy học được phối hợp nhịp nhàng giữa phương pháp dạy học truyền thống và phương pháp dạy học tích cực, hiện đại để ngày càng phù hợp hơn với CĐR [H4.04.02.04]; [H4.04.02.05]. Với các học phần phương pháp tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, sinh viên được tìm hiểu về lý thuyết nội dung phương pháp tổ chức hoạt động trên lớp. Sau đó, trong phần thực hành, sinh viên vừa được thực hành trên lớp, vừa được thực hành tại các trường mầm non trong các đợt thực tập [H4.04.02.04], với phương pháp kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, hoạt động dạy học của các học phần đã được thiết kế rất phù hợp để đạt CĐR [H4.04.02.03].

Nhà trường cũng đã trang bị đầy đủ các trang thiết bị nhằm phục vụ cho việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy (Mỗi lớp học đều có máy chiếu) 100% giảng viên của khoa sử dụng hiệu quả trong giảng dạy. Bên cạnh đó, giảng viên còn hướng dẫn sinh viên ứng dụng các phần mềm để xây dựng kế hoạch giảng dạy và tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. CNTT còn giúp sinh viên và giảng viên tìm kiếm thông tin trên internet và sử dụng trong hoạt động dạy học hàng ngày.

Ngoài thiết kế các hoạt động dạy học và ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học, các giảng viên trong khoa mỗi năm đều tham gia viết sáng kiến/giải pháp, soạn bài giảng các học phần hoặc nghiên cứu khoa học nhằm bồi dưỡng về chuyên môn phục vụ trong giảng dạy. Giảng viên không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, thiết kế đa dạng các hoạt động dạy học, áp dụng CNTT cũng như nghiên cứu khoa học vào quá trình dạy học làm tăng hiệu quả hoạt động dạy phù hợp đạt CĐR của chương trình.

Các bộ môn, giảng viên đã hướng dẫn cụ thể người học tự tổ chức các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp các em chủ động tiếp thu và lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Chẳng hạn như, khi bắt đầu học các học phần sinh viên được các giảng viên giới thiệu về nội dung chi tiết của học phần sắp dạy, giới thiệu mục tiêu và CĐR của học phần, phương pháp học tập cũng như các tài liệu có liên quan, hướng dẫn sinh viên cách học, cách nghiên cứu tài liệu, đọc giáo trình, hướng dẫn và khuyến khích sinh viên chủ động xây dựng kế hoạch học tập. Trong quá trình học, sinh viên tự nghiên cứu giáo trình cũng như các tài liệu có liên quan, tích cực hoạt động nhóm, cùng trao đổi, bàn bạc xây dựng nội dung bài học hiệu quả, ngoài ra sinh viên còn được thực hành, thực tập trên giờ học [H4.04.02.01].

Về cơ bản, giảng viên và người học hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp giảng dạy được lựa chọn và sử dụng trong CTĐT ngành GDMN. Hàng năm, Khoa Sư phạm tiến hành tổ chức đối thoại với sinh viên và lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về nội dung và phương pháp dạy học của giảng viên. Đa số sinh viên đánh giá cao sự phù hợp của nội dung học tập và phương pháp dạy học của giảng viên. Nhờ đó mà góp phần không nhỏ trong đạt CĐR của CTĐT ngành GDMN [H4.04.02.06].

Ví dụ: Bảng 1.2: *Kết quả mức độ hài lòng của SV GDMN về sự phù hợp của phương pháp tiếp cận trong dạy và học để đạt được CĐR của CTĐT ngành GDMN năm 2023 (1= hoàn toàn không hài lòng; 2= không hài lòng; 3= ít hài lòng; 4= hài lòng; 5= rất hài lòng)*

TT	Sự phù hợp của phương pháp tiếp cận trong dạy và học		Mức độ hài lòng (N = 107)					ĐTB	ĐLC	XH
			1	2	3	4	5			
1	HĐDH được lựa chọn và áp dụng trong CTĐT ngành GDMN	SL	0	1	18	33	55	4,33	0,63	2
		TL %	0,0	0,6	10,9	20,0	33,3			
2	Các phương pháp giảng dạy được lựa chọn và sử dụng trong CTĐT ngành GDMN	SL	0	2	10	44	51	4,35	0,72	1
		TL %	0,0	1,2	6,1	26,7	30,9			

3	Các kĩ thuật DH được lựa chọn trong CTĐT ngành GDMN để phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo của người học	SL	0	5	32	30	40	3,98	0,93	3
		TL %	0,0	3,0	19,4	18,2	24,2			

(Nguồn: Khoa Sư phạm khảo sát)

* Ghi chú: *ĐLC* = Độ lệch chuẩn; *ĐTB* = Điểm trung bình; *XH* = Xếp hạng

Nhà trường và Khoa Sư phạm đặc biệt xem trọng hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên, hàng năm, khoa tiến hành xây dựng kế hoạch và tổ chức cho sinh viên ngành giáo dục Mầm non tham gia thực tập đúng theo kế hoạch đã xây dựng. Thời lượng thực tập, thực tế của sinh viên gồm 6 tín chỉ, bao gồm hoạt động thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp. Thực tập nghề nghiệp (3 tín chỉ) được tổ chức triển khai qua các hoạt động tìm hiểu cơ sở giáo dục mầm non, hoạt động dự giờ các giáo viên ở cơ sở giáo dục mầm non (kiến tập) khi giảng dạy các học phần về phương pháp giáo dục và chăm sóc trẻ; hoạt động dạy học có chủ đích ở hai lĩnh vực phát triển của trẻ mầm non trong 3 tuần thực tập nghề nghiệp. Thực tập tốt nghiệp (3 tín chỉ) tiến hành trong 6 tuần. Trong 6 tuần thực tập tốt nghiệp, sinh viên sẽ thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ như một giáo viên tại cơ sở. Qua đó sinh viên sẽ vận dụng kiến thức đã học cùng với sự hướng dẫn của nhà giáo tại cơ sở vào thực hành hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non. Kết quả thực tập của sinh viên hàng năm đều đạt ở mức độ giỏi và xuất sắc. Nội dung của hoạt động TTTN chủ yếu liên quan đến nội dung phương pháp tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ [H4.04.02.04], [H4.04.02.05].

2. Điểm mạnh

Giảng viên luôn linh hoạt, sáng tạo trong hoạt động giảng dạy thường xuyên tạo điều kiện cho sinh viên được trải nghiệm, được thực hành cả trên giờ học và ngoài giờ học (Các đợt TTNN và TTTN), thường xuyên được điều chỉnh nội dung cho phù hợp với từng khóa nhằm đạt CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

3. Điểm tồn tại

Cần động viên khuyến khích sinh viên đăng kí làm khóa luận tốt nghiệp nhiều hơn nữa, nhằm giúp sinh viên có cơ hội vận dụng các chuyên môn đã nghiên cứu vào thực tiễn hiệu quả.

Cần phối hợp chặt chẽ với trường mầm non thực hành cho sinh viên được đến thực hành, trải nghiệm sau mỗi học phần về phương pháp giáo dục mầm non.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chú trọng sử dụng phương pháp dạy học tích cực trên lớp, rèn luyện kỹ năng nghề trong các đợt thực tập tại các trường mầm non: đổi mới phương pháp, chia nhỏ sĩ số lớp với những nội dung cần thiết, tăng cường ứng dụng CNTT, tăng cường nghiên cứu khoa học về PP dạy học và ứng dụng vào quá trình tổ chức đào tạo. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên mầm non và giảng viên hướng dẫn thực hành thực tập cho SV.	K.SP Các khoa P.ĐT	Hàng năm (bắt đầu từ năm học 2024 – 2025)
2	Khắc phục tồn tại	Tham mưu và xây dựng kế hoạch cụ thể để sinh viên có cơ hội thực hành trải nghiệm tại trường MN	K.SP P.ĐT	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 4.3. Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết của nhà giáo cho người học, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm. Hoạt động học tập đa dạng giúp SV hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Nội dung các học phần trong CTĐT chi tiết của ngành GDMN [H4.04.03.02] thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi

học phần nhằm giúp sinh viên tham gia vào các hoạt động dạy và học nhằm rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên [H4.04.03.05].

Hoạt động thực hành, thực tập đòi hỏi người học phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể; kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, với phụ huynh học sinh và các tổ chức xã hội có liên quan. Các bài tập nhóm dưới hình thức thuyết trình rèn cho sinh viên khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác. [H4.04.03.01]; [H4.04.03.06].

Mặt khác, SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng giao tiếp của các em. [H4.04.03.07]; [H4.04.03.09].

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành rà soát các nguồn học liệu, tài liệu giáo trình, nhằm giúp sinh viên tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên thư viện của trường từ đó hình thành văn hóa đọc trong sinh viên. [H4.04.03.08]; [H4.04.03.11].

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của giảng viên, sinh viên năm cuối về chất lượng CTĐT ngành GDMN để giúp Khoa Sư phạm có những điều chỉnh, bổ sung chương trình chi tiết, cải tiến các hoạt động dạy và học. Ngoài ra khoa cũng tiến hành khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành GDMN. [H4.04.03.03]; [H4.04.03.04]; [H4.04.03.10].

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy - học được thiết kế đa dạng hướng đến rèn luyện khả năng học tập suốt đời cho người học, hình thành và phát triển những phẩm chất năng lực của nhà giáo theo khung năng lực quốc gia đặc biệt nhấn mạnh những yếu tố gắn liền với nghề giáo viên mầm non.

3. Điểm tồn tại

Điều kiện cơ sở vật chất như đường truyền internet không ổn định, chưa có khu học liệu điện tử nên cũng có những khó khăn nhất định trong việc tổ chức một số hoạt động dạy – học tích cực (thực hành giao tiếp, hoạt động nhóm, dự án...) và việc tự học, tự nghiên cứu của SV trong thời đại 4.0.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
-----------	-----------------	-----------------	----------------------------------	---------------------------------------

1	Phát huy điểm mạnh	Nâng cấp hệ thống đường truyền Internet đến từng phòng học và đầu tư trang bị thêm thư viện điện tử.	P.ĐT K.SP	Từ năm học 2024 – 2025
2	Khắc phục tồn tại	Duy trì việc dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học nghiêm túc, đúng quy chế, quy định; đảm bảo kịp thời, khách quan, chính xác, công bằng, công khai, minh bạch.	P.ĐT K.SP	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4: Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT là phù hợp, mục tiêu được diễn đạt rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, giúp người học đạt chuẩn đầu ra. Các hoạt động học tập đa dạng như tự học, thảo luận, thuyết trình, thực tập, thực hành và trải nghiệm thực tế giúp người học có khả năng và tinh thần học suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy và người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, tôn trọng và nâng đỡ người học. Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất ở một số phòng học chưa thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp giảng dạy phát huy tính chủ động của SV.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 4 cả 3 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 5: Tuyển sinh và hỗ trợ người học

Mở đầu:

Việc thực hiện chính sách ưu tiên trong tuyển sinh và các chính sách hỗ trợ người học luôn được nhà trường quan tâm. Người học được nhà trường bảo đảm điều kiện thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong quá trình học tập, rèn luyện và phát huy năng lực, sở trường của bản thân. Chất lượng đầu ra phụ thuộc vào chất lượng đầu vào và quá trình học tập của người học cho nên ngay từ khâu tuyển sinh Nhà trường đã xác định rõ tiêu chí, phương thức tuyển chọn sinh viên đầu vào. Trong quá trình đào tạo, nhà trường luôn hỗ trợ kịp thời, thường xuyên, luôn tạo môi trường học tập lành mạnh, tích cực cho người học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 5.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Với mục tiêu đào tạo giáo viên mầm non: “... nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới của GDMN thời kỳ hội nhập toàn cầu. Sinh

viên tốt nghiệp có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp và sức khỏe để thực hiện công việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; có khả năng tự bồi dưỡng, có tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động, thích ứng với sự phát triển của GDMN; sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tiếng Anh trong công việc; có khả năng học tập ở cấp học cao hơn”.

Chính sách tuyển sinh của Trường luôn được xác định rõ ràng, minh bạch từ hình thức, chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển; Đề án chính sách tuyển sinh [H5.05.01.01], cơ sở dữ liệu, thống kê tuyển sinh [H5.05.01.02], trong thông báo/kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử... [H5.05.01.03] của Trường đối với ngành GDMN được công bố công khai trên website trước các kỳ tuyển sinh hàng năm.

Hàng năm nhà trường tổ chức ngày hội việc làm, tại đó các đơn vị tuyển dụng, trao đổi thông tin về nguồn nhân lực, cung cấp phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực hàng năm và những mong muốn về sản phẩm sinh viên ra trường cần có những kiến thức và kỹ năng gì từ đó giúp định hướng cho công tác tuyển sinh của trường [H5.05.01.04].

Sau khi kết thúc kỳ tuyển sinh Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh và bàn phương hướng công tác tuyển sinh cho năm học mới. Tại hội nghị các chính sách được trao đổi, bàn bạc, góp ý để điều chỉnh và cập nhật [H5.05.01.05].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai trên nhiều kênh thông tin và dưới nhiều hình thức khác nhau, được cập nhật thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Minh chứng về việc phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực hàng năm chưa cập nhật đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh theo đúng chỉ đạo của Bộ, cập nhật và thông tin công khai, đầy đủ đến thí sinh.	P.TS&TT	Hàng năm
2	Khắc phục	Định kỳ cần phải lấy ý kiến minh chứng về việc phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực	P.TC-HC	Hàng năm

	tồn tại	hàng năm, dữ liệu nghiên cứu cần được tổng hợp và lưu trữ ở phòng TT&ĐBCL.		
--	------------	---	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 5.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình dạy học, đề cương môn học hoặc học phần và việc tổ chức thực hiện được mô tả rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận

1. Mô tả

Các thông tin về ngành học, CTDH, CTĐT và bản mô tả CTĐT đã được mô tả rõ ràng, đầy đủ trong bản mô tả CTĐT ngành GDMN. Bản mô tả này được công khai trên trang thông tin điện tử của trường [H5.05.02.01].

Các thông tin về ngành học được phổ biến tới người học trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. Trong tuần này ngoài những nội dung như giới thiệu về nhà trường, về cơ cấu tổ chức của trường, về nhiệm vụ và quyền hạn của người học,...Người học được giới thiệu về ngành đào tạo và được phổ biến quy chế đào tạo cũng như các chế độ chính sách cho người học [H5.05.02.01].

Chương trình đào tạo và đề cương chi tiết của tất cả các học phần được cập nhật lên hệ thống quản lý đào tạo và hệ thống quản lý sinh viên giúp cho cả giảng viên và sinh viên dễ dàng tiếp cận [H5.05.02.02].

Người học dễ dàng tiếp cận thông tin về ngành học, CTĐT, đề cương chi tiết các học phần bằng cách truy cập hệ thống quản lý SV hoặc thông qua giảng viên/cố vấn học tập/lãnh đạo khoa. Cố vấn học tập trao đổi thông tin với người học thông qua nhóm zalo/Facebook [H5.05.02.04], [H5.05.02.04]. Giảng viên trao đổi với người học những thông tin liên quan đến học phần thông qua các nhóm zalo hoặc hệ thống LMS, các thông tin liên lạc qua internet [H5.05.02.05]. Lãnh đạo khoa trực hành chính tiếp nhận mọi thông tin của người học và giải đáp/tư vấn. Tại buổi học đầu tiên của mỗi học phần, đề cương chi tiết của từng học phần một lần nữa được cung cấp cho người học để người học có cái nhìn tổng thể về học phần đó.

Ngoài ra chương trình dạy học, chương trình đào tạo và bản mô tả, đề cương chi tiết các học phần cũng được in thành quyển kèm theo quyết định ban hành, Phòng Đào tạo giữ một bản và khoa giữ một bản, người học và những người quan tâm có thể tiếp cận nếu có nhu cầu [H5.05.02.02], [H5.05.02.01].

Hàng năm trường thường xuyên tham gia các buổi tư vấn tuyển sinh phát tờ rơi, tài liệu quảng cáo,... [H5.05.01.06]. Chính sách tuyển sinh của trường được cập nhật và thay đổi hàng năm theo quy định của Bộ GD & ĐT theo hướng tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh. Tuyển sinh ngành GDMN thay vì xét tổ hợp Văn, Toán, Năng khiếu (hát, kể chuyện, đọc diễn cảm), bổ sung điều kiện xét tuyển về điểm thi

năng khiếu $\geq 5,0$ [H5.05.02.06]. Hàng năm thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học và người học đã tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Các hình thức thông tin về chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đa dạng, cập nhật, được phổ biến công khai. Người học dễ dàng tiếp cận thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần.

3. Điểm tồn tại

Cập nhật thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình dạy học ngành GDMN trên trang thông tin điện tử của Khoa Sư phạm. Bổ sung sổ tay sinh viên kịp thời đúng quy định.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Làm phòng phú và đa dạng hơn nữa hình thức công khai các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo ngành GDMN.	K.SP	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Rà soát, cập nhật thông tin về ngành học, CTĐT, CTDH trên trang thông tin điện tử của Khoa. Khoa Sư phạm phối hợp với phòng Công tác HSSV Bổ sung sổ tay sinh viên đúng quy định.	K.SP	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 5.3. Áp dụng các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên

1. Mô tả

Chính sách ưu tiên tuyển sinh được quy định trong đề án tuyển sinh hàng năm và được thực hiện đúng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo tất cả thí sinh thuộc diện ưu tiên (khu vực, đối tượng) được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển, điều này thể hiện rõ trong danh sách trúng tuyển hàng năm [H5.05.03.01].

100% người học thuộc diện ưu tiên được bảo đảm các chế độ chính sách ưu tiên và hỗ trợ học tập như: trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập, vay vốn tín dụng,... Trường có phòng Công tác học sinh sinh viên chủ trì việc thực hiện chế độ chính sách cho người học. Hàng năm phòng Công tác học sinh sinh viên căn cứ vào quy định chính sách hiện hành thông báo và triển khai tới các khoa về việc thực hiện các chế độ chính sách mà người học được hưởng thông qua nhóm Zalo [H5.05.03.02]; cán bộ phụ trách công tác học sinh sinh viên của khoa thông báo về cho các lớp thông qua các nhóm Facebook của khoa triển khai công tác học sinh sinh viên đến cán bộ lớp [H5.05.03.04]; các lớp rà soát những người học đúng đối tượng, lập danh sách và tập hợp hồ sơ nộp cho khoa; khoa nộp cho phòng Công tác học sinh sinh viên; phòng rà soát lại lần nữa và lập danh sách kèm quyết định và trình ký [H5.05.03.05].

Các chính sách ưu tiên và hỗ trợ học tập với người học là đối tượng ưu tiên được phổ biến tới người học thông qua 3 kênh chính: phổ biến tới người học trong các tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, giữa khóa, cuối khóa in thành tài liệu phát cho người học trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, phổ biến các kế hoạch và các hoạt động được trường tổ chức tới các khoa và tới cố vấn học tập, người học dễ dàng tiếp cận thông qua cố vấn học tập và cán bộ phụ trách công tác học sinh sinh viên của khoa [H5.05.03.06]; [H5.05.03.07].

Việc rà soát hồ sơ hưởng chế độ chính sách được triển khai nghiêm túc, đúng quy trình. Hồ sơ sau khi được kiểm tra đều được lưu giữ cẩn thận. Các quyết định và các danh sách người học hưởng chế độ chính sách được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [H5.05.03.03]; [H5.05.03.05]; [H5.05.03.06]. Hàng năm, không có các trường hợp khiếu nại hay thắc mắc về việc thực hiện chính sách ưu tiên và hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên.

Ngoài ra, để tạo điều kiện, hỗ trợ cho các em sinh viên thuộc diện chế độ chính sách, nhà trường bố trí cho các em vào ở ký túc xá theo nhu cầu, nguyện vọng [H5.05.03.08]

2. Điểm mạnh

Người học dễ dàng tiếp cận thông tin về các chính sách ưu tiên và hỗ trợ học tập đối với người học là những đối tượng ưu tiên. Người học thuộc đối tượng ưu tiên được bảo đảm các chế độ chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đúng, đủ và kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Việc tìm kiếm các nguồn hỗ trợ học tập như học bổng, trợ cấp... từ các tổ chức xã hội dành cho các đối tượng ưu tiên còn hạn chế.

Hồ sơ văn bản về thanh tra, thẩm tra hoạt động tuyển sinh của trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Áp dụng đúng, đủ, kịp thời các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên, đảm bảo 100% người học là đối tượng ưu tiên đều được hưởng chế độ và hài lòng với việc thực hiện chế độ chính sách của nhà trường.	P. HSSV K.SP	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh tìm kiếm nguồn từ xã hội để hỗ trợ học tập đối với người là đối tượng ưu tiên. Bổ sung hồ sơ văn bản về thanh tra, thẩm tra hoạt động tuyển sinh của trường đối với CTĐT. Hồ sơ văn bản về thanh tra, thẩm tra hoạt động tuyển sinh của ngành GDMN hàng năm, ngoài việc lưu trữ tại Phòng TT&ĐBCL cần được cung cấp về Khoa Sư phạm để thuận tiện cho việc tự đánh giá CTĐT hàng năm.	P. HSSV	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 5.4. Thực hiện đúng quy định miễn học phí, quy định về các chính sách ưu tiên trong việc xét học bổng, trợ cấp xã hội cho học sinh, người học sư phạm

1. Mô tả

100% người học thuộc chương trình được miễn học phí theo đúng chính sách ưu tiên dành cho người học sư phạm. Hàng năm nhà trường đều ra quyết định về mức thu học phí căn cứ theo *Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm*. Sinh viên sư phạm được miễn học phí hoàn toàn [H5.05.04.01]; [H5.05.04.02]. Việc tổ chức xét, cấp học bổng, trợ cấp xã hội được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Hàng năm, thông qua tuần sinh hoạt công dân học sinh, sinh viên đầu khóa, đầu năm, phòng Công tác học sinh, sinh viên đều phổ biến quy chế, quy định về điều kiện cấp xét học bổng, trợ cấp xã hội cho người học. Động viên, khuyến khích người học cố gắng phấn đấu trong học tập, rèn luyện để

đạt được học bổng khuyến khích học tập trong từng học kỳ [H5.05.04.02]. Các văn bản này cũng đồng thời được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [H5.05.04.04].

Việc chi trả trợ cấp xã hội được thực hiện theo năm tài chính; kết thúc mỗi năm học, phòng Công tác học sinh, sinh viên thông báo, yêu cầu người học nộp hồ sơ gia hạn hộ nghèo (với trường hợp gia đình khó khăn và hộ nghèo) để thực hiện đúng chế độ theo quy định. Tất cả các đối tượng sinh viên này đều được hướng dẫn làm các thủ tục hưởng trợ cấp đầy đủ, kịp thời [H5.05.04.03]; [H5.05.04.04].

Đối với học bổng khuyến khích học tập, kết thúc mỗi học kỳ, phòng Công tác HSSV phối hợp với Kế hoạch-Tài chính gửi thông báo đến khoa hướng dẫn xét đánh giá rèn luyện, xét cấp học bổng cho người học. Việc xét, cấp học bổng được thực hiện theo đúng quy trình từ cấp khoa, cấp trường. Sau cuộc họp, phòng Kế hoạch - Tài chính rà soát lại lần nữa rồi lập danh sách kèm theo quyết định và trình ký [H5.05.04.05].

Hàng năm, không có các trường hợp khiếu nại hay thắc mắc về việc thực hiện quy định miễn học phí, quy định về các chính sách ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội cho học sinh, người học sư phạm.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đúng quy định miễn học phí, quy định về các chính sách ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội cho học sinh, người học ở ngành sư phạm.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức các hội đồng xét, cấp học bổng đôi khi còn chậm, chưa kịp thời do phần mềm xét điểm sai số liệu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Công bố dự toán kinh phí từ đầu năm học; động viên tạo động lực cho người học tích cực phấn đấu trong học tập, rèn luyện để đủ điều kiện được xét, cấp học bổng	P.HSSV P.ĐT	Hàng năm
2	Khắc phục	Thực hiện xét, cấp học bổng kịp thời cho người học		Hàng năm

	tồn tại	Nâng cấp, hoàn thiện phần mềm để thuận lợi cho việc xét học bổng, xét điểm rèn luyện.		
--	------------	---	--	--

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 5.5. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học

1. Mô tả

Nhà trường luôn xác định nhiệm vụ đồng hành cùng người học trong việc phát triển kỹ năng, nghiệp vụ, hỗ trợ học tập và sinh hoạt là một trong những hoạt động quan trọng. Trường có phòng Công tác học sinh, sinh viên là đơn vị chủ trì xây dựng quy định chức năng nhiệm vụ của cố vấn học tập [H5.05.05.01]. Các khoa căn cứ quy định về cố vấn học tập của trường xây dựng kế hoạch cố vấn học tập của khoa, trong đó nêu rõ những công việc của cố vấn học tập trong cả năm học [H5.05.05.03]. Tại mỗi lớp luôn có 01 cán bộ đảm nhận nhiệm vụ cố vấn học tập đồng thời là giáo viên chủ nhiệm phụ trách tư vấn, định hướng, hỗ trợ người học sắp xếp kế hoạch học tập từ năm thứ nhất đến năm cuối [H5.05.05.01].

Hàng năm, Trường tổ chức ngày hội việc làm do phòng Công tác học sinh, sinh viên chủ trì với sự tham gia của các đơn vị tuyển dụng. Đây thực sự là một ngày hội, tại đó có các cơ sở tuyển dụng quảng bá hình ảnh của đơn vị mình và tư vấn trực tiếp cho sinh viên, sinh viên có cơ hội tiếp xúc với nhiều nhà tuyển dụng và được hỗ trợ tư vấn việc làm [H5.05.01.05]; [H5.05.05.04].

Người học cũng được tư vấn việc làm thông qua đội ngũ giảng viên và cố vấn học tập [H5.05.04.01]. Tại các buổi lên lớp, giảng viên ngoài việc truyền đạt kiến thức cho người học còn bồi dưỡng lòng yêu nghề và định hướng việc làm cho người học.

Hàng năm, các phòng ban chức năng, Đoàn Thanh niên và hội sinh viên của trường luôn quan tâm tổ chức hỗ trợ học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua,... nhằm góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người học. Hội thi nghiệp vụ nghề nghiệp được tổ chức với các nội dung [H5.05.05.02].

Giới thiệu ngành nghề, trả lời các câu hỏi hiểu biết về ngành nghề, quy chế đào tạo, về nghiệp vụ GDMN và phân thi tài năng; đây là dịp người học được giao lưu học hỏi về chuyên môn nghiệp vụ, được khám phá và thể hiện những giá trị của bản thân và tăng thêm lòng yêu nghề [H5.05.04.04]. Tại các cuộc tổ chức, công diễn và báo cáo từng chuyên môn ngành GDMN, người học được thể hiện những gì tinh túy nhất của chuyên ngành được học, điều đó đã mang lại cho người học niềm cảm hứng và sự tự tin khi lựa chọn chuyên ngành mà mình yêu thích, đồng thời một lần nữa khẳng định việc xây dựng chương trình theo chuyên ngành/chuyên đề là hướng

đi đúng đắn [H5.05.05.06]. Đoàn Thanh niên và hội sinh viên tổ chức các hoạt động theo chủ đề, chủ điểm, việc này đã góp phần tạo hứng khởi cho người học và hướng người học đến những suy nghĩ và việc làm tích cực, có ích cho cộng đồng, như các hoạt động thiện nguyện, hiến máu nhân đạo [H5.05.05.03].

Công tác thực hành thực tập được chú trọng, hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch thực hành thực tập, lựa chọn những cơ sở thực tập có chất lượng, trao đổi với cơ sở thực tập về khả năng đáp ứng công việc của người học, trao đổi về nhu cầu tuyển dụng từ đó có căn cứ tư vấn việc làm của người học, kết quả thực tập đã cho thấy nội dung chương trình phù hợp và người học đáp ứng tốt với công việc [H5.05.05.04].

Nhờ làm tốt công tác tư vấn và hỗ trợ việc làm, tỉ lệ người học ngành GDMN có việc làm hàng năm là khoảng 98% [H5.05.05.06].

2. Điểm mạnh

Tổ chức nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa nhằm hỗ trợ tốt nhất cho người học. Hoạt động thi đua được tổ chức thường xuyên, có nhiều dịch vụ hỗ trợ khả năng cải thiện học tập. Kết nối nhà tuyển dụng để giới thiệu việc làm cho sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Một số hoạt động cố vấn học tập còn hạn chế về công tác tư vấn, tham vấn cho người học sắp xếp hợp lý kế hoạch học tập cá nhân và chiến lược học tập hiệu quả đối với một số học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Duy trì, nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ và tư vấn việc làm cho người học.	P. HSSV Đoàn, Hội SV P. ĐT K.SP	Hàng năm
2	Khắc phục	Tăng cường hoạt động cố vấn học tập nâng cao hiệu quả hỗ trợ người học	P. HSSV P.ĐT Các khoa	Hàng năm

	tồn tại			
--	------------	--	--	--

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 5.6. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Trường có cảnh quan xanh, sạch, đẹp, khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa, hội trường, thư viện, khu thực hành, ký túc xá,... được bố trí hợp lý [H5.05.06.01]. Các phòng học đều khang trang, sạch đẹp, đầy đủ ánh sáng; hội trường đa chức năng với 500 chỗ ngồi và trang thiết bị ánh sáng âm thanh đầy đủ; Công tác vệ sinh được đảm bảo, có đội ngũ vệ sinh chuyên nghiệp đảm bảo công tác vệ sinh cho toàn trường [H5.05.06.05]; hàng năm có các báo cáo tổng kết/ sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn,.. [H5.05.06.06] và được các cơ quan hữu quan đánh giá tốt về môi trường và cảnh quan của trường [H5.05.06.07].

Trường có Thư viện có tổng diện tích 300 m², phòng phục vụ có gần 50 chỗ ngồi, đảm bảo các tiêu chuẩn về ánh sáng; bàn ghế, giá sách, tủ sách theo quy định, đảm bảo điều kiện về phòng cháy chữa cháy, thoát hiểm. Phục vụ cho ngành đào tạo GDMN của trường, thư viện có 65 tên giáo trình, 93 tên tài liệu tham khảo, 3840 bản [H5.05.06.01]; [H5.05.06.04].

Trường có bộ phận y tế chăm sóc sức khỏe của GV-VC và người học. Người học được tổ chức khám sức khỏe vào đầu khóa học tỉ lệ sinh viên tham gia bảo hiểm y tế hàng năm 100% [H5.05.06.02].

Trường đã tạo dựng cho người học có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện: người học luôn được tôn trọng đúng mức; mọi vấn đề của người học được các phòng chức năng giải đáp và tư vấn nhiệt tình; các thầy cô lên lớp với tinh thần nhiệt huyết và sẵn sàng chia sẻ, hướng dẫn; người học được động viên và tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa [H5.05.06.03]; [H5.05.06.07]; người học được tham gia lấy ý kiến đánh giá về môi trường và cảnh quan trong trường [H5.05.06.08], được tham gia lấy ý kiến góp ý về thái độ và chất lượng phục vụ trong công tác đào tạo được tham gia lấy ý kiến đánh giá về hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động kiểm tra đánh giá [H03.03.02.08]. Kết quả của các đợt khảo sát lấy ý kiến của người học cho thấy người học hài lòng với môi trường tâm lý và xã hội của trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tạo dựng cho người học có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

3. *Điểm tồn tại:* Số lượng đầu sách chuyên ngành còn hạn chế.

4. *Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Đầu tư cơ sở vật chất cho khu vận động thể chất	P.QT	Giai đoạn 2025 - 2030
2	Khắc phục tồn tại	Luôn tạo cho người học có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường học tập thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.	Tất cả đơn vị	Hàng năm

5. *Tự đánh giá tiêu chí:* Đạt 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5: Chính sách tuyển sinh của Trường được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật trong đề án tuyển sinh hàng năm. Các thông tin về ngành học, chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần và việc tổ chức thực hiện được mô tả rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận. Người học thuộc đối tượng ưu tiên được hưởng các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập. Trong quá trình xây dựng chính sách tuyển sinh, hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên về chính sách tuyển sinh chưa được thường xuyên. Việc khai thác các nguồn lực xã hội trong tìm kiếm học bổng, trợ cấp chưa được nhiều. Hoạt động cố vấn học tập còn thực sự hiệu quả. Trong thời gian tới, nhà trường sẽ thường xuyên lấy ý kiến người học về chính sách tuyển sinh. Đẩy mạnh tìm kiếm nguồn từ xã hội để hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên. Thực hiện xét, cấp học bổng kịp thời, nâng cấp, hoàn thiện phần mềm để làm căn cứ thuận lợi cho việc xét học bổng, xét điểm rèn luyện. Đầu tư hơn nữa về cơ sở vật chất cũng như nguồn tài liệu cho Thư viện, đặc biệt là học liệu về chuyên ngành GDMN.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 5 cả 6 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 6. Đánh giá kết quả học tập của người học Mở đầu:

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những khâu rất quan trọng trong hoạt động đào tạo và được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình sinh viên tham gia học tập tại Khoa Sư phạm ở Trường CĐCD. Hình thức và nội dung đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR của CTĐT ngành GDMN và được quy định trong quy chế đào tạo của Nhà trường. Quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo rộng rãi công khai với người học qua nhiều kênh thông tin. Phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và tính khách quan, công bằng; kết hợp giữa đánh giá quá trình, giữa kỳ và thi hết học phần. Kết quả kiểm tra, đánh giá được giảng viên phản hồi kịp thời theo đúng quy định của Trường, đồng thời Trường gửi các danh sách cảnh báo và học bổng định kỳ cho người học để các em kịp thời lên kế hoạch điều chỉnh và cải thiện hoạt động học tập của mình sao cho tốt hơn. Thêm vào đó, Nhà trường, Khoa Sư phạm và các bộ môn chú trọng việc đảm bảo cho người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và luôn luôn xử lý thỏa đáng các thắc mắc của các em. Như vậy, người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định kiểm tra đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, cũng như tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 6.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được Trường CĐCD thiết kế dựa trên mục tiêu về chuẩn đầu ra. Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thể hiện thông qua đề cương chi tiết của các học phần, quy chế đào tạo của trường. Người học được biết các quy định về kiểm tra, đánh giá để từ đó chủ động điều chỉnh phương pháp học tập của mình trong quá trình học tập, các quy định đó được thể hiện rõ trong đề cương từng học phần và được thay đổi cho phù hợp với thực tế. [H6.06.01.01].

Việc kiểm tra đánh giá bao gồm: Việc kiểm tra đầu vào (trong tuyển sinh viên khóa mới); kiểm tra, đánh giá trong quá trình học tập. Các tài liệu hướng dẫn việc thiết kế phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR [H6.06.01.01]; [H6.06.01.02]; [H6.06.01.03].

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR. Đề cương các môn học trong

CTĐT ngành GDMN đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, năng lực và trách nhiệm. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình nhận thức, phát triển kỹ năng và hình thành các phẩm chất năng lực người học theo các thang đo lường trong giáo dục đã được tiêu chuẩn hóa về nhận thức bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá); về kỹ năng (bắt chước,

thao tác, chính xác, phối hợp, tự động hóa); về năng lực tự chủ và trách nhiệm (tiếp nhận, hưởng ứng, giá trị hóa, tổ chức, tính cách hóa). Từ mục tiêu của môn học, giảng viên xác định các nội dung cần kiểm tra, đánh giá, các cách thức kiểm tra đánh giá những yêu cầu cụ thể việc kiểm tra đánh giá phù hợp với môn học. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kì; tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành đối với đánh giá cuối kì [H6.06.01.01]. Đề thi của Khoa Sư phạm đều được trưởng bộ môn phê duyệt, bộ môn xem xét từng câu hỏi sử dụng trong đề có khả năng đánh giá theo mức độ về mặt kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. [H6.06.01.02].

Các hình thức kiểm tra đánh giá, đánh giá kết quả học tập của người học đã được Nhà trường phổ biến và công khai thông qua các văn bản, đề cương chi tiết học phần. Bộ phận khảo thí thuộc Phòng ĐT là đơn vị chuyên trách về công tác tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Công tác ra đề và kiểm tra đánh giá kết quả học tập được tổng kết và báo cáo hàng năm [H6.06.01.04].

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ ràng và được thực hiện theo đúng quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CDR từng học phần và CTĐT ngành GDMN. Các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên thường xuyên được công bố công khai, minh bạch đến người học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Khoa Sư phạm có chú trọng thiết kế các thang đo lường trong đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của CDR, nhưng thực tế các thang đo lường trong kiểm tra, đánh giá được thiết kế chưa thật sự đồng đều về độ bao quát mục tiêu, nội dung các học phần trong CTĐT; độ khó cùng độ phân hóa trình độ người học cũng chưa được thực hiện chú trọng toàn bộ các học phần trong CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo đúng kế hoạch trong chương trình đào tạo và kế hoạch năm học.	K.SP phối hợp với các khoa và ĐT	Định kỳ

2	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu lập kế hoạch đánh giá các loại hình thức thi, kiểm tra đối với từng học phần và điều chỉnh đảm bảo phù hợp với mức đạt CĐR của ngành GDMN.	K.SP P.ĐT	Năm 2024- 2025
---	-------------------	---	--------------	----------------------

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 6.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của SV ngành GDMN được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo cao đẳng chính quy của Bộ GD&ĐT, của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường [H6.06.02.01]; [H6.06.02.02]; [H6.06.02.03]; [H6.06.02.04].

Về thời gian: Các giảng viên đã thường xuyên phối hợp các hình thức kiểm tra đánh giá như: vấn đáp, thảo luận, thuyết trình, bài tập nhóm, bài tập xử lý tình huống, bài tập thực hành, ...) trong suốt thời gian học tập học phần, trong từng học kỳ. Theo đó, kiểm tra đánh giá giữa kỳ được thực hiện từ tuần thứ 7 của học kỳ, bài kiểm tra cuối kỳ được thực hiện sau khi kết thúc học phần, sau tuần thứ 16 (bao gồm 15 tuần học và 1-2 tuần dự trữ).

Từ năm học 2023-2024, việc đánh giá được thực hiện theo Quyết định số 526/QĐ-CĐCĐ ngày 02/7/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành GDMN theo phương thức tích lũy tín chỉ nhằm cải tiến các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập theo quá trình, cụ thể:

- Thang điểm: 10
- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và điểm trung bình chung kiểm tra từ 4,0 trở lên.

Điểm kiểm tra định kỳ được công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học. SV được cập nhật thông báo kế hoạch thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, kết quả thi, kết quả học kỳ trên trang thông tin điện tử của Trường [H6.06.02.05]; [H6.06.02.06].

Về nội dung: Việc KTĐG và đề thi đảm bảo việc bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn chương trình. Nhìn chung, các dạng thức kiểm tra, thi những năm vừa qua của ngành GDMN đều bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình ở mức độ khá toàn diện. Riêng các đề thi đảm bảo độ bao quát chương trình rất cao, các câu hỏi đều bám sát nội dung và tương ứng với trọng số môn học.

Về hình thức: Đề thi kết thúc học phần được quy định rõ về cách thức trình bày, cấu trúc đề thi, thời gian làm bài cho các hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, đề thi được xác định cho phép sử dụng hay không sử dụng tài liệu tham khảo khi làm bài thi. Đồng thời tiêu chí về KTĐG học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần.

Các tài liệu hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học được công bố công khai tới người học trước mỗi khoa học/ kì học/học phần. Sinh viên được cung cấp thông tin từ đầu khóa học qua Tuần lễ công dân trong đó có chỉ dẫn rõ quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi, kiểm tra. Ngoài ra, sinh viên ngành GDMN được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra và đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, ... từ trợ lý đào tạo và các cố vấn học tập của Khoa Sư phạm. Các thông tin, quy định về KTĐG các môn học cũng được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học/học phần, quy định về KTĐG môn học/học phần ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học/học phần.

Cơ chế phản hồi của người học về đánh giá kết quả học tập được thực hiện dưới nhiều hình thức (Đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với sinh viên, qua phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và công tác phục vụ của viên chức).

2. Điểm mạnh

Kế hoạch và các quy định về KTĐG kết quả học tập của SV theo CTĐT ngành GDMN rõ ràng, đúng kế hoạch, đúng quy định của Bộ GD&ĐT; và được thông báo công khai tới SV.

3. Điểm tồn tại

Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học mới chỉ dừng lại ở hình thức văn bản và chưa được đăng tải trên trang Web của Khoa. Việc bồi dưỡng năng lực kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho đội ngũ giảng viên theo hướng

phát triển năng lực người học còn nhỏ lẻ ở cấp bộ môn và mang tính chia sẻ kinh nghiệm giữa các giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo đúng kế hoạch trong chương trình đào tạo và kế hoạch năm học, chú trọng sử dụng các hình thức KTĐG phù hợp với từng học phần.	K.SP Các khoa P.ĐT	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho đội ngũ giảng viên theo hướng phát triển năng lực người học. Khuyến khích giảng viên có năng lực tham gia xây dựng ngân hàng đề thi kết thúc học phần.	K.SP ĐT	Hàng năm (bắt đầu từ năm học 2024 - 2025)

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 6.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Giảng viên Khoa Sư phạm thực hiện các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng. Hình thức kiểm tra rất phong phú: bài kiểm tra viết tại lớp, thảo luận, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,... Đề thi có cả ở dạng câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành và được bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng [H6.06.03.01]; [H6.06.03.04].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Về độ giá trị, các học phần dạy chung đều có câu hỏi ôn tập được bộ môn thông qua sau khi họp điều chỉnh, đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương môn học. Về tính tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể. Đề thi và đáp án thi cuối kì được bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá trước khi nộp về bộ phận khảo thí. Bài kiểm tra cuối kì của SV được chấm chi tiết theo đáp án được thảo luận trước khi chấm với quy trình chấm được chuẩn hóa

(rọc phách, 02 giảng viên chấm độc lập, vào điểm...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học [H6.06.03.02]; [H6.06.03.03]; [H6.06.03.05]; [H6.06.03.06]. Trong mỗi học kỳ, Khoa Sư phạm phối hợp với Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng

- Thanh Tra thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong đó có tiêu chí đánh giá về hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên khá hài lòng với các hình thức kiểm tra đánh giá của giảng viên [H6.06.03.07]; [H6.06.03.08].

2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đa dạng: kiểm tra viết, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập nhóm, cá nhân, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình các chủ đề của các học phần, ... Đề thi đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Thang chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành GDMN của Khoa Sư phạm còn tồn tại những học phần mà giảng viên vừa giảng dạy, vừa ra đề, vừa chấm điểm thi. Điều này có thể có một phần ảnh hưởng đến tính khách quan của quá trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc cập nhật, đổi mới đa dạng phương pháp đánh giá kết quả kiểm tra đánh giá, linh hoạt theo hướng coi trọng năng lực của người học. KTĐG kết quả học tập của người học nghiêm túc, đúng quy chế, quy định; đảm bảo kịp thời, khách quan, chính xác, công bằng, công khai, minh bạch.	P. ĐT K.SP	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Giảng viên ra đề các học phần có sự phê duyệt của trưởng bộ môn; hạn chế việc đề giảng viên vừa giảng dạy, vừa ra đề, vừa	P. ĐT K.SP	Từ năm học 2024 – 2025

		chấm thi nhằm đảm bảo tính khách quan của quá trình đánh giá.		
--	--	---	--	--

5. *Tự đánh giá tiêu chí:* Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 6.4. Kết quả đánh giá được lưu trữ có hệ thống, được thông báo kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Nhà trường có các quy định về việc lưu trữ kết quả đánh giá của sinh viên, về việc thông báo kết quả kiểm tra đánh giá sinh viên, được đề cập trong Quy chế đào tạo [H6.06.04.01], Quy định về tổ chức thi [H6.06.04.02], [H6.06.04.03]. Kết quả học tập của sinh viên được lưu trữ trên phần mềm quản lý điểm, file Excel và bản in tại Phòng Đào tạo và Khoa Sư phạm. [H6.06.04.04].

Kết thúc học phần, giảng viên giảng dạy học phần thông báo các điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa học phần cho sinh viên biết theo đúng quy chế; Sau thi kết thúc học phần, Phòng Đào tạo công bố kết quả học tập học kỳ của sinh viên thông qua các hình thức: gửi bản tổng hợp điểm học kỳ tới lớp, cổ vấn học tập, Khoa Sư phạm, các phòng ban có liên quan và đăng trên trang web để sinh viên được biết [H6.06.04.05].

Dựa vào kết quả học tập các học kỳ của sinh viên, đội ngũ cố vấn học tập tư vấn cho sinh viên cải thiện kết quả học tập bằng các hình thức phù hợp như: tự rút kinh nghiệm và đổi mới cách thức học tập, đăng ký học và thi cải thiện điểm [H6.06.04.01]; [H6.06.04.03]. Đồng thời, dựa vào kết quả học tập các học kỳ, Nhà trường tổ chức kỳ thi lại cho các sinh viên có điểm không đạt (điểm F) [H6.06.04.01]. Ngoài ra, kết quả học tập còn được sử dụng trong tính điểm rèn luyện cho SV; sử dụng trong công tác thi đua khen thưởng, xét cấp học bổng khuyến khích hàng năm cho SV.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các quy định về việc lưu trữ kết quả đánh giá sinh viên, về việc thông báo kết quả kiểm tra đánh giá của sinh viên. Kết quả đánh giá được lưu trữ có hệ thống, được thông báo kịp thời để SV có kế hoạch tự điều chỉnh quá trình học tập của bản thân hoặc đăng ký học, thi cải thiện điểm.

3. Điểm tồn tại

Kết quả kiểm tra đánh giá thường xuyên và kiểm tra giữa kỳ của người học ở một số học phần được GV bộ môn công bố còn chậm, chưa kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Đề việc công bố điểm được người học nắm bắt kịp thời về kết quả học tập của mình Nhà trường hiện tốt hơn việc nâng cấp và lưu trữ kết quả đánh giá và thông tin kịp thời đến người học.	P.ĐT K.SP	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm về việc phản hồi và hỗ trợ sinh viên trong việc cải thiện kết quả học tập. Đồng thời ban hành quy định thống nhất cách thức, thời gian kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ cho tất cả các học phần. Chấn chỉnh giảng viên thực hiện đúng quy định trong việc công bố điểm cho người học.		Từ năm học 2024 – 2025

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 6.5. Người học dễ tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng và Khoa Sư phạm có những quy định cụ thể về việc giải quyết khiếu nại của người học về kết quả học tập được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Trong quá trình học tập, người học được quyền phúc khảo, khiếu nại kết quả học tập, cụ thể như sau: Đối với điểm quá trình, sinh viên khiếu nại trực tiếp với giảng viên phụ trách giảng dạy học phần đó sau khi công bố điểm trên lớp; Đối với điểm thi kết thúc học phần, sinh viên nếu nhận thấy điểm không được chính xác thì sinh viên làm đơn đề nghị xem xét lại. Khoa Sư phạm phối hợp với bộ môn liên quan và Phòng Đào tạo có nhiệm vụ giải quyết cho sinh viên theo quy định [H6.06.05.01]. Để tiếp nhận những khiếu nại về kết quả học tập của sinh viên, Nhà trường còn có hộp thư góp ý để người học có thể trực tiếp gửi những ý kiến của mình vào đó [H6.06.05.02].

Kết quả báo cáo tổng kết công tác học sinh sinh viên hàng năm cho thấy thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học đơn giản, thuận tiện và người học đã được tiếp cận với quy định này [H6.06.05.03], [H6.06.05.04].

2. Điểm mạnh

Người học có nhiều kênh để có thể phản ánh các khiếu nại về kết quả học tập. Nhà trường, Khoa và bộ môn đảm bảo được quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Chưa thống kê hàng năm về tỉ lệ sinh viên ngành GDMN hài lòng về mức độ tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại cũng như việc khiếu nại liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Cải tiến các thủ tục và quy trình xử lý khiếu nại của người học về đánh giá KQHT sao cho hiệu quả, tạo điều kiện cho người học tiếp cận dễ dàng.	K.SP P.ĐT Các khoa khác	Bắt đầu từ 2024-2025
2	Khắc phục tồn tại	Tham mưu và xây dựng kế hoạch khảo sát và thống kê hàng năm về tỉ lệ SV ngành GDMN hài lòng về mức độ tiếp cận dễ dàng với quy trình phúc khảo điểm.	K.SP P.ĐT	Sau mỗi học kì.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6: Việc đánh giá kết quả học tập người học theo CTĐT ngành Giáo dục Mầm non được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường, phù hợp với CDR được ban hành và được thông báo rõ ràng, công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Khoa Sư phạm đánh giá năng lực của SV bằng nhiều hình thức thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt chú trọng đến kiểm tra, đánh giá năng lực của SV, đáp ứng CDR của CTĐT ngành GDMN. Hình thức đa dạng hóa của các phương pháp kiểm tra đánh giá giúp sinh viên xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách kịp thời.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 6 cả 5 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và viên chức
Mở đầu:

Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng có đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ cán bộ, viên chức, giảng viên có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng; có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định của Nhà nước. Đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển của Nhà trường. Bởi đây là lực lượng nòng cốt đảm bảo và quyết định đến chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Nằm trong chiến lược phát triển chung của Trường CĐCD, Khoa Sư phạm đã và đang chú trọng đến việc xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên có năng lực và phẩm chất nghề nghiệp tốt đáp ứng yêu cầu phát triển của Khoa Sư phạm. Hằng năm, Khoa Sư phạm có rà soát và đánh giá tình hình công tác cán bộ, đội ngũ giảng viên để có những đề xuất kịp thời nhằm quy hoạch có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng tương ứng với đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành GDMN có chất lượng, đáp ứng các mục tiêu đã đề ra và đáp ứng CDR của CTĐT ngành GDMN.

Nhà trường đã ban hành và triển khai thực hiện tốt các văn bản quy định về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ theo đúng quy trình, rõ ràng, minh bạch. Cán bộ, viên chức, giảng viên được tạo mọi điều kiện thuận lợi để được đi học tập và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

Tiêu chí 7.1. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý

1. Mô tả

Hiện nay, trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng có 15 đơn vị: 08 phòng, 6 khoa, 01 trung tâm. Đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường gồm: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, các trưởng và phó khoa, các phòng, ban, trung tâm. Về trình độ: có 06 tiến sĩ/chuyên khoa 2, 67 thạc sĩ/chuyên khoa 1, đại học 20 [H7.07.01.01].

Đội ngũ quản lý của Khoa Sư phạm có 06 người, gồm: 01 trưởng khoa, 01 phó trưởng khoa, 02 trưởng bộ môn. Về trình độ: 11 thạc sĩ, 3 cử nhân. Về giới tính, có 5 nam và 09 nữ [H7.07.01.02]; [H7.07.01.03]; [H7.07.01.04].

Với cơ cấu như trên, đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường và Khoa GDMN đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và được phân bổ hợp lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Cao đẳng. Đây là đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc được giao, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đồng thời, họ đa số là những đảng viên gương mẫu, nhiều người là lãnh đạo đơn vị trực thuộc luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị tư tưởng và chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ quản lý của Khoa Sư phạm được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ và đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, đúng quy trình

hướng dẫn về công tác bổ nhiệm theo Quy chế Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại [H7.07.01.06].

Chất lượng đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý của Khoa đáp ứng yêu cầu và được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định và hàng năm được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và đã đạt được nhiều danh hiệu thi đua như: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Giấy khen của Hiệu trưởng; [H7.07.01.03].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý của Khoa có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ cao về chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực quản lý, làm việc hiệu quả, đáp ứng tốt nhiệm vụ được phân công.

Đội ngũ cán bộ quản lý có sự cân đối giữa các thế hệ, đảm bảo tính kế thừa.

3. Điểm tồn tại

Một số cán bộ quản lý trẻ chưa được bồi dưỡng tập huấn, về năng lực quản trị cơ sở giáo dục.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm quản lý giữa các thế hệ trong Nhà trường thông qua các buổi sinh hoạt chuyên đề, chuyên môn hoặc các dịp kỷ niệm (20/11, thành lập trường, thành lập Khoa...)	Nhà trường K.SP	Hàng năm/ Theo kế hoạch
2	Khắc phục tồn tại	Cử cán bộ quản lý trẻ tham gia các lớp bồi dưỡng về kiến thức và kỹ năng quản lý CSGD khi cơ quan cấp trên tổ chức.	K.SP	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 7.2. Đội ngũ giảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng có chức năng chính là đào tạo đa ngành, đa nghề đáp ứng nguồn nhân lực cho các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long. Vì vậy, Nhà trường tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình các ngành nói chung và ngành GDMN nói riêng nhằm đồng bộ hóa về cơ cấu và chuẩn hóa về trình độ đào tạo theo quy định

Tham gia trực tiếp giảng dạy CTĐT ngành GDMN gồm có 30 giảng viên cơ hữu. Đội ngũ giảng viên ngành GDMN luôn đảm bảo sự cân bằng về số lượng, có bề dày kinh nghiệm chuyên môn và cân đối cơ cấu độ tuổi. [H7.07.02.01].

Để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, bên cạnh các khóa bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch phát triển đội ngũ, giảng viên tham gia CTĐT luôn trau dồi năng lực chuyên môn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và luôn được Nhà trường tạo điều kiện tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn do Bộ Giáo dục và đào tạo tổ chức và học sau Đại học [H7.07.02.02].

Giảng viên được phân công giảng dạy đúng chuyên môn, đảm bảo đủ số tiết định mức, điều này thể hiện rõ qua bảng kế hoạch phân công chuyên môn của các năm học. Đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn, hàng năm được nhận xét đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H7.07.02.03].

Cơ cấu đội ngũ giảng viên hợp lý theo bộ môn, đảm bảo mỗi bộ môn đào tạo đều có đủ các thành phần giảng viên theo quy chuẩn để thực hiện CTĐT. Đội ngũ cán bộ, giảng viên có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc được giao, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên được quy định chi tiết trong quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức của Nhà trường [H7.07.02.04].

Tỷ lệ quy đổi của SV ngành GDMN trên GV của ngành là 20 sinh viên/giảng viên. Nhà trường đảm bảo được hệ số tỷ lệ quy định và đảm bảo chất lượng đào tạo theo nhiệm vụ và mục tiêu phát triển [H7.07.02.05].

Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng và Khoa Sư phạm có đầu tư trang thông tin điện tử giới thiệu về tổ chức, hoạt động, bộ máy và đội ngũ giảng viên trường.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên của Khoa có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ cao về chuyên môn, nghiệp vụ; đủ về số lượng và cơ cấu đáp ứng được yêu cầu của CTĐT được điều chỉnh hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ còn ít. Trong 5 năm trở lại đây không có giảng viên đăng ký nghiên cứu sinh.

Trang thông tin điện tử của Khoa chưa được cập nhật thông tin thường xuyên, nội dung thông tin chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Số lượng nghiên cứu sinh là nguồn lực nhân lực trình độ cao tiềm năng. Cần giảm tải khối lượng công việc, hỗ trợ tài chính, có chính sách khuyến khích giảng viên đăng ký nghiên cứu sinh.	Nhà trường K.SP Cá nhân	Từ năm 2025
2	Khắc phục tồn tại	Xây dựng cơ chế khuyến khích, động viên và hỗ trợ người học. Giảng viên tích cực đăng ký nghiên cứu sinh. Thường xuyên cập nhật thông tin cho trang Web của Khoa Sư phạm.	Nhà trường K.SP Cá nhân	Từ năm 2025

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 7.3. Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định; có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của chương trình đào tạo; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo

1. Mô tả

Hiện nay, 100% đội ngũ giảng viên của CTĐT ngành GDMN có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của CTĐT; 100% giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dạy cao đẳng, đại học và đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ và sử dụng Công nghệ Thông tin [H7.07.03.01]; [H7.07.03.02].

Bên cạnh giảng dạy, các giảng viên còn tham gia NCKH, viết sáng kiến kinh nghiệm, biên soạn tập bài giảng, giáo trình làm chủ nhiệm các đề tài các cấp, có

nhiều công trình thực hiện đúng tiến độ, được nghiệm thu [H7.07.03.06] và được công bố hàng năm [H7.07.03.04].

Hội nghị tổng kết năm học hàng năm có nội dung về đánh giá hoạt động chuyên môn của đội ngũ giảng viên theo các tiêu chí đối với GV của Trường. Tại Khoa Sư phạm, các giảng viên được tự báo cáo, đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao; Trình bày đánh giá tự báo cáo tại cuộc họp để mọi người đóng góp ý kiến. Trường đơn vị đối chiếu với các nhiệm vụ được giao để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả đánh giá cho thấy từ năm 2020 đến nay, đội ngũ giảng viên do Khoa Sư phạm đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không có GV nào bị kỷ luật và đã đạt được nhiều danh hiệu thi đua như: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Giấy khen của Hiệu trưởng [H7.07.03.05].

Trong quá trình thực hiện CTĐT ngành GDMN đã đạt 100% giảng viên đều có kế hoạch bài giảng cá nhân được phê duyệt, đồng thời tham gia xây dựng kế hoạch đào tạo, tham gia biên soạn chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy của Khoa Sư phạm, bộ môn và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định. Hàng năm, Khoa Sư phạm tổ chức kiểm tra hồ sơ giảng viên và 100% GV đều đạt theo yêu cầu [H7.07.03.05], [H7.07.03.06]; [H7.07.03.08]; [H7.07.03.09].

2. Điểm mạnh

Khoa có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn chuyên sâu về GDMN, đáp ứng được việc giảng dạy và tham gia NCKH, phục vụ cộng đồng và đào tạo đội ngũ GVMN đáp ứng yêu cầu chất lượng cao của các cơ sở giáo dục mầm non.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên của Khoa Sư phạm tham gia các bài viết khoa học còn hạn chế, chưa có đề tài NCKH cấp Tỉnh liên quan trực tiếp đến hoạt động chuyên môn trong CTĐT ngành GDMN. Chưa có tài liệu/văn bản quy định về phát triển đội ngũ giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức sinh hoạt chuyên môn, tổ chức Hội thảo các cấp nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu khoa học.	K.SP P.NCKH	Hàng năm

2	Khắc phục tồn tại	Có chính sách khuyến khích giảng viên thực hiện các bài viết đăng tạp chí khoa học giáo dục và các đề tài NCKH các cấp Xây dựng và phổ biến văn bản về phát triển đội ngũ giảng viên ngành GDMN.	Nhà trường P.QT K.SP Giảng viên	Hàng năm
---	-------------------	---	--	----------

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4 /7.

Tiêu chí 7.4. Giảng viên được đánh giá năng lực và được hỗ trợ, tạo mọi điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao

1. Mô tả

Theo từng quý và cuối năm học, Nhà trường tiến hành đánh giá, phân loại viên chức, người lao động nhằm đánh giá năng lực làm việc, kết quả thực hiện nhiệm vụ, tiến độ và chất lượng công việc. Căn Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức để xây dựng Phiếu đánh giá. Các tiêu chuẩn trong phiếu được chia thành các mức độ khác nhau thuận lợi cho việc đánh giá, đồng thời cũng tạo động lực để đội ngũ giảng viên không ngừng phấn đấu, hoàn thiện.

Phẩm chất chính trị, đạo đức của giảng viên thể hiện qua các tiêu chí cụ thể sau: nhận thức tư tưởng chính trị; thái độ chấp hành chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy định của nhà trường; ý thức xây dựng tập thể; giữ gìn đạo đức, nhân cách, lối sống lành mạnh. Thực hiện kỷ luật lao động, chấp hành quy chế làm việc của đơn vị và Nhà trường; chấp hành sự phân công, chỉ đạo của cấp trên. Phương pháp làm việc khoa học, dân chủ, đúng nguyên tắc; Tinh thần, thái độ phục vụ tận tụy, lịch sự, hòa nhã đối với đồng nghiệp, người học. Năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học được thể hiện qua hoàn thành định mức theo quy định [H7.07.04.02]. Để xây dựng một tiết học giảng viên phải có đầy đủ các kỹ năng chuẩn bị bài giảng, kỹ năng sử dụng phương pháp giảng dạy, biết cách sử dụng các phương tiện hỗ trợ giảng dạy và kỹ năng kiểm tra đánh giá. Ngoài việc soạn và tổ chức thực hiện các bài giảng, giảng viên còn phải nghiên cứu khoa học, tham gia vào các lớp bồi dưỡng, tập huấn trình độ cao chuyên môn và tham gia các hoạt động của các tổ chức chính trị đoàn thể phát động [H7.07.04.09]; [H7.07.04.10].

Song với quá trình đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giảng dạy hoàn thiện CTĐT là quá trình đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từ các bên liên quan được thực hiện hàng năm [H7.07.04.01].

Nhà trường có chính sách khuyến khích, hỗ trợ đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia hoàn thành chương trình đào tạo sau đại học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nhà trường tạo điều kiện về thời gian và có biện pháp khuyến khích, hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước.

Hàng năm, Trường và Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho giảng viên của Khoa tham gia NCKH dưới nhiều hình thức như là nghiên cứu khoa học cấp trường, viết giáo trình, viết bài hội thảo khoa học trong và ngoài trường, viết bài tập san thông tin khoa học. Khoa Sư phạm đã tổ chức nhiều hội thảo khoa học các cấp và nhận được sự tham gia tích cực của giảng viên trong khoa và toàn trường [H7.07.04.08]. Nhà trường có quy định khen thưởng, hỗ trợ cho các công trình NCKH của cán bộ, giảng viên cụ thể như: quy đổi số giờ công lao động trong năm, hỗ trợ kinh phí (theo quy chế chi tiêu nội bộ), lấy kết quả NCKH làm tiêu chí bình xét các danh hiệu thi đua [H7.07.04.03]; [H7.07.04.04]; [H7.07.04.05].

Từ năm 2020 đến nay, Nhà trường đã cử các giảng viên trong CTĐT tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, trung cấp lý luận chính trị.

Trong đó, có 10 giảng viên đi học bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), 02 giảng viên học Cao cấp lý luận chính trị, 02 Giảng viên học trung cấp lý luận chính trị [H7.07.04.05]; [H7.07.04.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chủ trương, biện pháp và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên, tạo điều kiện cho họ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước và chú trọng đào tạo phát triển các giảng viên trẻ.

3. Điểm tồn tại

Nguồn kinh phí hỗ trợ của nhà trường đối với một số hoạt động bồi dưỡng chuyên môn còn chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Giảng viên của nhà trường ham học hỏi, thường xuyên tự đầu tư kinh phí tham gia các khoá học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.	Các khoa, P.NCKH	Hàng năm

2	Khắc phục tồn tại	Tăng cường tìm kiếm các nguồn tài chính hỗ trợ các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.	P.KHTC	Năm 2025
---	-------------------	---	--------	----------

5. *Tự đánh giá tiêu:* Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 7.5. Đội ngũ viên chức có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao; được đánh giá năng lực; được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

1. *Mô tả*

Đội ngũ viên chức này được đánh giá theo đúng quy định, được hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện hiệu quả công việc đáp ứng tốt các hoạt động của nhà trường nói chung và của CTĐT của ngành GDMN nói riêng [H7.07.05.01].

Đây là đội ngũ viên chức có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc được giao, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ viên chức được quy định chi tiết trong quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức của Nhà trường [H7.07.05.02].

Đội ngũ viên chức có chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực công tác, phục vụ tốt hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ kỹ thuật viên, viên chức có tuổi đời trẻ, đa số đạt trình độ ngoại ngữ B, sử dụng thành thạo các phần mềm máy tính phục vụ công tác. Đội ngũ cán bộ hành chính ngoài công việc được giao trong phòng, trung tâm, khoa còn là đội ngũ hỗ trợ thường xuyên cho GV - VC sử dụng trang thiết bị hiện đại phục vụ cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Điều này được thể hiện qua kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học, giảng viên về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ viên chức trong trường [H7.07.05.03].

Để phát triển và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức của CTĐT, Nhà trường đã tạo điều kiện về thời gian cho viên chức tham gia khóa học quản lý hành chính nhà nước, tổ chức tập huấn về soạn thảo văn bản, hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện cho viên chức tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và tham gia các bậc học cao hơn [H7.07.04.08]; [H7.07.05.09]; [H7.07.04.10]; H7.07.05.11

Năng lực của đội ngũ viên chức được xác định và đánh giá theo các tiêu chuẩn quy định của Nhà trường dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ [H7.07.05.03]. Hàng năm, đội ngũ viên chức thực hiện chương trình đánh giá làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao; được nhận xét, xếp loại. Trường đơn vị đối chiếu với các nhiệm vụ được giao để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ [H7.07.04.06]; [H7.07.04.07].

Kết quả đánh giá cho thấy từ năm 2020 đến nay, viên chức của Khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nhận được giấy khen của Hiệu trưởng và các danh hiệu khác [H7.07.03.04]; [H7.07.04.05].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ viên chức của Trường và Khoa được quy hoạch đáp ứng hiệu quả công việc phục vụ cho việc nâng cao chất lượng dạy và học.

Đội ngũ viên chức có trình độ phù hợp, nhiệt tình, trách nhiệm và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động tổ chức bồi dưỡng kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm,...) cho đội ngũ viên chức chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cử viên chức tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng theo chuyên đề hoặc theo nhu cầu công việc.	Nhà trường K.SP	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Định kỳ tổ chức các đợt tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về văn bản hành chính và kỹ năng mềm cho đội ngũ viên chức trong đơn vị.	Nhà trường K.SP	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 7.6. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ quản lý, giảng viên và viên chức bảo đảm đúng quy định, công khai và minh bạch

1. Mô tả

Nhà trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, đó là những tiêu chuẩn về đạo đức, kinh nghiệm giảng dạy, năng lực nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ. Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý đều lấy từ nguồn quy hoạch, đảm bảo quy trình chặt chẽ, đầy đủ các bước, công khai, công bằng và minh bạch; thông báo các thông tin tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động cán bộ quản lý, giảng viên và viên chức, các quy chế về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên

chức, quy chế bổ nhiệm được công khai trên website của Nhà trường thông qua các báo cáo và kết luận giao ban hàng tháng [H7.07.06.01].

Hiện tại, để tạo nguồn giảng viên giảng dạy CTĐT ngành GDMN, Nhà trường không tuyển dụng giảng viên mới mà tận dụng nguồn nhân lực tại chỗ, đó là những giảng viên thuộc các khoa khác nhau đã được Nhà trường tạo điều kiện kinh phí và thời gian để tham gia đào tạo về chuyên ngành GDMN. Kế hoạch sát hạch được thông qua các cuộc họp lãnh đạo, từ đó triển khai, thông báo tới toàn thể giảng viên, viên chức trong trường. Tiêu chí lựa chọn giảng viên thể hiện cụ thể trong các Kế hoạch sát hạch giảng viên các khoa sang Khoa Sư phạm, kế hoạch chuyển ngạch chuyên viên sang giảng viên [H7.07.06.02].

Hồ sơ các ứng viên được gửi tới bộ phận Tổ chức cán bộ của phòng Tổ chức-Hành chính. Nhà trường thành lập các Hội đồng sát hạch để xem xét hồ sơ và tổ chức sát hạch. Sau khi có kết quả sát hạch, những giảng viên đủ điều kiện được điều động sang tổ bộ môn phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động viên chức trong Khoa Sư phạm được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm Lãnh đạo khoa, Trưởng bộ môn ngoài việc dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ mà còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý theo nhiệm kỳ; các quy trình thực hiện đúng quy định và được thông báo rộng rãi tới toàn thể giảng viên, viên chức trong toàn trường [H7.07.06.03].

Trong 5 năm vừa qua, Nhà trường có nhiều biến động về nhân sự để phù hợp với sự phát triển chung của ngành giáo dục, cũng như sự phát triển sứ mạng của trường. Một số vị trí quản lý được bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại phù hợp với nhu cầu thực tế của từng đơn vị [H7.07.06.04]. Một số vị trí giảng viên, chuyên viên, giảng viên mầm non được điều động, chuyển chuyển phù hợp với năng lực cá nhân và đòi hỏi của vị trí làm việc trong tình hình mới [H7.07.06.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn cán bộ quản lý, giảng viên, viên chức để bổ nhiệm được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến của các bên liên quan trong việc tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm còn chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân	Thời gian thực
----	----------	----------	-----------------	----------------

			thực hiện	hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Trường có đội ngũ nhân lực tương đối trẻ, có trình độ cao, nhạy bén, nhanh chóng tiếp cận với xu thế mới.	Các khoa	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên khảo sát nhu cầu và lấy kiến kiến của các bên liên quan.	K.SP P.TCHC	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu: Đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chí 7: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, viên chức tham gia CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng có đủ về số lượng, cơ cấu, có phẩm chất chính trị và trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của nội dung chương trình, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo; Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ được chú trọng; Nhiều giảng viên được tham gia các khóa học tập trong và ngoài nước. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy trình và quy định.

Tuy nhiên, nguồn nhân lực trình độ cao còn hạn chế, các hoạt động tổ chức bồi dưỡng kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm,...) cho đội ngũ viên chức chưa nhiều; việc tìm kiếm nguồn nhân sự tiềm năng bổ sung vào nguồn quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý gặp một số khó khăn nhất định.

Trong những năm học tới, Nhà trường tăng cường tìm kiếm các nguồn tài chính hỗ trợ, khuyến khích giảng viên, viên chức đi học nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Mở rộng nguồn quy hoạch với các đơn vị ngoài trường, đồng thời phát triển trẻ hóa nguồn quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 7 có 3 tiêu chí đạt mức 5/7, 3 tiêu chí 4/7.

Tiêu chuẩn 8. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu:

Trường CĐCD là một trong những cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã và đang ngày một được cải thiện và đầu tư về hệ thống CSVC, trang thiết bị học tập, môi trường dạy học có chất lượng nhằm đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH của giảng viên và người học nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, trường thực hành và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành,... mà Khoa Sư phạm

đang khai thác sử dụng trong hoạt động giảng dạy và NCKH của CTĐT ngành GDMN. Trong những năm gần đây, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường đã tập trung đầu tư cải tạo, sửa chữa các khu làm việc, giảng đường với hệ thống công nghệ thông tin và các trang thiết bị phù hợp cho hoạt động đào tạo và NCKH của ngành GDMN. Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, các báo và tạp chí cần thiết; cảnh quan môi trường được cải tạo ngày càng xanh – sạch – đẹp, nhà thi đấu đa năng được khai thác sử dụng để đảm bảo về sức khỏe cho cán bộ, giảng viên, viên chức và HSSV của trường.

Nhà trường đã và đang triển khai công tác quy hoạch mặt bằng tổng thể và các khu chức năng, trên cơ sở đó tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, trường thực hành, ... với các trang thiết bị theo hướng ngày càng hiện đại; hoàn thiện các quy định về quản lý nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng trong việc phục vụ cho CTĐT ngành GDMN.

Công tác quản lý CSVC, thiết bị thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về sử dụng và quản lý tài sản công. Kí túc xá đáp ứng nhu cầu người học. Trường có đủ các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, bảo đảm an toàn cho người học, công tác an ninh trật tự được đảm bảo tốt.

Tiêu chí 8.1. Hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng đảm bảo đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo các ngành nghề đã đăng ký, trong đó có ngành GDMN.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường hiện nay đang được Ban Giám hiệu quan tâm đầu tư đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn cơ sở giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục nghề nghiệp.

- Về cơ sở vật chất của Nhà trường:

Cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu hoạt động đào tạo, đảm bảo đủ tiêu chuẩn quy định, bao gồm: hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, ký túc xá, sân chơi, bãi tập thể dục thể thao, thư viện, phòng y tế, các trường thực hành, ... [H8.08.01.01].

+ Số phòng học lý thuyết: Trên 80 phòng.

+ Nhà học (A1, A2, A3, A4, A5 và A6): (A1) 2,179.8 m², (A2) 1,590.0 m², (A3) 1,848.3 m², (A4) 1,023.0 m², (A5) 648.0 m², và (A6) 772.8 m².

+ Giảng đường (1, 2 và 5): (1) 389.6 m², (2) 428.4 m², và (5) 435.6 m².

+ Phòng cách âm học thực hành Âm nhạc (phòng đàn phím điện tử, phòng học Tổ chức hoạt động âm nhạc.

+ Phòng thực hành múa, nhịp điệu

+ Phòng thực hành Mỹ thuật 1 (trường đã lấy lại): 435.6 m².

+ Phòng thí nghiệm (1 và 2): (1) 910.4 m², (2) 910.4 m².

+ Căn tin (1 và 2): (1) 173.6 m², (2) 169.0 m².

+ Nhà xe (CBGV, HSSV, HSSV ký túc xá, ô tô): CBBGV 240.0 m², HSSV 720.0 m², HSSV ký túc xá 144.0 m², ô tô 60.4 m²,

+ Ký túc xá (1); (2); (3); (4) và B: Ký túc xá (1) 1,653.0 m²; (2) 2,437.6 m²; (3) 1653.0 m²; (4) 2,437.6 m² và ký túc xá B 1,626.0 m².

+ Công trình khác: Nhà đa năng, diện tích (nhà thi đấu đa năng cũ và mới): (cũ) 824.0 m², (mới) 1,680.0 m².

+ Việc cung cấp điện phục vụ cho đào tạo và sinh hoạt trong trường rất ổn định. Hệ thống nước sạch được cung cấp đầy đủ về Trường, đáp ứng nhu cầu nước sạch phục vụ cho sinh hoạt HSSV và GV - VC nhà trường.

- Cơ sở vật chất Khoa Sư phạm hiện nay:

Khoa Sư phạm hiện nay có đủ hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp và tương đối đảm bảo tỉ lệ diện tích/ người học theo quy định để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành GDMN theo quy định hiện hành. Một số minh chứng về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho CTĐT ngành GDMN:

+ Khoa Sư phạm được bố trí 01 phòng làm việc tại khối nhà văn phòng khoa. Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ, giảng viên và viên chức Khoa Sư phạm và Nhà trường tương đối hài lòng với hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho Chương trình đào tạo ngành GDMN hiện nay [H8.08.01.01].

+ Số phòng thực hành: 03 phòng thực hành, trong đó: 02 phòng thực hành Âm nhạc, 01 phòng thực hành Múa, (không có phòng thực hành Mỹ thuật).

+ Mạng Wi-fi: lắp đặt phủ khắp các dãy văn phòng khoa và các phòng học

+ Kế hoạch bố trí sử dụng phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành phục vụ hoạt động của chương trình [H8.08.01.02].

+ Kế hoạch đào tạo và giảng dạy gắn liền với việc sử dụng hệ thống phòng chức năng [H8.08.01.03].

+ Kế hoạch thực tập sư phạm, trải nghiệm thực tế gắn liền với việc sử dụng hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị và toàn bộ môi trường Trường Mầm non Thực Hành.

+ Các danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị... sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng [H8.08.01.04].

+ Kinh phí dành cho đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị [H8.08.01.05].

+ Thống kê diện tích phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành làm căn cứ xác định tỷ lệ diện tích/người học của Nhà trường/Chương trình đào tạo [H8.08.01.06].

+ Văn bản tổng kết đánh giá về hiệu quả việc sử dụng hệ thống phòng chức năng phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, ký túc xá phục vụ hoạt động của chương trình [H8.08.01.07].

+ Kế hoạch mua mới và nâng cấp trang thiết bị.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có một quy hoạch tổng thể phù hợp với điều kiện thực tế, xây dựng đầy đủ các cơ sở hạ tầng phục vụ đào tạo ngành GDMN và quan tâm đến đời sống vật chất tinh thần của GV - VC, HSSV (*chỗ ăn, ở và khu thể dục thể thao*). Nhà trường đầy đủ các khu học tập, thực hành, thí nghiệm đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác đào tạo. Có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa và mua sắm thường xuyên. Hoạt động tại các phòng thực hành, phòng học chuyên môn được đảm bảo theo đúng yêu cầu đào tạo. Việc bố trí thiết bị tại các phòng học chuyên môn được nghiên cứu và lắp đặt đảm bảo tính an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành và bảo dưỡng phù hợp với môi trường công nghiệp.

Khuôn viên trường có hệ thống cây xanh đảm bảo độ thoáng mát, mỹ quan kết hợp với khí hậu đồng bằng làm cho Trường luôn thoáng mát,...

3. Điểm tồn tại

Hệ thống Wi-fi thỉnh thoảng còn chưa ổn định ở các phòng học. Khoa Sư phạm còn phải khai thác sử dụng các phòng dạy học lý thuyết cho các chức năng của phòng dạy học thực hành (phòng dạy Mỹ thuật, phòng dạy thực hành vệ sinh dinh dưỡng). Ngoài ra, phòng thực hành Âm nhạc hiện đã có sự xuống cấp, các nhạc cụ đã hỏng nhiều cần phải được thay thế, ... điều đó đã gây khó khăn cho việc dạy và học thực hành về âm nhạc.

Kinh phí hoạt động về đầu tư CSVC, trang thiết bị dành cho việc thực hiện CTĐT của ngành GDMN còn hạn chế; việc quản lý, vận hành, vệ sinh và bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trang thiết bị phục vụ đào tạo được phân cấp cho từng bộ phận, tuy nhiên quá trình thực hiện vẫn chưa được đồng bộ giữa các đơn vị. Các minh chứng về hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng

thực hành còn thiếu, đáp chưa đáp ứng yêu cầu cao của việc đánh giá chương trình đào tạo. Thống kê diện tích phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành làm căn cứ xác định tỷ lệ diện tích/người học của Nhà trường/Chương trình đào tạo (chỉ có minh chứng năm 2017-2018),

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Bổ sung phòng thực hành: Dinh dưỡng, Mỹ thuật Nâng cấp và sửa chữa trang thiết bị phòng âm nhạc, văn phòng khoa, phòng GV. Xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm, từng giai đoạn về việc đầu tư, mua sắm trang thiết bị dạy học hiện đại, sửa chữa và chuyển đổi chức năng phòng học dạy lý thuyết thành các phòng dạy thực hành để đáp ứng được nhu cầu thực hiện các học phần có tính thực hành cao trong CTĐT ngành GDMN. Tích cực phục hồi những minh chứng về cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu	K.SP P.QT	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Nêu cao tinh thần trách nhiệm bảo vệ, gìn giữ tài sản của công, tinh thần xã hội hóa trong đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Tăng cường khai thác một cách linh hoạt, mềm dẻo và hiệu quả hơn nữa những thế mạnh về cơ sở vật chất và môi trường GDMN mà Nhà trường vốn đã có (Nhà thi đấu đa năng, các phòng tập, sân khấu, hội trường, đặc biệt là Trường mầm non Thực Hành, ...) để phục vụ tối đa về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho việc thực hiện CTĐT ngành GDMN phiên bản năm 2022.	K.SP P.HSSV	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 8.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

1. Mô tả

Thư viện trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng với diện tích hơn 15000 m², thư viện có bố trí sơ đồ thư viện [H8.08.02.01]. Thống kê danh mục sách, giáo trình, tài liệu học tập, học liệu phục vụ CTĐT [H8.08.02.02].

Hoạt động thư viện của nhà trường theo văn bản hướng dẫn, quy định nhà nước [H8.08.02.04]. Đồng thời, đánh giá phản hồi của NH, GV và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H8.08.02.07] và đề cương chi tiết môn học, học phần [H8.08.02.03].

Thực hiện đúng các văn bản đề xuất nhu cầu, kế hoạch, dự toán, hóa đơn, thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu)... [H8.08.02.05]. Bên cạnh đó, từ năm 2020 cho đến nay thư viện Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng nhập thường xuyên các sản phẩm nghiên cứu khoa học cấp trường (đề tài NCKH, sáng kiến/giải pháp công tác),... nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học [H8.08.02.06].

Để phục vụ hiệu quả, Thư viện đã đưa ra các quy định về nhiệm vụ, chức năng tổ chức bộ máy hoạt động, các quy định về mượn trả tài liệu, quy định về xử phạt, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa. Hệ thống thư viện gồm các phòng phục vụ đọc tại chỗ với 100 chỗ ngồi, phục vụ mượn tài liệu về nhà, phòng học nhóm, tra cứu dữ liệu. Các đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành phục vụ cho 6 khoa, 23 ngành đào tạo, lượng bạn đọc vào thư viện cao [H8.08.02.04]. Tài liệu nội sinh như sáng kiến kinh nghiệm/giải pháp công tác, đề tài NCKH, tập bài giảng, giáo trình, khóa luận tốt nghiệp do GV- VC và sinh viên thực hiện hàng năm tăng về số lượng và chất lượng.

Vào đầu mỗi năm học, Thư viện gửi thông báo và mẫu đăng ký đặt mua giáo trình, sách tham khảo về các khoa. Các Khoa có nhu cầu tài liệu phục vụ cho nghiên cứu, học tập thì làm giấy đề nghị mua sách để Thư viện có thể bổ sung kịp thời [H8.08.02.05]. Để đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT ngành GDMN, hiện nay Khoa Sư phạm xác định danh mục tài liệu bổ sung cho từng học phần được xây dựng dựa trên đề cương chi tiết các học phần của ngành GDMN và đề nghị Thư viện mua, cập nhật giáo trình tài liệu phục vụ cho CTĐT ngành GDMN năm 2022. Như vậy, các giáo trình, nguồn tài liệu, tạp chí,... của Thư viện được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và NH [H8.08.02.05].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý thư viện có chuyên môn nghiệp vụ, đủ trình độ quản lý, có thái độ phục vụ tốt, nhiệt tình, luôn chủ động ghi nhận ý kiến người đọc.

3. Điểm tồn tại

Theo đánh giá của người học, cần bổ sung sách tham khảo, sách chuyên ngành, sách giáo trình mới; tài liệu thư viện chưa phong phú.

Các minh chứng về cơ sở vật chất Thư viện và nguồn học liệu còn thiếu nhiều, cần quan tâm nhiều hơn về quản lý văn bản thư viện cũng như những của người học và người dạy để được cập nhật, bổ sung hỗ trợ các hoạt động đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục bổ sung giáo trình, tài liệu đáp ứng yêu cầu cập nhật chương trình đào tạo; đồng thời nâng cấp Thư viện điện tử phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu cho người dạy và người học trong giai đoạn thực hiện chiến lược phát triển trường.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Cần có kế hoạch cụ thể từng năm, từng giai đoạn về mua sắm mới cơ sở vật chất, tài liệu học tập, tài liệu giảng dạy. Cần trang bị thêm sách chuyên ngành theo yêu cầu chương trình đào tạo ngành GDGM (giáo trình, tài liệu tham khảo...) Thư viện luôn được cập nhật hằng về giáo trình, tài liệu tham khảo để phục vụ chương trình đào tạo. Khoa Sư phạm tăng cường viết giáo trình, tài liệu học tập phục vụ cho CTĐT ngành GDMN.	P.QT Các khoa	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện điện tử cho viên chức quản lý Thư viện, phát huy hơn nữa năng lực và thái độ phục vụ, đồng thời cần có chiến lược thực hiện hóa Thư viện điện tử và số hóa hệ thống	P.QT	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 8.3. Hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học, công nghệ thông tin bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến phù hợp và được cập nhật để phục vụ hiệu quả việc dạy và học, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo

1. Mô tả

Trang thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ CTĐT ngành GDMN được đảm bảo, cụ thể: đối với hoạt động thực hành bộ môn như: Âm nhạc, Múa, Mỹ thuật, Dinh dưỡng, Hoạt động vui chơi... phục vụ tốt yêu cầu hoạt động giảng dạy và rèn luyện kỹ năng cho người học.

Nhà trường trang bị đầy đủ hệ thống máy tính tại các phòng làm việc; toàn bộ hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ yêu cầu dạy học [H8.08.03.05].

Nhà trường có các phần mềm phục vụ CTĐT như: phần mềm quản lý đào tạo; website Trường; hệ thống quản lý văn bản và điều hành I-office. Các phần mềm được khai thác và vận hành tốt, đáp ứng yêu cầu chia sẻ dữ liệu, kết nối thông tin hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động dạy và học.

Việc quản lý, khai thác hệ thống thiết bị, ĐDDH và CNTT được quy định chặt chẽ trong Quy chế quản lý tài sản công của Nhà trường, theo đó các đơn vị chức năng phân công cán bộ quản lý thiết bị, ĐDDH, hệ thống CNTT, quản trị các phần mềm...góp phần khai thác và phục vụ có hiệu quả việc dạy và học, đáp ứng yêu cầu của CTĐT.

- Thống kê thiết bị, ĐDDH, hệ thống CNTT (máy tính, phần cứng, phần mềm, thiết bị CNTT, trang thông tin điện tử) [H8.08.03.01].

- Sổ sách theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm, các mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử [H8.08.03.02].

- Các văn bản đề xuất nhu cầu kế hoạch, dự toán, hóa đơn, thanh quyết toán các khoản đầu tư cho hệ thống thiết bị, ĐDDH và CNTT [H8.08.03.03].

- Sổ sách theo dõi việc sử dụng và sửa chữa, duy tu, bồi dưỡng các thiết bị ĐDDH, máy tính, phần cứng, phần mềm, thiết bị CNTT, trang thông tin điện tử được cập nhật hằng năm trong chu kỳ đánh giá [H8.08.03.04].

- Có lấy ý kiến phản hồi của người học, các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo ngành GDMN của hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin. Các ý kiến được lấy ý kiến đã đánh giá hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin phục vụ cho CTĐT ngành GDMN là tương đối đạt yêu cầu [H8.08.03.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và hệ thống CNTT. Các phòng học lý thuyết, thực hành, các phòng, khoa, trung tâm có đầy đủ máy tính và được kết nối Internet 100%.GV – VC và HSSV thuận lợi trong việc chia sẻ dữ liệu, thông tin phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH.

Nhà trường có văn bản quy định về quản lý tài sản, thiết bị và quy định về mua sắm quản lý, sử dụng thiết bị, dụng cụ; có tổ chức kiểm tra, đánh giá; hồ sơ thiết bị được lưu trữ đầy đủ, đúng danh mục, số lượng, xuất xứ rõ ràng; việc sử dụng đúng công năng và có kiểm tra, quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổng hợp được các số liệu cụ thể, rõ ràng về hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và hệ thống CNTT của từng giai đoạn, từng năm. Ngoài ra, các văn bản quy định về quản lý tài sản, thiết bị và quy định về mua sắm quản lý, sử dụng trang thiết bị, dụng cụ; có tổ chức kiểm tra, đánh giá còn chưa có hướng dẫn cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Nhà trường xây dựng Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng, theo đó Nhà trường tiếp tục triển khai xây dựng CSVC, mua sắm trang thiết bị với CNTT hiện đại đáp ứng yêu cầu của CTĐT ngành GDMN.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Cần sửa chữa, mua sắm mới đồ dùng dạy học và hệ thống công nghệ thông tin của từng giai đoạn, từng năm (đàn phím điện tử, đồ dùng dạy học thực hành dinh dưỡng...) Trang bị phòng học mùa đúng với đặc thù bộ môn (sàn mùa, tay vịn, kiềng...) Cần có kế hoạch cụ thể từng năm, từng giai đoạn về trang thiết bị giảng dạy, đồ dùng dạy học phục vụ theo yêu cầu của CTĐT.	K.SP P.QT P.KHTC	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Nêu cao tinh thần trách nhiệm bảo vệ, gìn giữ tài sản của công. Đề xuất trang bị nguồn học liệu.	P.HSSV K.SP	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 8.4. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Nhà trường nằm trong khu vực dân cư, không có khu công nghiệp. Không có ô nhiễm nguồn nước, không gây tiếng ồn, đảm bảo điều kiện vệ sinh, an toàn, môi trường yên tĩnh cho giảng dạy và học tập. Hàng năm nhà trường cập nhật các văn bản quy định về môi trường, sức khỏe cho HSSV [H8.08.04.01].

Khi nhập học qua sinh hoạt đầu khóa, nhà trường có kế hoạch phổ biến, tuyên truyền về công tác an ninh, phòng chống dịch, vệ sinh môi trường, xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn [H8.08.04.02]; kế hoạch phổ biến về công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch hằng năm; kế hoạch phối hợp đoàn thanh niên xanh sạch đẹp [H8.08.04.03].

Song song với việc nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường đã chú trọng đến công tác y tế, Trường có phòng Y tế, có giường để người bệnh nằm nghỉ, có tủ thuốc sơ cấp cứu tại chỗ và các phương tiện phục vụ cho việc khám chữa bệnh cho NH, người phụ trách bộ phận y tế có chuyên môn nghiệp vụ đã qua đào tạo, đều có báo cáo đánh giá lại việc phòng chống, chăm sóc sức khỏe cho người học để rút kinh nghiệm thực hiện trong những năm tiếp theo, xây dựng kế hoạch y tế năm học; hàng năm xây dựng phiếu khảo sát HSSV và GV - VC Trường về môi trường, sức khỏe, an toàn [H8.08.04.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho GV - VC và HSSV; phòng y tế phục vụ tốt, đảm bảo điều kiện và tiêu chuẩn phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cho GV - VC, HSSV; cảnh quan môi trường đảm bảo phù hợp với các hoạt động giáo dục; Nhà trường lồng ghép tuyên truyền các biện pháp phòng, chống bệnh đến HSSV.

3. Điểm tồn tại

Các yêu cầu đặt thù cho người khuyết tật còn hạn chế, (GDMN không có người khuyết tật).

Các minh chứng không thể thu thập được vì thời gian qua nhà trường còn nhiều hạn chế quản lý văn bản của các phòng chức năng (tổ Y tế, không nhận được hồ sơ lưu trữ của viên chức tiền nhiệm trước đó).

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tiếp tục triển khai xây dựng hạ tầng cảnh quan đồng bộ, khoa học, hợp lý và đảm bảo tính thẩm mỹ theo dự án đầu tư CSVC giai đoạn 2022-2025, trong đó chú trọng thiết kế, bố trí CSVC thuận lợi cho người khuyết tật; triển khai đồng bộ việc loại rác thải để đảm bảo vệ sinh, góp phần bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, lồng ghép tuyên truyền các biện pháp phòng, chống bệnh đến HSSV.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Bố trí người khuyết tật học ở tầng trệt của các giảng đường nhằm phù hợp cho sự di chuyển của người khuyết tật. Tiến hành phân loại rác thải trong nhà Trường và tăng cường môi trường vệ sinh trong các lớp học	P.QT K.SP	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Nêu cao tinh thần trách nhiệm bảo vệ, gìn giữ môi trường xanh – sạch – đẹp, sống khỏe, lành mạnh, an toàn.	P.HSSV K.SP	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8: Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng và Khoa Sư phạm có đủ hệ thống các phòng chức năng, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích/người học theo quy định hiện hành.

Hệ thống các phòng chức năng, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành tuy chưa được đầu tư đồng bộ và hiện đại nhưng với trang thiết bị hiện có vẫn đảm bảo đầy đủ và đạt yêu cầu cho việc phục vụ các hoạt động đào tạo.

Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp đảm bảo cơ bản phục vụ hoạt động đào tạo ngành Cao đẳng GDMN. Học liệu có đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo...

Hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và nền tảng công nghệ thông tin bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến phù hợp cho việc dạy và học nhằm đáp ứng được yêu cầu CTĐT ngành GDMN.

Về môi trường, sức khỏe, an toàn luôn thực hiện đúng theo quy định hiện hành và ngày càng được chú trọng nhiều hơn. Vì đặc thù của chuyên ngành GDMN không nhận đào tạo thí sinh bị khuyết tật nên mức độ quan tâm cho đối tượng này chưa có.

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học, người dạy và các bên liên quan về các tiêu chuẩn của tiêu chí 8 luôn được quan tâm, duy trì và không ngừng được cải thiện.

Nhà trường đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, thực hiện tốt công tác truyền thông và chăm sóc sức khỏe cho GV - VC và HSSV; môi trường sư phạm an toàn, đáp ứng tốt nhu cầu học tập và sinh hoạt của NH.

Nhằm từng bước nâng cao chất lượng, đáp ứng quy mô phát triển và yêu cầu đổi mới của CTĐT, Khoa Đào tạo giáo viên kết hợp với Nhà trường có kế hoạch đầu tư nâng cấp CSVC, trang thiết bị trên cơ sở xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2022-2025, khắc phục các nội dung tồn tại hạn chế, đồng thời đầu tư mở rộng và nâng cấp CSVC, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa hoạt động đào tạo của Nhà trường.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 8 cả 4 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 9. Bảo đảm và nâng cao chất lượng Mở đầu:

Bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển nền giáo dục của một cơ sở đào tạo. Chính vì vậy, tầm nhìn của Trường CĐCD được xác định đến năm 2030 sẽ là trường cao đẳng đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong vùng. Do đó, Khoa Sư phạm rất chú trọng việc nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu sinh viên, các cơ sở tuyển dụng lao động, ...) để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo, đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 9.1. Có các chính sách phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo

1. Mô tả

Nhà trường đã xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng (ĐBCL), đảm bảo phù hợp mục tiêu đào tạo, thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển của nhà trường [H9.09.01.02]. Để thực hiện chiến lược phát triển ĐBSCL, hàng năm, Phòng xây dựng kế hoạch ĐBSCL, trong đó xác định các nhiệm vụ và phân công đơn vị thực hiện cụ thể [H9.09.01.03]. Kết thúc năm học, Nhà trường tổng kết công tác ĐBSCL, trên cơ sở đó đánh giá kết quả và xây dựng kế hoạch ĐBSCL cho năm học tiếp theo [H9.09.01.06].

Thực hiện nghiêm túc theo chu kỳ đánh giá cơ sở giáo dục, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tự đánh giá hằng năm về CTĐT và hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá kiểm định chất lượng [H9.09.01.08].

Trước yêu cầu của thực tiễn về công tác đánh giá CTĐT, Nhà trường đã lựa chọn đánh giá CTĐT ngành GDMN và triển khai các công việc cụ thể như, ban hành Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá CTĐT GDMN và tiến hành họp Hội đồng tự đánh giá, phân công các nhóm công tác chuyên trách và thư ký, thu thập thông tin minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá CTĐT [H9.09.01.09].

2. Điểm mạnh

Chính sách ĐBCL của Nhà Trường được quy định cụ thể, rõ ràng. Đã xây dựng hệ thống mạng lưới đảm bảo chất lượng nội bộ, có sự tham gia đầy đủ của đội ngũ viên chức, giảng viên tại tất cả các đơn vị. Công tác đảm bảo chất lượng tại các đơn vị được triển khai nghiêm túc, có kế hoạch hành động và cải tiến chất lượng hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Viên chức tham gia mạng lưới ĐBCL của một số đơn vị chưa được tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn về đảm bảo và kiểm định CLGD [H9.09.01.07].

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục cho nhân sự mạng lưới ĐBSCL.	P.ĐBCL K.SP	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục triển khai nghiêm túc công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục;	K.SP	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 9.2. Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông được trường liên hệ để sinh viên kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục

1. Mô tả

Công tác thực tập sư phạm là một trong những hoạt động có vai trò và ý nghĩa quan trọng trong công tác đào tạo, bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục. Từ nhiều năm qua, Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng luôn coi trọng công tác kiến

tập, thực tập sư phạm, rèn luyện và nâng cao tay nghề cho sinh viên. Nhà trường đã xây dựng và ban hành đầy đủ Quy định về thực hành, thực tập sư phạm. Trong Quy định nêu rõ mục đích, trách nhiệm của người học, trách nhiệm của người hướng dẫn, tiêu chí chọn cơ sở thực hành, thực tập; thời gian và số đợt thực hành, thực tập; nội dung thực tập sư phạm, thực tập tốt nghiệp; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở thực hành, thực tập, trưởng đoàn, trưởng nhóm; đánh giá kết quả thực hành, thực tập của người học [H9.09.02.01].

Trước khi năm học mới bắt đầu, Khoa Sư phạm căn cứ vào CTĐT và sĩ số sinh viên để xây dựng kế hoạch tổng thể trong đó dự kiến thời gian thực tập, dự kiến số đoàn thực tập. Khoa Sư phạm lựa chọn cơ sở thực tập với các tiêu chí:

(1). Đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn nhiệt tình, có năng lực và kinh nghiệm nghề nghiệp để hướng dẫn thực tập cho SV. (2). Quy mô về cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất và trang thiết bị phù hợp với yêu cầu thực tập của SV. (3). Môi trường làm việc và hoạt động chuyên môn thuộc ngành đào tạo tốt cho SV thực tập. (4). Ưu tiên lựa chọn những cơ sở đã đạt kiểm định chất lượng GD hoặc đạt chuẩn quốc gia. (5). Lựa chọn một số cơ sở có triển khai các phương pháp GDMN tiên tiến cho sinh viên đào tạo theo chuyên ngành/chuyên đề. Căn cứ trên kế hoạch tổng thể, Khoa xây dựng kế hoạch chi tiết, trong đó có nội dung thực tập từng tuần, có quy định các đầu điểm đánh giá kết quả và khen thưởng/kỷ luật. Kế hoạch này được BGH và Phòng ĐT duyệt – Phòng ĐT ban hành quyết định thành lập các đoàn thực tập kèm danh sách. Trước khi đưa sinh viên đi thực tập, các trưởng đoàn gửi kế hoạch đã được phê duyệt và danh sách đoàn cho cơ sở thực tập, trao đổi với cơ sở thực tập về các nội dung trong kế hoạch, thống nhất cách phối hợp – Triển khai thực tập tại các cơ sở, các Trưởng đoàn thực tập thường xuyên có mặt để nắm bắt tình hình và phối hợp cùng cơ sở thực tập trong triển khai kế hoạch. Kết thúc đợt thực tập, các đoàn thực tập nộp hồ sơ về Phòng ĐT theo quy định. Tháng cuối của năm học, Trường tổ chức họp tổng kết công tác TTSP và trao đổi, thảo luận phương hướng cho năm học tiếp theo [H9.09.02.02].

Nhà trường có 01 trường Mầm non Thực hành, đây là một trong những cơ sở thực hành, thực tập rất thuận lợi của sinh viên ngành GDMN, Trường Mầm non Thực Hành đã được kiểm định chất lượng giáo dục, đáp ứng các điều kiện về chất lượng để tổ chức các hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm cho SV. Tuy nhiên, do đặc thù ngành học GDMN và số lượng người học khá nhiều nên nhà trường đã liên hệ, hợp tác với nhiều trường mầm non khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng để làm cơ sở kiến tập, thực tập sư phạm cho người học. Trong số các trường mầm non Trường đã hợp tác, hầu hết là các trường mầm non đã công nhận đạt chuẩn quốc gia. [H9.09.02.04].

Nhà trường cũng đặc biệt quan tâm tới việc lựa chọn đội ngũ GV có kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn tốt để hướng dẫn hoạt động kiến tập và thực tập sư

phạm cho NH [H9.09.02.03]. Các hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm hằng năm tại các cơ sở GDMN đều tiến hành đúng kế hoạch, đúng tiến độ, có kiểm tra, giám sát; Có đầy đủ các báo cáo về công tác kiến tập, thực tập sư phạm hằng năm đối với NH [H9.09.02.02].

2. Điểm mạnh

Các trường mầm non được Trường liên hệ TTSP đều đảm bảo chất lượng, phối hợp tốt với Nhà trường thực hiện hiệu quả CT GDMN. Trường chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc hoạt động thực hành, thực tập sư phạm cho NH trong năm học, cuối khóa học. Đội ngũ GV hướng dẫn hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm có kinh nghiệm và chuyên môn vững vàng, tâm huyết với nghề.

3. Điểm tồn tại

Một số trường mầm non trong mạng lưới thực hành thực tập của ngành mầm non đang trong quá trình chuẩn hóa theo chuẩn quốc gia hoặc chuẩn bị tham gia kiểm định chất lượng giáo dục.

Các minh chứng của tiêu chí này trong 5 năm của chu kì đánh giá mặc dù có nhưng chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Rà soát các cơ sở thực hành, thực tập; chọn các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục.	P.ĐT K.SP	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Bổ sung, phục hồi đầy đủ các minh chứng trong 5 năm của chu kì đánh giá.	P.ĐT K.SP	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 9.3. Hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm được tổng kết, đánh giá và được định kỳ rà soát, cải tiến

1. Mô tả

Thực tế hiện nay, rất nhiều trường mầm non nhận xét và đánh giá cao về tay nghề và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người học tốt nghiệp từ trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng. Uy tín và niềm tin đó được khẳng định phần lớn là nhờ thời lượng và kết quả của quá trình thực hành, thực tập sư phạm phủ dày, bài bản, nghiêm túc. Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch kiến tập, thực tập sư phạm chi tiết cho NH [H9.09.03.01]; Quá trình thực tập sư phạm, người học đều được hướng dẫn soạn giáo án, thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ nghiêm túc, công phu [H9.09.03.02]. Kết quả thực hành thực tập của người học được cơ sở thực tập, thực hành và giáo viên hướng dẫn đánh giá, cho điểm công khai, minh bạch; gửi phiếu đánh giá về Phòng ĐT. Cuối mỗi năm học, Nhà trường đều tiến hành tổ chức Hội nghị tổng kết công tác thực hành, thực tập sư phạm. Có báo cáo đầy đủ về kết quả các đợt kiến tập, thực tập sư phạm của người học [H9.09.03.05]

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã quan tâm khảo sát ý kiến phản hồi của các cơ sở thực hành, thực tập; người hướng dẫn thực hành, thực tập sư phạm, làm cơ sở để cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm [H9.09.03.04], tuy nhiên chưa được thường xuyên và chưa bài bản. Do vậy, tuy có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng các hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm nhưng kết quả đạt được chưa cao [H9.09.03.03], [H9.09.03.07]. Chưa có kế hoạch rà soát, quy trình khảo sát và cải tiến các hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm [H9.09.03.06].

2. Điểm mạnh

CTĐT ngành GDMN của Nhà trường có ưu thế mạnh về TTSP, thời lượng và các đợt TTSP được thiết kế phù hợp, vì vậy hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm được tổ chức có hiệu quả cao. Thông qua Hội nghị tổng kết thực hành thực tập hằng năm, Nhà trường đánh giá chất lượng các hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm, nhằm rút kinh nghiệm và cải tiến chất lượng công tác này.

3. Điểm tồn tại

Chưa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học sau mỗi đợt thực hành, thực tập sư phạm; việc xây dựng kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng các hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm chưa được chú trọng đúng mức; Việc xây dựng kế hoạch rà soát, quy trình khảo sát và cải tiến các hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm còn chưa được thường xuyên; Thông tin về kết quả cải tiến các hoạt động thực tập sư phạm và thực tế còn chưa được thể hiện một cách cụ thể, rõ ràng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường khảo sát ý kiến phản hồi của người học sau kết thúc mỗi đợt thực hành, thực tập sư phạm. Xây dựng kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng các hoạt động hoạt động TTSP 1, 2. Xây dựng kế hoạch rà soát, quy trình khảo sát và cải tiến các hoạt động TTSP 1, 2. Bổ sung thông tin về kết quả cải tiến các hoạt động TTSP 1, 2.	P.ĐT K.SP	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Duy trì đánh giá kết quả thực hành, thực tập sư phạm nghiêm túc, công khai, minh bạch đối với người học.	K.SP	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 9.4. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR

1. Mô tả

Hàng năm, sau mỗi đợt thi cuối học kỳ, Phòng ĐT và Phòng TT-ĐBCL làm nhiệm vụ thống kê kết quả kiểm tra, tỉ lệ điểm; có sự kiểm tra, đối sánh về chất lượng học tập của người học cũng như chất lượng hoạt động giảng dạy để kịp thời điều chỉnh công tác kiểm tra, đánh giá người học [H9.09.04.02].

Bên cạnh đó, cuối mỗi học kỳ, Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của người học về kiểm tra đánh giá học phần, làm căn cứ để điều chỉnh việc kiểm tra đánh giá người học đạt chất lượng và hiệu quả hơn [H9.09.04.03], [H9.09.04.04].

Sau khi rà soát, đánh giá phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả của người học, Trường đã ra quyết định xây dựng mới CTĐT ngành GDMN năm 2023 nhằm đáp ứng yêu cầu Bảo đảm chất lượng, xây dựng bản mô tả CTĐT ngành GDMN trong đó xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của chương trình, CDR của từng khối kiến thức, xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt CDR. Từng đề cương chi tiết học phần được thiết kế đảm bảo

tương thích định hướng giữa nội dung kiến thức, phương pháp dạy – học, phương pháp kiểm tra đánh giá với CĐR của học phần. Với cấu trúc tăng bậc như vậy đảm bảo các học phần trong CTĐT ngành GDMN tương thích với CĐR của CTĐT.

Theo phiên bản cũ, việc đánh giá kết quả của người học chỉ chú trọng vào kết quả thi cuối kỳ, cuối khóa; chỉ chú trọng kiến thức mà chưa chú trọng đến năng lực tư duy, sáng tạo, làm việc nhóm của người học trong quá trình học. Hiện nay, việc đánh giá kết quả người học đã đa dạng hơn về mặt hình thức và nội dung: đánh giá điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên từ 1 – 2 bài, kiểm tra định kỳ từ 1 – 2 bài và 1 bài thi cuối kỳ. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được hiển thị trong các đề cương môn học và tùy theo đề xuất của giảng viên gắn với đặc thù từng học phần. Nội dung kiểm tra, đánh giá, thi kết thúc học phần được tăng cường các câu hỏi vận dụng thực tiễn, tổng hợp, phân tích,... hướng người học đến việc tư duy, phân tích, lập luận giải quyết vấn đề một cách thường xuyên trong quá trình học. Nội dung kiểm tra đánh giá học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTĐT ngành GDMN, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CĐR là những yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi [H9.09.04.03].

Nhà trường cũng đã điều chỉnh, thay đổi việc công bố điểm của người học trên hệ thống phần mềm đào tạo. Các đầu điểm đánh giá được công khai minh bạch trên hệ thống phần mềm đào tạo theo tín chỉ. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên và điểm kiểm tra định kỳ được công bố kịp thời ngay khi kết thúc học phần hoặc trước khi thi học phần. Đối với thi kết thúc học phần ở hình thức thi vấn đáp, điểm số sẽ công bố ngay sau kết thúc môn thi. Các môn tự luận công bố không qua 10 ngày sau khi thi. Quy định về hình thức KTĐG học phần được đa dạng hóa theo yêu cầu và sự chủ động của GV, đáp ứng mục tiêu các học phần: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm; người học hoàn toàn hài lòng với các hình thức KTĐG và công bố các đầu điểm kịp thời, công khai, minh bạch [H9.09.04.01].

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học và đánh giá kết quả học tập của NH được triển khai nghiêm túc, đúng quy chế, quy định. Công tác KTĐG kết quả học tập của NH thường xuyên được đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CĐR từng học phần và CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện thường xuyên các hoạt động thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập với CĐR.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh hoạt động thâm nhập sự tương thích phù hợp của quá trình dạy học với CDR.	P.ĐT K.SP	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Duy trì việc dạy và học, KTĐG kết quả học tập của người học nghiêm túc, đúng quy chế, quy định; đảm bảo kịp thời, khách quan, chính xác, công bằng, công khai, minh bạch.	P.ĐT P.ĐBCL	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 9.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trong những năm gần đây, để nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện và các dịch vụ khác nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người dạy và người học, nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường không chỉ thường xuyên tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của GV -VC, SV mà còn thực hiện cải tạo, tu sửa, trang bị cơ sở vật chất tốt hơn, đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của các bên liên quan [H9.09.05.01].

Để nâng cao chất lượng phục vụ, hỗ trợ người học, định kỳ hàng năm, Khoa và Nhà trường đều tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo trường với NH, qua đó lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và kịp thời đáp ứng những nhu cầu chính đáng của NH. Cùng với đó, bộ phận quản lý HSSV của Khoa thường xuyên có sự phối hợp chặt chẽ với phòng Công tác HSSV để giải quyết, giúp đỡ, tháo gỡ những vấn đề vướng mắc liên quan trực tiếp đến quyền lợi của HSSV như: các chế độ chính sách; vay vốn tín dụng.

Phòng Công tác HSSV, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên luôn quan tâm, tổ chức nhiều diễn đàn học tập, hoạt động phong trào, ngoại khóa phù hợp, thiết thực, hỗ trợ tích cực cho NH. Việc NH tham gia các hoạt động đoàn thể có ý nghĩa tích cực để phát triển kỹ năng và kinh nghiệm cho bản thân [H9.09.05.03], [H9.09.05.04].

2. Điểm mạnh

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến thường xuyên. Về cơ bản, người học đều thấy hài lòng với chất lượng các dịch vụ khi được khảo sát ý kiến.

Công tác lấy ý kiến phản hồi của GV - VC và người học về chất lượng dịch vụ hỗ trợ được tiến hành thường xuyên hàng năm thông qua nhiều kênh, nhiều hình thức để làm cơ sở đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ; kết quả phản hồi đa phần là hài lòng với các dịch vụ hỗ trợ.

3. Điểm tồn tại

Việc bổ sung, cập nhật tài liệu cho việc đổi mới CTĐT đôi lúc còn chưa kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật, bổ sung nguồn giáo trình, tài liệu để phù hợp với đổi mới CTĐT	P.QT	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Duy trì tốt công tác dịch vụ Thư viện, phục vụ việc học tập của người học	P.QT	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 3/7

Tiêu chí 9.6. Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT

1. Mô tả

Việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc thiết kế, cải tiến và phát triển CTĐT, nhà trường đã ban hành Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các đối tượng có liên quan về hoạt động đào tạo tại trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng [H9.09.06.01]. Đồng thời, nhà trường cũng ban

hành: Kế hoạch xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng tại Trường Cao đẳng cộng đồng Sóc Trăng [H9.09.06.02].

Hàng năm, các phòng, khoa, Ban đều lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (NH, NH đã tốt nghiệp, GV, nhà sử dụng lao động, viên chức, cán bộ quản lý) và có kết quả phản hồi, làm cơ sở xây dựng và phát triển CTĐT ngành GDMN. Hình thức khảo sát cũng đã được thay đổi từ khảo sát bằng phiếu hỏi sang khảo sát bằng công cụ Google form, việc khảo sát nhanh hơn, thuận tiện hơn và hiệu quả hơn. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: Hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra, đánh giá, điều kiện cơ sở vật chất,... Trên cơ sở kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, Nhà trường, Khoa đã nghiên cứu, chỉnh sửa CTĐT vào năm 2021 và 2023 [H9.09.06.03].

CTĐT ngành GDMN theo hệ thống tín chỉ được xây dựng lần đầu vào năm 2016, phiên bản này chủ yếu là chuyển đổi cơ học từ chương trình theo học chế nên chế sang học chế tín chỉ. Đến năm 2021, Trường đã tổ chức rà soát, chỉnh sửa theo hướng lựa chọn tinh gọn lại, còn 111 tín chỉ đồng thời cập nhật các kiến thức mới. Tuy nhiên phiên bản 2021 CĐR chưa bám sát khung trình độ quốc gia Việt Nam, chưa có ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt được CĐR trong CTĐT. Năm 2023, trên cơ sở nghiên cứu các văn bản hướng dẫn, Nhà trường đã chỉ đạo tổ chức xây dựng CĐR trên cơ sở khung trình độ Quốc gia Việt Nam và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, CTĐT và Chương trình dạy học ngành GDMN đã được xây dựng một cách bài bản theo đúng quy trình xác định, theo đó ma trận kỹ năng cũng được thiết kế và nó đã thể hiện được sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR, lựa chọn các phương pháp dạy – học phù hợp để bảo đảm đạt được CĐR, lựa chọn phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ tốt nhất để bảo đảm đạt được CĐR [H9.09.06.04], [H9.09.06.05], [H9.09.06.06], [H9.09.06.07].

2. Điểm mạnh

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được tiến hành thường xuyên; CTĐT phù hợp với người học và đảm bảo tương thích với CĐR.

3. Điểm tồn tại

Đối tượng lấy ý kiến phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan vào việc thiết kế và phát triển CTĐT chưa thật sự đa dạng, phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
----	----------	----------	------------------------------------	---

1	Phát huy điểm mạnh	Mở rộng đối tượng khảo sát ý kiến của các bên liên quan về thiết kế, phát triển CTĐT.	P.ĐBCL P.ĐT K.SP	Năm học 2024-2025
2	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục nghiên cứu các quy định hiện hành để xây dựng văn bản Hướng dẫn chỉnh sửa CTĐT phù hợp với bối cảnh mới.	P.ĐT K.SP	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 9.7. Việc thiết kế và phát triển chương trình đào tạo được xác lập, rà soát, đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Căn cứ Luật Giáo dục, Khung trình độ quốc gia Việt Nam, các văn bản quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường đã xây dựng Văn bản quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT năm 2019 [H9.09.07.01].

Trong quá trình tổ chức đào tạo, nhà trường luôn quan tâm công tác rà soát, đánh giá để điều chỉnh bổ sung kịp thời các CTĐT đáp ứng chuẩn đầu ra và nhu cầu của thị trường lao động.

Nhà trường đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến nhà tuyển dụng, cán bộ quản lý – giáo viên, cựu sinh viên và sinh viên năm cuối [H9.09.07.02], [H9.09.07.03] để lấy ý kiến phản hồi làm cơ sở điều chỉnh CTĐT.

2. Điểm mạnh

Có xây dựng văn bản quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, chỉnh sửa CTĐT rõ ràng, cụ thể. Việc thiết kế, rà soát, chỉnh sửa CTĐT đảm bảo tuân thủ các quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường [H9.09.07.04].

3. Điểm tồn tại

Hình thức tổ chức khảo sát các bên liên quan về thiết kế, phát triển CTĐT chưa được đa dạng..

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
----	----------	----------	---------------------------	--------------------------------

1	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa các hình thức khảo sát ý kiến của các bên liên quan về thiết kế, phát triển CTĐT.	P.ĐT K.SP	Năm học 2024 – 2025
2	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục nghiên cứu các quy định hiện hành để xây dựng văn bản Hướng dẫn chỉnh sửa CTĐT phù hợp với bối cảnh mới.	P.ĐT K.SP	Hàng năm

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Công tác bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo ngành GDMN được Nhà trường hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Nhà trường đã xây dựng các chính sách phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo đảm chất CTĐT; Tổ chức có chất lượng, hiệu quả các hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm; Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR; Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá và cải tiến; hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan; Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT.

Tuy nhiên, hình thức và đối tượng khảo sát chưa thật sự đa dạng phong phú, việc bổ sung tài liệu mới đôi lúc còn chưa kịp thời. Trong năm học tới, Nhà trường mở rộng đối tượng khảo sát ý kiến và đa dạng hóa các hình thức khảo sát các bên liên quan về thiết kế, phát triển CTĐT. Kịp thời cập nhật tài liệu cho CTĐT mới chỉnh sửa.

Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 9 có 1 tiêu chí đạt mức 3/7 và 6 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 10. Kết quả đầu ra

Tiêu chí 10.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Phòng Công tác HSSV, Khoa, CVHT luôn cập nhật kịp thời tình hình của SV nghỉ học, bảo lưu và thông qua đội ngũ Ban cán sự của lớp; đối với những SV bỏ học, thôi học, CVHT đều tìm hiểu lý do, nguyên nhân, động viên các em cố gắng,

tiếp tục học tập. Người học xin thôi học hoặc bỏ học chủ yếu với lý do là đi lao động nước ngoài, lập gia đình hoặc gia đình không có nhu cầu cho con đi học tiếp tục.

Thông tin về sinh viên nhập học đầu khóa, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của các khóa gần đây được thể hiện qua Cơ sở dữ liệu về NH, theo bảng thông tóm tắt dưới đây:

Bảng 10.1. Tỉ lệ tốt nghiệp của người học trong 4 năm gần đây

Khóa học	Nhập học	Thôi học	Sĩ số trước tốt nghiệp	Tốt nghiệp	Tỉ lệ TN (%)
2023-2024	107	01	Chưa TN	Chưa TN	

2. *Điểm mạnh*: Chưa có dữ liệu để đánh giá
3. *Điểm tồn tại*: Chưa có dữ liệu để đánh giá
4. *Kế hoạch hành động*: Chưa có cơ sở để lập kế hoạch
5. *Tự đánh giá tiêu chí*: Chưa đánh giá

Tiêu chí 10.2. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Phòng Công tác HSSV là đơn vị chức năng thực hiện nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho SV, làm đầu mối kết nối các đơn vị tuyển dụng với người học trước và sau tốt nghiệp; Tổ chức các hội nghị và các chương trình giao lưu, kết nối, tạo cơ hội cho nhà tuyển dụng tiếp cận với SV và ngược lại; nhiều SV đi làm thêm ngay khi còn đang theo học tại Trường và có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp

Phòng Công tác HSSV phân cử cán bộ trực tiếp quản lý, giám sát, khảo sát SV có việc làm sau tốt nghiệp, đồng thời thực hiện thống kê, phân tích, đối sánh tỉ lệ việc làm của sinh viên trong các năm, phân tích nguyên nhân, làm cơ sở để cải tiến chất lượng CTĐT.

Việc khảo sát tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp được tiến hành định kỳ hàng năm.

2. *Điểm mạnh*: Chưa có dữ liệu để đánh giá
3. *Điểm tồn tại*: Chưa có dữ liệu để đánh giá
4. *Kế hoạch hành động*: Chưa có cơ sở để lập kế hoạch
5. *Tự đánh giá tiêu chí*: Chưa đánh giá

Tiêu chí 10.3. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Định kỳ hàng năm, Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng tổ chức Hội nghị Tổng kết năm học, hội nghị cán bộ viên chức-người lao động để tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và đề ra phương hướng nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo của Nhà trường, đặc biệt là công tác tổ chức quản lý đào tạo.

Mỗi năm học, Nhà trường và Khoa đều tổ chức Hội nghị đối thoại với SV, trong đó người học được đối thoại trực tiếp với lãnh đạo Trường và lãnh đạo các Phòng, Khoa. Đây là dịp quan trọng để Nhà trường lắng nghe tâm tư, nguyện vọng; giải đáp thắc mắc và đáp ứng kịp thời những nguyện vọng chính đáng của NH liên quan đến CTĐT, chất lượng tổ chức các hoạt động quản lý đào tạo.

Mỗi học kỳ, phòng TT-ĐBCL, Khoa đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của SV về các hoạt động của giảng viên, trong đó có khảo sát về chương trình đào tạo để khảo sát mức độ hài lòng của SV nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ.

2. Điểm mạnh: Chưa có dữ liệu để đánh giá

3. Điểm tồn tại: Chưa có dữ liệu để đánh giá

4. Kế hoạch hành động: Chưa có cơ sở để lập kế hoạch

Tự đánh giá tiêu chí: Chưa đánh giá

Kết luận về Tiêu chuẩn 10: Chưa có thông tin để kết luận

Kết quả tự đánh giá Tiêu chuẩn 10: Chưa đủ cơ sở đánh giá

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng

Quá trình thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT ngành GDMN đã được Hội đồng tự đánh giá CTĐT của trường CĐCD hoàn thành về cơ bản, điều đó đã tác động tích cực và tạo động lực thúc đẩy các hoạt động quản lý, giảng dạy, NCKH và học tập cho Khoa Sư phạm, đồng thời góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo ngành GDMN.

Kết quả tự đánh giá CTĐT ngành GDMN đã đạt yêu cầu theo quy định chuẩn đánh giá. Trong quá trình tự đánh giá, Trường CĐCD đã nhận thấy được những tiềm năng và những điểm mạnh cơ bản sau đây:

- Mục tiêu và CDR đã được xây dựng theo một quy trình đảm bảo tính khoa học, phản ánh được tầm nhìn cũng như sứ mạng của một trường cao đẳng có bề dày truyền thống về đào tạo giáo viên nói chung và giáo viên GVMN nói riêng; CDR của CTĐT ngành GDMN có sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan, đáp ứng được nhu cầu của các bên liên quan cũng như được rà soát, điều chỉnh theo định kỳ quy định.

- Bản mô tả CTĐT ngành GDMN được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường và đáp ứng xu thế mới của giáo dục mầm non; bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định, được xây dựng phiên bản CTĐT ngành GDMN mới (năm 2022) và được công khai qua các kênh thông tin, điều đó giúp cho các bên liên quan thuận tiện trong việc tiếp cận.

- Cấu trúc và nội dung CTDH ngành GDMN của trường CĐCD được xây dựng dựa trên sự gắn kết chặt chẽ với CDR, sự phân bố hợp lý giữa các khối kiến thức, số lượng học phần và lịch trình học tập. Nội dung CTDH được xây dựng theo hướng giảm lý thuyết, tăng tính tích hợp, tăng hoạt động thực hành, thực tế nghề nghiệp và đảm bảo được tính liên thông.

- Phương pháp tiếp cận trong dạy và học mang tính nhất quán lấy việc học làm trung tâm, theo hướng tiếp cận năng lực và luôn phù hợp mục giáo dục chung mà Nhà trường đã đề ra. Hoạt động giảng dạy và học tập trên lớp ở từng học phần mang tính linh hoạt, đa dạng giúp người dạy và người học đạt được CDR.

- Tuyển sinh và hỗ trợ người học đã được Nhà trường đổi mới về mặt hình thức, tăng cường chính sách cho hoạt động này. Ngoài ra, công tác tuyển sinh ngành GDMN được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật trong đề án tuyển sinh hàng năm. Các thông tin về ngành GDMN được Nhà trường mô tả rõ ràng, đầy đủ và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Người học ngành GDMN của trường thuộc đối tượng ưu tiên được hưởng các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập.

- Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho người học.

- Đánh giá kết quả học tập của người học ngành GDMN ở trường CĐCD được thực hiện theo đúng quy định về công tác kiểm tra đánh giá của Nhà trường, đảm bảo tính rõ ràng, công khai theo quy trình, quy chế. Việc đánh giá về kiến thức, kỹ năng và năng lực chịu trách nhiệm của người học thông qua các hình thức kiểm tra quá trình và qua các kỳ thi, đặc biệt về việc đo lường được mức độ đạt CDR luôn được phản hồi đến người học, giúp người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách tốt nhất. Ngoài ra, Nhà trường sẽ giải quyết kịp thời và đúng theo quy chế về những thắc mắc, phản hồi hoặc khiếu nại chính đáng về kết quả kiểm tra đánh giá của người học.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và viên chức tham gia thực hiện CTĐT ngành GDMN có bề dày kinh nghiệm trong đào tạo giáo viên, với lòng yêu nghề, tâm huyết với nghề, đa số có trình độ sau đại học về chuyên ngành đào tạo, đảm bảo chất lượng về năng lực chuyên môn và NCKH. Trường và Khoa Sư phạm rất chú trọng việc khuyến khích, tạo điều kiện cho giảng viên học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, phát triển năng lực và nghiên cứu cho giảng dạy; Đội ngũ viên chức các phòng chức năng có trách nhiệm cao trong việc phối hợp với Khoa Sư phạm trong thực hiện CTĐT; Giảng viên của Khoa Sư phạm rất tích cực tham gia biên soạn tài liệu học tập, làm đề tài NCKH và tham gia nhiệt tình trong các đợt tập huấn nâng năng lực NCKH, nâng cao nghiệp vụ và năng lực sư phạm; Trợ lý và các cố vấn học tập đều có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ với nhiệt tình, đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện trong công tác hoạt động của Khoa và thực hiện CTĐT ngành GDMN; Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển viên chức của Khoa Sư phạm được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy trình và quy định.

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập được trang bị tương đối phù hợp với yêu cầu của việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập của ngành GDMN. Đặc biệt, trường có môi liên hệ gắn bó chặt chẽ với trường Thực hành sư phạm là nơi tổ chức các hoạt động thực hành, thực tập cho sinh viên ngành GDMN.

- Bảo đảm và nâng cao chất lượng là một trong những công tác được Nhà trường hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Nhà trường đã xây dựng các chính sách phù hợp với điều kiện thực tế nhằm thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm chất lượng của CTĐT ngành GDMN; Công tác TTSP được tổ chức có chất lượng và hiệu quả cao; Việc đánh giá kết quả học tập của người học chú trọng sao cho đáp ứng với CDR.

- Kết quả đầu ra của ngành GDMN Trường CĐCD đạt mức độ rất đáng chú ý, có sự dao động từ 95% đến 100% sinh viên học ngành GDMN của Trường CĐCD tốt nghiệp ra trường đều có việc làm ngay và được các nhà tuyển dụng ghi nhận, hài lòng khá cao. Sinh viên ngành GDMN có cơ hội được học tập, rèn luyện, trau dồi

kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng tối đa yêu cầu ngày càng cao của nhà tuyển dụng, nhu cầu liên thông và xu thế đổi mới giáo dục.

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng

CTĐT ngành GDMN của Trường CĐCD, ngoài những điểm mạnh nêu trên, thì nó còn những điểm tồn tại, hạn chế sau đây cần được nhanh chóng cải tiến, đổi mới và bảo đảm chất lượng trong thời gian tới, cụ thể như sau:

- Mục tiêu và CDR chưa được mở rộng về đối tượng và số lượng của các bên liên quan trong việc lấy ý kiến, nhất là chưa triển khai rộng, chưa tham khảo ý kiến của Nhà sử dụng lao động của các cơ sở GDMN có yếu tố nước ngoài trong thành phố Cần Thơ và các tỉnh lân cận.

- Bản mô tả CTĐT chưa được tăng về số lượng mẫu lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

- Nội dung CTDH ở một số ít học phần còn chưa thể hiện được rõ ràng về tính tích hợp, tính cập nhật và tiếp cận năng lực người học; Số lượng mẫu lấy ý kiến về nội dung các học phần trong chương trình dạy học ngành GDMN là chưa đủ lớn.

- Phương pháp tiếp cận trong dạy và học ở một số học phần chưa đảm bảo tính hiện đại, việc tổ chức các hoạt động dạy học ở một số học phần còn mang tính hàn lâm, điều đó khó cho người học có môi trường rèn luyện năng lực nghề nghiệp. Việc tổ chức hoạt động hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học theo tiếp cận năng lực chưa được tổ chức thường xuyên.

- Tuyển sinh và hỗ trợ người học còn hạn chế trong việc tìm kiếm các nguồn hỗ trợ học tập như học bổng, trợ cấp... từ các tổ chức xã hội.

- Đánh giá kết quả học tập của người học ở một số học phần còn nặng về mặt kiến thức, chưa tiếp cận đánh giá được năng lực thực hiện của người học. Hình thức tổ chức phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hình thức trắc nghiệm quan còn tương đối hạn chế. Chưa cung cấp sổ tay sinh viên cho người học đầu khóa để các em có đầy đủ các thông tin về khóa học, về các quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và viên chức còn gặp hạn chế trong việc khai thác nền tảng số, công nghệ số trong thực hiện hoạt động chuyên môn; đội ngũ giảng viên của Khoa Sư phạm có xu hướng già hóa trong khi đó kế hoạch trẻ hóa đội ngũ giảng viên của Khoa Sư phạm chưa được dự kiến và xây dựng kế hoạch.

- Trang thiết bị và CSVC chưa đảm bảo được tính hiện đại. Việc cập nhật giáo trình, tài liệu mới hàng năm phục vụ cho CTĐT ngành GDMN chưa được quan tâm đúng mức. Một số thiết bị dạy học đã cũ và xuống cấp cần sửa chữa và bổ sung, thay mới kịp thời.

- Công tác bảo đảm và nâng cao chất lượng chưa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học sau mỗi đợt thực hành, thực tập sư phạm. Chưa thực hiện thường xuyên các hoạt động thăm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập với CĐR. Việc bổ sung, cập nhật tài liệu cho việc đổi mới CTĐT đôi lúc còn chưa kịp thời. Đối tượng lấy ý kiến phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan vào việc xây dựng CTĐT ngành GDMN chưa được đa dạng, phong phú.

- Kết quả đầu ra chưa có sự phân tích dự báo về tỉ lệ sinh viên thôi học của ngành GDMN để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ sinh viên thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn. Chưa mở rộng đối tượng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan sự hài lòng kết quả đầu ra của CTĐT.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành GDMN

Để khắc phục những hạn chế, tồn tại của CTĐT ngành GDMN, Nhà trường định hướng xây dựng kế hoạch khắc phục và cải tiến CTĐT ngành GDMN từ năm học 2022-2023 như sau:

- Kế hoạch mở rộng về đối tượng và số lượng của các bên liên quan trong việc lấy ý kiến về mục tiêu và CĐR của CTĐT. Tăng cường xin ý kiến của Nhà sử dụng lao động của các cơ sở GDMN có yếu tố nước ngoài trong thành phố Cần Thơ và các tỉnh lân cận.

- Bản mô tả CTĐT sẽ được tăng về số lượng mẫu lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Công cụ khảo sát ý kiến cần được điều chỉnh sao cho đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy trong quá trình thu thập dữ liệu điều tra.

- Nội dung CTDH ở một số ít học phần sẽ được điều chỉnh sao cho đảm bảo tính tích hợp, tính cập nhật và tiếp cận năng lực người học; Tăng số lượng mẫu lấy ý kiến về nội dung các học phần trong chương trình dạy học ngành GDMN.

- Tăng cường đổi mới phương pháp tiếp cận trong dạy và học ở một số học phần nhằm đảm bảo tính hiện đại, tạo môi trường rèn luyện năng lực nghề nghiệp cho người học. Thường xuyên tổ chức hoạt động hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học theo tiếp cận năng lực.

- Tăng cường hoạt động tìm kiếm các nguồn hỗ trợ học tập như học bổng, trợ cấp... từ các tổ chức xã hội cho người học.

- Tập trung đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo tiếp cận đánh giá năng lực người học. Phối hợp đa dạng các hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học. Cung cấp sổ tay sinh viên cho người học đầu khóa để các em có đầy đủ các thông tin về khóa học, về các quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.

- Lên kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và viên chức năng lực khai thác nền tảng số, công nghệ số trong thực hiện hoạt động chuyên môn; xây dựng kế hoạch trẻ hóa đội ngũ giảng viên của Khoa Sư phạm.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị và CSVC, đảm bảo được tính hiện đại. Lên kế hoạch phát huy nội lực trong biên soạn tài liệu học tập và giáo trình để phục vụ cho CTĐT ngành GDMN mới 2022.

- Công tác bảo đảm và nâng cao chất lượng sẽ thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học sau mỗi đợt thực hành, thực tập sư phạm. Thực hiện thường xuyên các hoạt động thăm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập với CDR. Kịp thời bổ sung, cập nhật tài liệu cho việc đổi mới CTĐT. Mở rộng đối tượng, tăng cường số lượng lấy ý kiến phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan vào việc xây dựng CTĐT ngành GDMN.

- Phân tích, dự báo về tỉ lệ sinh viên thôi học của ngành GDMN để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ sinh viên thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn. Mở rộng đối tượng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan sự hài lòng kết quả đầu ra của CTĐT ngành GDMN

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo (*Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT*)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng Mã: C58

Tên CTĐT: Giáo dục Mầm non Mã CTĐT: 51140201

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5,00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					

<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5,00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5,00	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4,00	6	100%
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2				4						
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chí 5.6				4						
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4,00	5	100%
Tiêu chí 6.1				4						

Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								4,50	6	100%
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				5						
Tiêu chí 7.5				5						
Tiêu chí 7.6				5				3,00	4	100%
<i>Tiêu chuẩn 8</i>										
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4				3,85	6	85,71%
<i>Tiêu chuẩn 9</i>										
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5			3							
Tiêu chí 9.6				4						

Tiêu chí 9.7				4						
<i>Tiêu chuẩn 10</i>										
Tiêu chí 10.1	Chưa có dữ liệu đánh giá									
Tiêu chí 10.2										
Tiêu chí 10.3										
Đánh giá chung CTĐT										

* *Ghi chú:* Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí. Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

PHỤ LỤC 1
CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12 /2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng
 - Tiếng Anh: Soctrang Community College
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: Không
 - Tiếng Anh: Không
3. Tên trước đây (nếu có):
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: UBND tỉnh Sóc Trăng
5. Địa chỉ: số 139, Lê Hồng Phong, ấp Hòa Mỹ, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (84) 02923838306
 Website: <http://www.stcc.edu.vn>
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập):
 - Năm thành lập đầu tiên: 1997 (Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh Sóc Trăng).
 - Năm thành lập Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng: 2006 (Quyết định số 2917/QĐ-BGD&ĐT ngày 08/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)
 - Đến năm 2020, sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật Sóc Trăng, Trường Trung cấp Y tế Sóc Trăng, Trường Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng và đi vào hoạt động cho đến nay (theo Quyết định số 1251/QĐ-LĐTBXH ngày 06/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2003
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 2006
10. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

11. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo (CTĐT) (theo Quyết định số /QĐ-CĐCĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2022)
 - Tiếng Việt: Khoa Sư phạm

- Tiếng Anh: Faculty of Education

12. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: KSP

- Tiếng Anh: Không

13. Tên trước đây (nếu có): Đào tạo giáo viên

- Tiếng Việt:

- Tiếng Anh:

14. Tên CTĐT:

- Tiếng Việt: Giáo dục Mầm non

- Tiếng Anh: Early Childhood Education

15. Mã ngành: 51140201

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không có

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: số 139, Lê Hồng Phong, ấp Hòa Mỹ, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng

18. Số điện thoại liên hệ: Không có Số fax: Không có

19. E-mail: khoasupham@stcc.edu.vn

20. Website: <https://www.stcc.edu.vn/khoa-su-pham>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): Quyết định số 421/QĐCĐCT, ngày 23 tháng 8 năm 2022.

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2003

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2006

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Trải qua 45 năm hình thành, xây dựng và phát triển, nhà trường đã đạt được nhiều thành tích trong giáo dục, đào tạo, chuẩn hóa giáo viên Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở...cho tỉnh Hậu Giang cũ (gồm tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang hiện nay), 40 năm đối với một nhà trường là đủ để ghi nhận một chặng đường của sự cống hiến, sự đóng góp to lớn cho sự nghiệp giáo dục đào tạo của tỉnh Sóc Trăng.

a. Dấu ấn thành lập Khoa Sư phạm

Khoa Sư phạm được thành lập đầu tiên theo Quyết định số 87/QĐ-CĐCĐ ngày 07/5/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng và được tái cơ cấu theo Quyết định số 187/QĐ-CĐCĐ ngày 31/5/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng. Hiện nay, cơ cấu Khoa gồm:

- Ban lãnh đạo khoa
- + Trưởng khoa: ThS. GVC. Trịnh Thanh Hà
- + Phó trưởng khoa: ThS. Phạm Thị Thanh Thủy
- Khoa có 02 bộ môn:
- + Bộ môn Nghiệp vụ: 07 giảng viên
- + Bộ môn Cơ sở: 07 giảng viên
- Đội ngũ giảng viên 14 người gồm 11 thạc sĩ và 3 cử nhân.

- Từ năm 2020 đến nay, khoa Sư phạm quản lý và đào tạo sư phạm hệ chính quy và hệ chuẩn hóa với các ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Toán học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Hóa học, đáp ứng nhu cầu phát triển đội ngũ giáo viên cho tỉnh Sóc Trăng và các tỉnh lân cận.

b. Thành quả đạt được

Theo dòng lịch sử, Khoa Sư phạm có sứ mệnh đào tạo nguồn giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp giáo dục đào tạo của tỉnh Sóc Trăng và đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên cho các tỉnh bạn. Trong quá trình phát triển, dù đã nhiều lần biến động vào, tách ra, Khoa Sư phạm luôn vẫn đứng ở vị trí trọng điểm, cái nôi của ngành sư phạm trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Thực hiện sứ mệnh trên khoa đã quan tâm xây dựng một tập thể sư phạm tiên tiến, vững mạnh toàn diện. Giảng viên luôn “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” và mỗi giảng viên luôn có tinh thần trách nhiệm cao trong việc đổi mới phương pháp dạy học, nghiên cứu khoa học giáo dục, không ngừng tự rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, phát triển năng lực sư phạm và luôn bồi dưỡng nhân cách đạo đức của nhà sư phạm.

Các giảng viên của khoa luôn đoàn kết, yêu thương gắn bó, chia sẻ cùng nhau để vượt qua khó khăn để khoa luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Đến nay, khoa đã trưởng thành vượt bậc về mọi mặt. Đội ngũ giảng viên cân đối về số lượng, nâng cao dần về chất lượng để đáp ứng với điều kiện đổi mới giáo dục của nước ta hiện nay, Khoa Sư phạm nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể tiên tiến, xuất sắc, được tặng nhiều bằng khen, giấy khen của UBND tỉnh Sóc Trăng. Khoa đã tạo được uy tín và là địa chỉ tin cậy của HSSV trong tỉnh Sóc Trăng cũng như trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

Để có được thành tích nêu trên, Chi bộ khoa đã làm tốt vai trò lãnh đạo của mình, thực hiện chức năng là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, Chủ trương, Nghị quyết của Đảng, Chính sách, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo toàn diện việc thực hiện nhiệm vụ được giao về các mặt công tác; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, đảng viên và quần chúng; xây dựng chi bộ và đơn vị vững mạnh và trong nhiều năm liền chi bộ đạt Chi bộ trong sạch và có nhiều cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Cùng với sự thành lập Khoa Sư phạm, Công đoàn Khoa Sư phạm được thành lập và đã luôn phát huy tốt chức năng, vai trò của mình. Trong quá trình hoạt động Công đoàn Khoa Sư phạm đạt nhiều thành tích cao và là khoa tiên phong trong công tác văn thể. Nhiều năm đạt danh hiệu “Công đoàn vững mạnh xuất sắc”; nhận được bằng khen của Liên đoàn LĐTP.CT và có nhiều cá nhân đạt Công đoàn viên hai giỏi cấp cơ sở; chứng nhận “hai giỏi” của Liên đoàn LĐTPCT, công đoàn viên xuất sắc, bằng khen LĐLĐ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Về công tác chuyên môn (giảng dạy và nghiên cứu khoa học,...), giảng viên của khoa đã không ngừng tự học, tự nghiên cứu để rèn luyện năng lực phẩm chất nghề nghiệp. Phần lớn giảng viên đã phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, hình thành và phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, trải nghiệm và tìm kiếm thông tin học tập, trên cơ sở đó trau dồi các phẩm chất linh hoạt, óc phê phán, độc lập và sáng tạo của tư duy; Tăng cường những hình thức tổ chức thích hợp như học cá nhân, học nhóm; học trong lớp, học ở ngoài lớp; Chuẩn bị tốt về phương pháp đối với các giờ thực hành để đảm bảo yêu cầu rèn luyện kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nâng cao hứng thú cho người học. Sử dụng đủ và hiệu quả các thiết bị dạy học môn học tối thiểu đã qui định. Tăng cường sử dụng các đồ dùng dạy học tự thiết kế và tích cực vận dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Với mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, khoa đã thường xuyên quy hoạch đội ngũ giảng viên tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn sau đại học. Đến nay số giảng viên đạt trình độ thạc sĩ ở một số tổ chuyên môn của khoa đạt trên 78%. Đặc biệt là giảng viên và sinh viên của khoa có truyền thống tham gia các cuộc thi Văn nghệ - TDTT luôn đạt được nhiều giải cao (nhất, nhì, ba) trong các hội thi, hội diễn, phong trào do nhà trường tổ chức.

Đối với hoạt động học tập của SV, khoa luôn quan tâm và tạo môi trường thuận lợi nhất để các em học tập và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, khoa rất chú trọng vào hoạt động thực tập sư phạm, thực tế của SV, vì đây là môi trường tốt nhất để các em được trải nghiệm nghề nghiệp của mình.

Trong các đợt thực tập, SV của khoa đã đạt được những thành tích đáng khen ngợi, hầu hết sinh viên chấp hành tốt nội quy thực tập, nội quy ở trường mầm non, có tính tự giác, trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ thực tập. Tác phong sư phạm mẫu mực, nghiêm túc, đa số giáo sinh đã thể hiện sự lịch thiệp, văn minh trong giao tiếp, hành vi... nên đã tạo được tình cảm tốt đẹp đối với trẻ và nhận được lời khen ngợi từ giáo viên mầm non và Ban giám hiệu trường Mầm non. Đa số sinh viên đã thể hiện được tinh thần đoàn kết, hợp tác, chia sẻ để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân và tập thể.

Qua các đợt thực tập SV của khoa đã biết vận dụng lý luận vào thực tiễn giáo dục, xây dựng được ý thức nghề nghiệp đúng đắn, góp phần hình thành nhân cách nhà giáo. Qua những buổi sinh hoạt lớp phụ trách, tham gia các phong trào của lớp, những giờ giảng dạy trên lớp, SV thêm yêu nghề hơn, nhận thức đúng đắn về những yêu cầu, những thách thức và giá trị lao động sư phạm, từ đó có kế

hoạch cụ thể tự nghiên cứu rèn luyện năng lực và phẩm chất của người giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, đội ngũ giảng viên và viên chức khoa đã không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn. Bên cạnh đó các Thầy Cô luôn định hướng rõ ràng trong công tác nghiên cứu khoa học, trải qua những năm nghiên cứu gần đây các đề tài ngày càng được tăng cường về số lượng và nâng cao về chất lượng.

c. Định hướng đổi mới giáo dục đào tạo của Khoa Sư phạm trong giai đoạn 2025-2030

Trong giai đoạn 2025-2030, khoa Sư phạm tập trung vào các mục tiêu chính sau:

- Đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo:
 - + Thiết kế chương trình theo chuẩn đầu ra phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, đặc biệt chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực người học.
 - + Tích hợp công nghệ số vào chương trình đào tạo, phát triển các môn học về giáo dục STEAM, giáo dục kỹ năng số, và trí tuệ nhân tạo.
 - + Ứng dụng phương pháp dạy học hiện đại như dạy học theo dự án, dạy học phân hóa, giáo dục cá nhân hóa và dạy học trải nghiệm.
- Phát triển đội ngũ giảng viên:
 - + Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng sư phạm cho giảng viên theo chuẩn quốc tế.
 - + Khuyến khích nghiên cứu khoa học sư phạm và đổi mới sáng tạo trong giảng dạy.
 - + Tăng cường hợp tác với các cơ sở đào tạo sư phạm quốc tế để nâng cao chất lượng giảng viên.
- Ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số trong giáo dục
 - + Đẩy mạnh mô hình học tập kết hợp (blended learning), mở rộng đào tạo trực tuyến kết hợp với thực hành tại trường mầm non.
 - + Tích hợp công nghệ vào giảng dạy để nâng cao trải nghiệm học tập.
- Gắn đào tạo với thực tiễn giáo dục:
 - + Mở rộng hợp tác với các trường mầm non và doanh nghiệp giáo dục để đảm bảo sinh viên có môi trường thực hành và thực tập chuyên sâu.
 - + Đào tạo giáo viên theo hướng năng động, sáng tạo, có năng lực thích ứng với những thay đổi của giáo dục hiện đại.
 - + Khuyến khích tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong ngành giáo dục.
- Tăng cường hội nhập quốc tế

+ Tham gia các chương trình trao đổi sinh viên và giảng viên với các nước phát triển về giáo dục.

+ Hợp tác với các tổ chức giáo dục quốc tế để cập nhật xu hướng đào tạo sư phạm hiện đại.

Những định hướng này nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo trong bối cảnh công nghệ số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của trường và Khoa Sư phạm

a. Cơ cấu tổ chức của Trường

Công tác tổ chức, xây dựng bộ máy của Nhà trường ngày càng hoàn thiện với các đơn vị như sau:

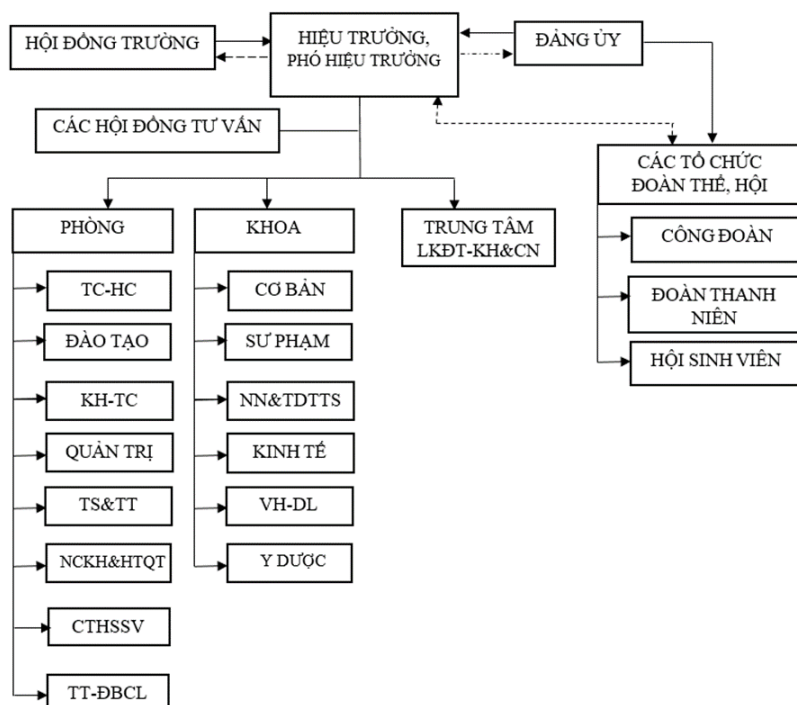
- 08 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC), Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch - Tài chính (KH-TC), Phòng Quản trị, Phòng Tuyển sinh và Truyền thông (TS&TT), Phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế (NCKH&HTQT), Phòng Công tác học sinh, sinh viên (CTHSSV), Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng (TT-ĐBCL).

- 06 khoa: Khoa Cơ bản, Khoa Sư phạm, Khoa Ngoại ngữ và Tiếng Dân tộc thiểu số (NN&TDTTS), Khoa Kinh tế, Khoa Văn hóa - Du lịch (VH-DL), Khoa Y- Dược và các bộ môn thuộc khoa.

- 01 trung tâm: Trung tâm Liên kết đào tạo - Khoa học và Công nghệ (LKĐT-KH&CN)

- Các hội đồng tư vấn cấp trường, cấp khoa.

- Tổ chức Đảng và các đoàn thể



Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường CĐCD Sóc Trăng

b. Cơ cấu tổ chức của Khoa Sư phạm

Khoa Sư phạm có 02 bộ môn (Nghiệm vụ, Cơ sở), tổ công đoàn, chi bộ. Khoa Sư phạm có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Chức năng

+ Khoa Sư phạm là đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng, được tổ chức lại theo Quyết định số 187/QĐ-CDCT ngày 30/5/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng.

+ Khoa Sư phạm là đơn vị tham mưu cho Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng trong việc quản lý các hoạt động đào tạo thuộc khoa.

- Nhiệm vụ

+ Quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học thuộc Khoa Sư phạm theo phân cấp của hiệu trưởng;

+ Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hằng năm của trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo và văn bản pháp luật có liên quan, bao gồm:

- Xây dựng chương trình đào tạo; biên soạn tài liệu, giáo trình đào tạo, học liệu của từng ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo và hình thức đào tạo thuộc khoa Khoa Sư phạm hoặc do hiệu trưởng giao.

- Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học, mô-đun liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, mô-đun của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo.

- Tổ chức đào tạo, nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy; ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông vào dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

+ Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến ngành, nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của Khoa Sư phạm;

+ Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo; ngành, nghề đào tạo và cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học; tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình đào tạo;

+ Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thuộc Khoa Sư phạm;

+ Tổ chức đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động trong khoa, bộ môn và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong trường theo quy định của Nhà trường;

+ Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo quy định của hiệu trưởng; đề xuất, xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị đào tạo của khoa;

+ Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của hiệu trưởng.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công.

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

a) Lãnh đạo Trường

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Đinh Thị Thái Hà	1972	Thạc sĩ, GVC Hiệu trưởng		
2	Nguyễn Văn Tâm	1973	Thạc sĩ Phó Hiệu trưởng		

b) Đơn vị thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Trịnh Thanh Hà	1969	Thạc sĩ, GVC Trưởng khoa		
2	Phạm Thị Thanh Thủy	1968	Thạc sĩ Phó Trưởng khoa		

c) Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội

Bộ phận	Trưởng bộ phận	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Đảng ủy	Đinh Thị Thái Hà	1972	Thạc sĩ, GVC Hiệu trưởng		

Công đoàn	Đinh Thị Thái Hà	1972	Thạc sĩ, GVC Hiệu trưởng		
Đoàn Thanh niên	Lê Văn Hiếu	1986	Thạc sĩ Bí thư		
Hội Sinh viên	Nguyễn Minh Thư	1991	Thạc sĩ Chủ tịch		

d) Các phòng chức năng

Bộ phận	Trưởng bộ phận	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
TC-HC	Trương Tấn Minh	1975	Cử nhân Trưởng phòng		
Đào tạo	Võ Thanh Sang	1976	Thạc sĩ Trưởng phòng		
KH-TC	Quách Hồng Duyên	1984	Thạc sĩ Trưởng phòng		
Quản trị	Nguyễn Trần Hoàng Vũ	1984	Thạc sĩ Phó Trưởng phòng		
TS&TT	Nguyễn Thị Thuở	1981	Tiến sĩ Trưởng phòng		
NCKH&H TQT	Nguyễn Tuyết Lan	1983	Thạc sĩ Trưởng phòng		
CTHSSV	Diệp Anh Huy	1976	Thạc sĩ Trưởng phòng		
TT-ĐBCL	Điền Huỳnh Ngọc Tuyết	1968	Thạc sĩ, GVC Trưởng phòng		

d) Các khoa, trung tâm

Bộ phận	Trưởng bộ phận	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
---------	----------------	----------	----------------------------	------------	-------

Khoa Cơ bản	Chương Ngọc Duy Hưng	1976	Tiến sĩ Trưởng khoa		
Khoa NN&TDTT	Lâm Ngọc Trang	1972	Thạc sĩ Phó Trưởng khoa		
Khoa Kinh tế	Trương Ngọc Phụng	1976	Thạc sĩ Phó Trưởng khoa		
Khoa VH-DL	Võ Văn Sự	1972	Thạc sĩ Trưởng khoa		
Khoa Y - Dược	Lê Thị Bá Hồng	1974	Bác sĩ chuyên khoa II Trưởng khoa		
Trung tâm LKĐT- KH&CN	Bùi Chí Dũng	1979	Thạc sĩ Giám đốc		

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 01

- Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không
- Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: Không
- Số lượng đào tạo đại học: Không
- Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 01 ngành
- Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Loại hình đào tạo	Có	Không
Chính quy	×	
Không chính quy		×
Từ xa		×
Liên kết đào tạo với nước ngoài		×
Liên kết đào tạo trong nước	×	

Vừa làm vừa học	×	
-----------------	---	--

29. Tổng số các ngành đào tạo: 01 ngành

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu			
I.1	Cán bộ trong biên chế	7	7	14
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn			
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)			
	Tổng số	7	7	14

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ						
5	Thạc sĩ	11	11		2		
6	Đại học	03	03				
7	Cao đẳng						

8	Trình độ khác						
	Tổng số	14	14				

Tổng số giảng viên cơ hữu: 14

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi

(Ví dụ đối với trường đại học, học viện)

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng	GV cơ hữu			Thỉnh giảng	Quốc tế	Quy đổi
				Trong biên chế trực tiếp giảng dạy	HD dài hạn trực tiếp giảng dạy	Kiểm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0							
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2							
5	Thạc sĩ	1	11	11		2			11,6
6	Đại học	0,5	3	3					1,5
	Tổng		14	12,5					13,1

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ, học vị	Số lượng	Tỷ lệ	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ									
5	Thạc sĩ	11	78,6%	5	6			7	4	
6	Đại học	3	21,4%	2	1			1	2	
	Tổng	14		7	7			8	6	

- Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 45 tuổi
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 3,4%
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 83,3%

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		70%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	20%	20%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	30%	10%

4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	50%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng		

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT	Số trúng tuyển	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm		Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học
					Theo điểm thi THPT	Theo học bạ		
2019-2020	Không có thông tin trong các năm này do chương trình đào tạo hiện hành áp dụng từ năm học 2023-2024							
2020-2021								
2021-2022								
2022-2023								
2023-2024	151	114	1,32	111	20,5	20,5	22,23	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT.

	Năm				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh	Không đào tạo				
2. Học viên cao học					

3. Sinh viên đại học		
Hệ chính quy		
Hệ không chính quy		
4. Sinh viên cao đẳng	Không có thông tin trong các năm này do chương trình đào tạo hiện hành áp dụng từ năm học 2023-2024	111
Trong đó:		
Hệ chính quy		111
Hệ không chính quy		0
5. Học sinh TCCN, Trong đó:	Không đào tạo	
Hệ chính quy		
Hệ không chính quy		
6. Khác...		

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT

	Năm				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ trên tổng số người học	0%	0%	0%	0%	0%

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu: (Sức chứa: 216 SV)

Các tiêu chí	Năm				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	Không có thông tin trong các năm này do chương trình đào tạo hiện hành áp dụng từ năm học 2023-2024				1296
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					90
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)					50

4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)		6
---	--	---

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

Các tiêu chí	Năm				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	Không có thông tin trong các năm này do chương trình đào tạo hiện hành áp dụng từ năm học 2023-2024				0
Tỷ lệ trên tổng số người học					0%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Chưa có thông tin vì người học theo chương trình này thuộc khóa đào tạo 2023-2026

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT

Chưa có thông tin vì người học theo chương trình này thuộc khóa đào tạo 2023-2026 tốt nghiệp vào năm 2025.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

T T	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Cấp Nhà nước	2,0						0
2	Cấp bộ	1,0						0
3	Cấp trường	0,5					4	2,0
Tổng								2,0

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

Đề tài cấp bộ bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2019-2020	Không có		
2	2020-2021	Không có		
3	2021-2022	Không có		
4	2022-2023	Không có		
5	2023-2024	Không có		

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia thực hiện đề tài khoa học			Ghi chú
	Cấp Nhà nước	Cấp bộ	Cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			9	
Từ 4 đến 6 đề tài			3	

Trên 6 đề tài			2	
Tổng số cán bộ tham gia			14	

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

T T	Phân loại sách	Hệ số	Số lượng					
			2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	Tổng (đã quy đổi)
1	Chuyên khảo	2,0					31	62
2	Giáo trình	1,5					65	97,5
3	Tham khảo	1,0					289	289
4	Hướng dẫn	0,5					48	24
Tổng							433	472,5

Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi):

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Chuyên khảo	Giáo trình	Tham khảo	Hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		3		
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia		3		

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

	Hệ	Số lượng
--	----	----------

T T	Phân loại tạp chí	số	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5						
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	1	1	2	1	2	7
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	4	4	5	6	5	11
Tổng			5	5	7	8	7	18

**** Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi):

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí/ tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo			4
Từ 6 đến 10 bài báo			2
Từ 11 đến 15 bài báo			1
Trên 15 bài báo			0
Tổng số cán bộ tham gia			7

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

	Hệ	Số lượng
--	-----------	-----------------

T T	Phân loại tạp chí	số	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,00						
2	Hội thảo trong nước	0,50				1	1	1.0
3	Hội thảo cấp trường	0,25	5	6	7	7	8	8,25
Tổng								9,25

Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi):

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo			5
Từ 6 đến 10 báo cáo			2
Từ 11 đến 15 báo cáo			1
Trên 15 báo cáo			0
Tổng số cán bộ tham gia			8

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (Ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
------------	---

2019-2020	
2020-2021	
2021-2022	
2022-2023	
2023-2024	

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			0	
Từ 4 đến 6 đề tài			0	
Trên 6 đề tài			0	
Tổng số người học tham gia			0	

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo					
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục: 156.340m².

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: 24.407 m².

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau:

- Nơi làm việc: 7.706 m²,
- Nơi học: 6806 m²
- Nơi vui chơi giải trí: 9895 m²

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 6806 m².
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 28,78 m²/SV

57. Tổng số đầu sách thuộc chuyên ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 433 đầu sách.

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 75 bộ
- Dùng cho người học học tập: 320 bộ

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 1,3/ SV.

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 14
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0%
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 83%

2. Người học:

- Tổng số người học chính quy (người): 286 người
- Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 20,43 SV/GV
- Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: 98%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

- Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: 92,5%
- Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: 5,4 %

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo: 75,6%

- Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo: 24,4%
- Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm: 3,7 triệu đồng.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay: 90,24%
- Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm: 9,76%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,0

- Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0 Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

- Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

- Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

7. Cơ sở vật chất:

- Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 1,3/sinh viên

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 5,0 m²/SV

- Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 6,0 m²/S

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG SÓC TRĂNG

Căn cứ Quyết định số 1251/QĐ-LĐT BXH ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Về việc sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật Sóc Trăng, Trường Trung cấp Y tế Sóc Trăng, Trường Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-CĐCĐ ngày 23 tháng 05 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2024 gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2.

Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá, ĐGN CTĐT của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 136/QĐ-CĐCĐ ngày 07 tháng 05 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành

Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2024.

Điều 3. Trưởng phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng, Trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐBCL.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Tâm

DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDGD, ngày tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đinh Thị Thái Hà	Phó Hiệu trưởng phụ trách Chủ tịch Công đoàn	Chủ tịch
2	Nguyễn Văn Tâm	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Trịnh Thanh Hà	Trưởng khoa Khoa Sư phạm	Phó Chủ tịch
4	Hồ Thành Châu	Giảng viên Khoa Sư phạm	Thư ký
5	Điền Huỳnh Ngọc Tuyết	Trưởng phòng Phòng TT-ĐBCL	Ủy viên
6	Võ Thanh Sang	Trưởng phòng Phòng Đào tạo	Ủy viên
7	Trương Tấn Minh	Trưởng phòng Phòng TC-HC	Ủy viên
8	Diệp Anh Huy	Trưởng phòng Phòng CT HSSV	Ủy viên
9	Quách Hồng Duyên	Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính	Ủy viên
10	Nguyễn Tuyết Lan	Trưởng phòng Phòng NCKH&HTQT	Ủy viên
11	Lâm Ngọc Trang	Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa NN&TDTT	Ủy viên

12	Chương Ngọc Duy Hưng	Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Cơ bản	Ủy viên
13	Huỳnh Dương Trung Trực	Phó Trưởng phòng Phòng TT-ĐBCL	Ủy viên
14	Lê Văn Hiếu	Bí thư Đoàn trường	Ủy viên
15	Đặng Thị Kim Ngân	Trưởng Bộ môn Khoa Sư phạm	Ủy viên
16	Châu Ngọc Thuý	Giảng viên Khoa Sư phạm	Ủy viên
17	Nguyễn Thị Diễm Thuý	Giảng viên Khoa Sư phạm	Ủy viên
18	Trần Thị Mỹ Trang	Giảng viên Khoa Sư phạm	Ủy viên
19	Nguyễn Lê Trần	Trưởng bộ môn Khoa Sư phạm	Ủy viên
20	La Nguyễn Ngọc Thanh	Giảng viên Khoa Sư phạm	Ủy viên
21	Nguyễn Thị Bích Hằng	Giảng viên Khoa Sư phạm	Ủy viên
22	Lê Hoàng Thơ	Giảng viên Khoa Sư phạm	Ủy viên
23	Quách Mỹ Quyên	Giảng viên Khoa Sư phạm	Ủy viên
24	Mai Minh Đức	Giảng viên Khoa Sư phạm	Ủy viên
25	Nguyễn Lê Kiều Tiên	Sinh viên Khoa Sư phạm	Ủy viên

(Danh sách gồm có 25 người).

DANH SÁCH**Thành viên Ban Thư ký**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDCEĐ, ngày tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hồ Thành Châu	Giảng viên Khoa Sư phạm	Trưởng Ban thư ký
2	Nguyễn Thị Diễm Thúy	Giảng viên Khoa Sư phạm	Ủy viên
3	Quách Mỹ Quyên	Giảng viên Khoa Sư phạm	Ủy viên
4	Huỳnh Dương Trung Trực	Phó Trưởng phòng Phòng TT-ĐBCL	Ủy viên

(Danh sách gồm có 04 người)

DANH SÁCH**Các nhóm công tác chuyên trách**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDGD, ngày tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm chuyên trách 1: phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, 3			
1	Trịnh Thanh Hà	Trưởng khoa Khoa Sư phạm	Trưởng nhóm
2	Hồ Thành Châu	Giảng viên Khoa Sư phạm	Thư ký
3	Nguyễn Thị Diễm Thúy	Giảng viên	Ủy viên
4	Quách Mỹ Quyên	Giảng viên Khoa Sư phạm	Ủy viên
Nhóm chuyên trách 2: phụ trách tiêu chuẩn 4, 6			
1	Đặng Thị Kim Ngân	Trưởng Bộ môn Khoa Sư phạm	Trưởng nhóm
2	La Nguyễn Ngọc Thanh	Giảng viên Khoa Sư phạm	Thư ký
3	Lê Hoàng Thơ	Giảng viên Khoa Sư phạm	Ủy viên
4	Lâm Ngọc Trang	Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa NN&TDTTS	Ủy viên
5	Chương Ngọc Duy Hưng	Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Cơ bản	Ủy viên
Nhóm chuyên trách 3: phụ trách tiêu chuẩn 5, 8, 10			
1	Nguyễn Lê Trần	Trưởng Bộ môn Khoa Sư phạm	Trưởng nhóm
2	Châu Ngọc Thuỷ	Giảng viên Khoa Sư phạm	Thư ký
3	Võ Thanh Sang	Trưởng phòng Phòng Đào tạo	Ủy viên

4	Diệp Anh Huy	Trưởng phòng Phòng CT HSSV	Ủy viên
5	Lê Văn Hiếu	Bí thư Đoàn trường	Ủy viên
Nhóm chuyên trách 4: phụ trách tiêu chuẩn 7, 9			
1	Trần Thị Mỹ Trang	Giảng viên Khoa Sư phạm	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Thị Bích Hằng	Giảng viên Khoa Sư phạm	Thư ký
3	Mai Minh Đức	Giảng viên Khoa Sư phạm	Ủy viên
4	Trương Tấn Minh	Trưởng phòng Phòng TC-HC	Ủy viên
5	Huỳnh Dương Trung Trực	Phó Trưởng phòng Phòng TT-ĐBCL	Ủy viên

(Danh sách gồm có 19 người)

KẾ HOẠCH
Chỉ đạo tổ chức tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo
Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

Căn cứ Công văn số 454/TCĐN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT;

Căn cứ Công văn số 756/QLCL-KĐCLGD ngày 21/5/2020 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT GV trình độ CĐSP và TCSP;

Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng lập Kế hoạch chỉ đạo tổ chức tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo năm 2024 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Thu thập, phân loại, mã hóa thông tin, minh chứng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng được quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT;

Hàng năm, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo



gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Quản lý chất lượng), UBND tỉnh Sóc Trăng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng theo đúng thời gian quy định.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

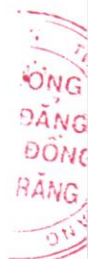
Dự kiến năm đăng ký đánh giá ngoài như sau:

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	KHOA	DỰ KIẾN NĂM ĐĂNG KÝ ĐÁNH GIÁ NGOÀI			
			2025	2026	2027	2029
1	Dược	Y-Dược	X			
2	Kế toán	Kinh tế	X			
3	Điều dưỡng	Y-Dược		X		
4	Tin học ứng dụng	Kinh tế		X		
5	Tiếng Anh	NN&TDTTS			X	
6	Quản trị kinh doanh	Kinh tế			X	
7	Giáo dục mầm non	Sư phạm				X

Thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT hàng năm, cụ thể như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Người/đơn vị chủ trì	Người/đơn vị phối hợp	Kết quả dự kiến
1	Tham mưu văn bản đề nghị các khoa chủ trì, nghiên cứu thực hiện tự đánh giá CTĐT	Tháng 2	Phòng Thanh tra-Khảo thí-KĐCL	Các khoa	Văn bản tham mưu
2	Lập kế hoạch chung thực hiện tự đánh giá các CTĐT	Tháng 3	Phòng Thanh tra-Khảo thí-KĐCL	Các phòng, khoa, trung tâm	- Kế hoạch - Các đơn vị phối hợp thực hiện
3	- Tham mưu mời chuyên gia tư vấn về TĐG CTĐT - Dự thảo Kế hoạch học tập, trao đổi kinh nghiệm về TĐG CTĐT (nếu các khoa có nhu cầu thì dự kiến thực hiện trong Quý 2,3 hàng năm)	Quý 2,3	Phòng Thanh tra-Khảo thí-KĐCL	Các phòng, khoa, trung tâm	- Tổ chức Hội thảo về TĐG CTĐT - Kế hoạch ban hành thực hiện trong Quý 2 hàng năm - Các đơn vị phối hợp thực hiện

4	Thành lập các Hội đồng TĐG CTĐT (khoa đề xuất thành viên)	Tháng 4	Lãnh đạo các khoa	Phòng Thanh tra-Khảo thí-KĐCL	Quyết định thành lập các Hội đồng TĐG CTĐT
5	Xây dựng kế hoạch Tự đánh giá CTĐT của khoa theo lộ trình dự kiến	Tháng 4	Lãnh đạo các khoa	Viên chức thuộc khoa	- Kế hoạch - Bảng phân công
6	Thực hiện thu thập thông tin, minh chứng và viết báo cáo tiêu chuẩn	Từ tháng 5 đến tháng 11	Lãnh đạo các khoa	Viên chức thuộc khoa	- Báo cáo - Mã hóa MC theo từng tiêu chí/tiêu chuẩn - Bảng mã minh chứng
7	Rà soát, sắp xếp thông tin, minh chứng phù hợp với tiêu chí, tiêu chuẩn	Tuần 1 tháng 12	Thư ký các Hội đồng	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT	- Phân loại các minh chứng, xem xét mức độ đánh giá tiêu chuẩn (đạt/không đạt). - Cấu trúc lại các phần, bổ sung minh chứng, chỉnh sửa để tạo sự thống nhất
8	Hoàn thiện dự thảo báo cáo gửi xin ý kiến thành viên Hội đồng và các đơn vị toàn trường. Tổng hợp ý kiến góp ý của cá nhân, đơn vị; Hoàn thiện báo cáo.	Tuần 2 tháng 12	Thư ký Hội đồng	Hội đồng; Các đơn vị	- Tổng hợp báo cáo và minh chứng theo tiêu chí, tiêu chuẩn từ các đơn vị, hoàn thiện dự thảo báo cáo. - Báo cáo được hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến đóng góp.



9	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT thông qua báo cáo. Hiệu trưởng phê duyệt báo cáo.	Tuần 3 tháng 12	Chủ tịch HĐ tự đánh giá CTĐT	Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT; Khoa có CTĐT	- Nội dung báo cáo tự đánh giá chất lượng phải được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng nhất trí thông qua. - Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT
10	Gửi báo cáo về cơ quan có thẩm quyền	Trước 25/12 hàng năm	Phòng Thanh tra - khảo thí - KDCL	Các Khoa có CTĐT	- Báo cáo gửi về Bộ LĐTĐ&XH và Sở LĐTĐ&XH tỉnh Sóc Trăng

Thời hiệu đánh giá:

- Đối với CTĐT Cao đẳng Giáo dục mầm non: Đánh giá 05 năm (từ năm 2020 đến hết năm 2024).
- Đối với CTĐT trình độ cao đẳng khối GDNN: Đánh giá 03 năm (từ năm 2022 đến hết năm 2024).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT

- Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT có chức năng giúp Hiệu trưởng thực hiện việc tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành.
- Đơn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT các ngành và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.

2. Phòng Thanh tra - Khảo thí - Kiểm định chất lượng

- Tham mưu với Lãnh đạo trường lập kế hoạch chỉ đạo tổ chức tự đánh giá chất lượng CTĐT các ngành.
- Hỗ trợ các đơn vị thu thập thông tin, minh chứng tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo.
- Hướng dẫn các đơn vị thực hiện báo cáo tự đánh giá theo tiêu chí, tiêu chuẩn quy định.
- Nhận báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT từ các Khoa; gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng theo đúng thời gian quy định.

3. Các Khoa: là đơn vị chủ trì thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT, thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phân công các thành viên trong Khoa thực hiện kế hoạch tự đánh giá.
- Đôn đốc các đơn vị trong Trường thực hiện tự đánh giá theo tiêu chí, tiêu chuẩn theo kế hoạch, đúng quy định.
- Tổng hợp, rà soát báo cáo và minh chứng tự đánh giá chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn từ các đơn vị theo kế hoạch.
- Hoàn thiện báo cáo và minh chứng tự đánh giá, lấy ý kiến thành viên Hội đồng, các đơn vị trực thuộc trường.
- Tổ chức họp Hội đồng TĐG CTĐT theo đúng kế hoạch.
- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng CTĐT.
- Nộp báo cáo tự đánh giá về Phòng Thanh tra - Khảo thí - Kiểm định chất lượng đúng thời gian quy định.

4. Các đơn vị có liên quan

Hỗ trợ, cung cấp minh chứng cho các khoa.

Nhà trường yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc liên hệ Phòng Thanh tra - Khảo thí - Kiểm định chất lượng để được hướng dẫn, giải đáp. /

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Các phòng, khoa, trung tâm (t/h);
- Lưu: VT, KĐCL.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Tâm